Biểu số: 16B/GNN-2025
Khổ biểu: 29,7x21cm

**Phụ lục II**

**DANH SÁCH CÔNG DÂN TẠM HOÃN GỌI NHẬP NGŨ NĂM 2027**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-BCH ngày tháng 9 năm 2026 của Bộ CHQS tỉnh)*

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày tháng năm sinh<br>Số căn cước hoặc CCCD | Nghề nghiệp<br>Nơi làm việc<br>Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi thường trú của gia đình, bản thân.<br>Nơi ở hiện nay của bản thân.<br>Nơi làm việc (nếu có) | Thành phần gia đình<br>Thành phần bản thân<br>Dân tộc,Tôn giáo | Trình độ văn hóa,CMKT<br>Ngoại ngữ<br>Đảng Đoàn | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Hoàng Nhựt | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Hồng Ân, 1973, Làm ruộng | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 chuyển giới |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Đại học QTNHKS | Nguyễn Mai Tuyền, 1976, Làm ruộng | |
| | 24/6/2002 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202007283 | | | | Đoàn | | |
| 2 | Phạm Quốc Dững | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Quốc Dân, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trương Thị Phượng, 1978, Làm ruộng | |
| | 4/4/2007 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh | Đoàn | Không | |
| | 91207009238 | | | không | | | |
| 3 | Danh Nguyễn Hoàng Phúc | Học sinh | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Danh Phú, 1981 Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Gò Quao | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thi Bé Mua,1987, Làm ruộng | |
| | 09/02/2008 | Không | Gò Quao | Khmer | Đoàn | Không | |
| | 091208011128 | | | Không | | | |
| 4 | Nguyễn Đức Hưởng | Học sinh | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Liệt, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | THPT U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Trang, 1980, Làm ruộng | |
| | 21/03/2008 | Không | THPT U Minh Thượng | Kinh | Đoàn | không | |
| | 091208014421 | | | không | | | |
| 5 | Trần Huy Luật | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Thanh Xiếu, 1969, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Thanh Hằng, 1970, Làm ruộng | |
| | 13/3/2007 | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | Kinh | Đoàn | Không | |
| | 91207009972 | | | không | | | |
| 6 | Bùi Ngọc Thiện | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Bùi Văn Thăng, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học Kiên Giang | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lê Thị Trinh, 1983, Làm ruộng | |
| | 6/10/2007 | Không | Trường Đại học Kiên Giang | Kinh | Đoàn | Không | |
| | 91207005569 | | | không | | | |
| 7 | Nguyễn Thành Lộc | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Liệt, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học Đồng Tháp | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Trang, 1980, Làm ruộng | |
| | 18/11/2006 | Không | Trường Đại học Đồng Tháp | Kinh | Đoàn | Không | |
| | 091206000582 | | | không | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 8 | Bùi Trọng Phúc | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Bùi Đăng Hinh SN, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học FPT | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Hạnh SN, 1981, Làm ruộng | |
| | 6/9/2006 | Không | Trường Đại học FPT | Kinh | Đoàn | Không | |
| | 091206000587 | | | không | | | |
| 9 | Huỳnh Vĩ Khang | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Văn Mừng, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại Học y Cần Thơ | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Kim Tranh, 1982, Làm ruộng | |
| | 21/6/2005 | Không | Trường Đại Học y Cần Thơ | Kinh | Đoàn | Không | |
| | 091205002650 | | | không | | | |
| 10 | Trần Khả Bách | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Thắng, 1977,, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học CNKT TP HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Hồng, 1977,, Giáo viên | |
| | 10/7/2005 | Không | Trường Đại học CNKT TP HCM | Kinh | Đoàn | Không | |
| | 091205007667 | | | không | | | |
| 11 | Nguyễn Thanh Hào | Sinh Viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Phước Hiền, 1973, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học ĐT | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn T.Thiên Trang, 1981, Làm ruộng | |
| | 28/1/2006 | Không | Trường Đại học ĐT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206000603 | | | | | | |
| 12 | Nguyễn Phạm Minh Triết | Sinh Viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Toản, 1982, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Du học nghề tại CHLB Đức | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phạm Ngọc Ân, 1983, Cán bộ | |
| | 9/2/2006 | Không | Tập đoàn giáo dục BLA | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206000863 | | Du học nghề tại CHLB Đức | | | | |
| 13 | Huỳnh Văn Thái | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Hữu Khoa, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học Tây Đô | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Chọn, 1975, Làm ruộng | |
| | 24/2/2005 | Không | Trường Đại học Tây Đô | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205000627 | | | | | | |
| 14 | Nguyễn Trung Kiên | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Si Gal, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Cao đẳng điện lực TPHCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Bùi Thị Thúy, 1984, Làm ruộng | |
| | 5/5/2006 | Không | Đại học Cao đẳng điện lực TPHCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206000580 | | | | | | |
| 15 | Võ Đông Bình | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Đông Triều, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học Khoa học tự nhiên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lại Duy Phương, 1981, Làm ruộng | |
| | 29/3/2006 | Không | Trường Đại học Khoa học tự nhiên | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206000640 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 16 | Nguyễn Minh Kha | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Minh Vũ, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Du học nghề tại CHLB Đức | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Huỳnh thị Hồng Đoan, 1971, Làm ruộng | |
| | 8/2/2006 | Không | Tập đoàn giáo dục BLA | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206000866 | | Du học nghề tại CHLB Đức | | | | |
| 17 | Nguyễn Trung Kiên | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Kiến, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao Đẳng KG | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lý Diệu Hiền, 1971, Làm ruộng | |
| | 5/5/2006 | Không | Trường Cao Đẳng KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206000864 | | | | | | |
| 18 | Võ Thanh Trung | Sinh Viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Tấn Sĩ, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại Học Kiên Giang | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lê Thị Nguyện, 1977, Làm ruộng | |
| | 12/11/2007 | Không | Đại Học Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | không | |
| | 091207013404 | | | | | | |
| 19 | Nguyễn Trí Trung | Sinh Viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Trí Tín, 1978, Kiểm lâm | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐHSP Đồng Tháp | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Ngân, 1985, làm ruông | |
| | 29/08/2008 | Không | ĐHSP Đồng Tháp | Kinh | Đoàn | Không | |
| | 091208004988 | | | không | | | |
| 20 | Nguyễn Đăng Khoa | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Khỏe Mạnh, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường dự bị đại học TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Du Thị Ngọc Nương,1983, Làm ruộng | |
| | 09/07/2008 | Không | Trường dự bị đại học TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208009309 | | | | | | |
| 21 | Ngô Dương Bằng | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Ngô Văn Công, 1982,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học SPKT Vinh long | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Thị Tuyết Đang,1979,Làm ruộng | |
| | 06/10/2008 | Không | Đại học SPKT Vinh long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208014978 | | | | | | |
| 22 | Trương Văn Mến | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trương Văn Tròn, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao đẳng Kiên Giang | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Thủy, 1975, Làm ruộng | |
| | 10/4/2007 | Không | Cao đẳng Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207004444 | | | | | | |
| 23 | Lê Huỳnh Chí Thiện | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Thành Tâm, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Nguyễn Ái Nhi,1985,Làm ruộng | |
| | 10/06/2008 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208001302 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 24 | Nguyễn Võ Ngọc Tâm | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Minh, 1965, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Ngọc Tươi, 1975, Làm ruộng | |
| | 15/2/2006 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206013677 | | | | | | |
| 25 | Nguyễn Huỳnh Trung Hải | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Hồng Tâm (chết) | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | CĐ Y học cổ truyền KG | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Sinh viên | không | Huỳnh Thị Tư, 1976, Hộ lý Y tế | |
| | 7/12/2008 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208014978 | | | | | | |
| 26 | Nguyễn Thanh Hạo | Sinh viên | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thanh Hà, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao Đẳng Dược Cần thơ | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Học sinh | Không | Nguyễn Thúy Diễm, 1982, Làm ruộng | |
| | 23/9/2008 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208014161 | | | | | | |
| 27 | Nguyễn Hoàng Khang | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Tám, 1976 làm ruông | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Nhung, 1979 làm ruông | |
| | 27/04/2008 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208003192 | | | | | | |
| 28 | Võ Trọng Nhân | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Trung Kiên, 1977,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Lệ, 1977,Làm ruộng | |
| | 28/6/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | | | | | | | |
| 29 | Nguyễn Trí Yên | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Thanh Bình, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị My, 1981, Làm ruộng | |
| | 6/5/2007 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207014398 | | | | | | |
| 30 | Nguyễn Minh Phong | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Nguyễn Văn Đoàn(chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Vân, 1978, Làm ruộng | |
| | 2/5/2007 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207000150 | | | | | | |
| 31 | Danh Lượng | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Danh Hoàng Thương( chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Nhỏ, 1974, Làm thuê | |
| | 6/1/2006 | Không | TP.HCM | Kerme, Không | Không | Không | |
| | 091206006377 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 32 | Trần Văn Tài | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Cộp, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Ánh Hậu, 1980, Làm ruộng | |
| | 9/28/2006 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206002372 | | | | | | |
| 33 | Dương Trọng Nghiệp | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Dương Bé Tí·, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đinh Thị Kiều, 1983, Làm ruộng | |
| | 12/19/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001837 | | | | | | |
| 34 | Huỳnh Thanh Mừng | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Thật, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Mỹ Truyện, 1976, Làm ruộng | |
| | 4/1/2006 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206017304 | | | | | | |
| 35 | Lê Văn Nguyên | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Thị Bé Thi, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Văn Thực, 1980, Làm ruộng | |
| | 4/16/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001970 | | | | | | |
| 36 | Dương Trọng Lượng | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Dương Bé Tí, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đinh Thị Kiều, 1983, Làm ruộng | |
| | 2/20/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205001911 | | | | | | |
| 37 | Trần Lợi | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Minh, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Danh Thị Ten, 1984, Làm ruộng | |
| | 3/18/2005 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205013447 | | | | | | |
| 38 | Dương Tuyển | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Dương Thanh Chí, 1987, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nhâm Thị Chúc Ly, 1984, Làm ruộng | |
| | 7/20/2005 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205001791 | | | | | | |
| 39 | Trần Hải Đăng | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Trần Văn Đó, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Viên, 1972, Làm ruộng | |
| | 8/1/2005 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205001797 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 40 | Huỳnh Thanh Ngoan | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Trận, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Nhớ, 1983, Làm ruộng | |
| | 9/29/2005 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | không | |
| | 091205004594 | | | | | | |
| 41 | Trần Văn Đầy | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Dủ, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Kim Thanh, 1983, Làm ruộng | |
| | 2/10/2004 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204001861 | | | | | | |
| 42 | Nguyễn Thanh Giang | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thanh Điều, 1971Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Cẩm, 1981, Làm thuê | |
| | 4/14/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204006919 | | | | | | |
| 43 | Trương Văn Đạt | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Trương Văn Kiều, 1979, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Hồng Ảnh, 1980, Làm thuê | |
| | 9/9/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204002066 | | | | | | |
| 44 | Trần Văn Hậu | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Trần Văn Tài, 1971Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Gập, 1970Làm thuê | |
| | 8/19/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204004066 | | | | | | |
| 45 | Võ Văn Tý | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Út, 1971Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Thu Ba, 1971Làm thuê | |
| | 5/16/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204009085 | | | | | | |
| 46 | Huỳnh Văn Phương | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Trận, 1983Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Nhớ, 1984, Làm thuê | |
| | 5/22/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204114794 | | | | | | |
| 47 | Danh Lực | Làm Thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Danh Hoàng Thương( chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | tinh An Giang | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Nhỏ, 1974, Làm thuê | |
| | 1/1/2004 | Không | tinh An Giang | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204014980 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 48 | Trương Văn Phát | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Trương Văn Kiều, 1979, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Hồng Ảnh, 1980, Làm thuê | |
| | 3/29/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203004512 | | | | | | |
| 49 | Ngô Văn Phú | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Ngô Văn Xuân, 1974, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Bích Hạnh, 1972, Làm thuê | |
| | 4/27/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008075 | | | | | | |
| 50 | Bùi Vũ Kiệt | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Bùi Văn Ly, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Quách Thị Hạnh, 1978, Làm ruộng | |
| | 10/29/2003 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203000670 | | | | | | |
| 51 | Ngô Văn Nhứt | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Ngô Văn Nhanh, 1960, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Phương, 1961, Làm ruộng | |
| | 9/18/2003 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203009515 | | | | | | |
| 52 | Trần Trọng Phúc | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Cha: Trần Văn Dủ 1975, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Kim Thanh 1980, làm ruộng | |
| | 10/21/2003 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203006692 | | | | | | |
| 53 | Lê Văn Việt | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Tô Văn Hoa 1987, làm ruông | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Gấm 1986, làm ruộng | |
| | 6/1/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | không | |
| | 091202006448 | | | | | | |
| 54 | Trần Tấn Đạt | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Tuấn, 1977, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Phượng, 1978, Làm thuê | |
| | 1/1/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202015186 | | | | | | |
| 55 | Dương Trọng Nghĩa | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Dương Tôn Bảo, 1977, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Bé Khuyên, 1979, Làm thuê | |
| | 10/28/2002 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202011767 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 56 | Trương Nhật Hoa | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Trương Văn Dùng, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kim Chi, 1970, Làm ruộng | |
| | 9/9/2002 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001696 | | | | | | |
| 57 | Nguyễn Thanh Phong | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Hoàng Tư, 1964, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Út, 1965, Làm ruộng | |
| | 11/25/2002 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001785 | | | | | | |
| 58 | Võ Thành Đà | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Thành Đậm, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trương Thị Kim Liên, 1981, Làm ruộng | |
| | 2/4/2002 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202000818 | | | | | | |
| 59 | Bùi Văn Hóa | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Bùi Văn Tiền, 1978, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thiều Thị Xiếu, 1978Làm thuê | |
| | 6/20/2002 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001113 | | | | | | |
| 60 | Lê Vủ Luân | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Thanh Bình, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Đẹp, 1976, Làm ruộng | |
| | 9/27/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201011428 | | | | | | |
| 61 | Huỳnh Văn Tiếng | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Ngọc Tại, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Em, 1976, Làm ruộng | |
| | 7/27/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201001528 | | | | | | |
| 62 | Bùi Văn Tài | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Bùi Văn Tiền, 1978, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thiều Thị Xiếu, 1979Làm thuê | |
| | 4/16/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201006397 | | | | | | |
| 63 | Huỳnh Văn Tỷ | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Văn Trong, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Út, 1974, Làm ruộng | |
| | 11/10/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201005662 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 64 | Ngô Vũ Hải | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Ngô Việt Đông, 1974 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thanh Tuyền, 1976, Làm ruộng | |
| | 10/15/2001 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201012202 | | | | | | |
| 65 | Nguyễn Phùng Hưng Thạnh | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Trường Giang, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Rạch Giá | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phùng Thị Cuối Hiên, 1981, Làm ruộng | |
| | 8/15/2005 | Không | Rạch Giá | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205005715 | | | | | | |
| 66 | Trương Anh Hào | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trương Văn Tự, 1987, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Trinh, 1983, Làm ruộng | |
| | 7/6/2006 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001842 | | | | | | |
| 67 | Dương Trọng Nghiệp | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Dương Tôn Bảo, 1977, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Bé Khuyên, 1979, Làm thuê | |
| | 11/09/2008 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | | |
| | 091208006306 | | | | | | |
| 68 | Trương Văn Huy | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trương Văn Biểu, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Hồng, 1970, Làm ruộng | |
| | 9/18/2007 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96207009889 | | | | | | |
| 69 | Lê Vĩ Khang | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Trường, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thanh Thảo, 1987, Làm ruộng | |
| | 10/9/2007 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207004701 | | | | | | |
| 70 | Danh Trường Phương | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Định, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhản, 1979, Làm ruộng | |
| | 2/9/2007 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091207015328 | | | | | | |
| 71 | Vũ Ngọc Khải Hoàn | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Vũ Ngọc Tám, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hoa, 1984, Làm ruộng | |
| | 8/18/2007 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207014196 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 72 | Đoàn Văn Bởn | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Đoàn Văn Thia, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Kim Ngào, 1982, Làm ruộng | |
| | 2/20/2007 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207010321 | | | | | | |
| 73 | Nguyễn Gia Huy | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Lẹ, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Viên Thị Huyền, 1977, Làm ruộng | |
| | 1/1/2007 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207009849 | | | | | | |
| 74 | Trần Ngọc Triết | Làm Thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Trọng, 1988, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đoàn Thị Oanh, 1989, Làm ruộng | |
| | 1/23/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207007083 | | | | | | |
| 75 | Đoàn Chí Thiện | Làm Thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7'12 | Đoàn Chí Tâm, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Tròn, 1979, Làm ruộng | |
| | 10/31/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001737 | | | | | | |
| 76 | Đoàn Văn Tí | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đoàn Văn Thia, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Kim Ngào, 1979, Làm ruộng | |
| | 11/24/2005 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205007355 | | | | | | |
| 77 | Danh Trường Giang | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Định, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhân, 1980, Làm ruộng | |
| | 5/9/2005 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205004006 | | | | | | |
| 78 | Nguyễn Văn Trắng | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Nĩ, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Hà, 1981, Làm ruộng | |
| | 2/22/2005 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205016879 | | | | | | |
| 79 | Đoàn Văn Sang | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đoàn Văn Hận, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Kim Thu, 1982, Làm ruộng | |
| | 1/1/2004 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204004927 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 80 | Võ Hoàng Em | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Hoàng, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kép, 1980, Làm ruộng | |
| | 6/6/2004 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204007563 | | | | | | |
| 81 | Lê Thanh Mộng | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Hiếu Nghĩa, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hạnh, 1985, Làm ruộng | |
| | 2/16/2004 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204006038 | | | | | | |
| 82 | Lê Thanh Phong | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Thanh Hùng, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Kiều, 1981, Làm ruộng | |
| | 1/1/2004 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204010495 | | | | | | |
| 83 | Võ Văn Kiệt | Làm Thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Võ Văn Thanh, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Sen, 1981, Làm ruộng | |
| | 9/11/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204012591 | | | | | | |
| 84 | Nguyễn Gia Đạt | Làm Thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Lẹ, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Viên Thị Huyền, 1978, Làm ruộng | |
| | 1/7/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204011280 | | | | | | |
| 85 | Trần Thanh Quân | Làm Thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trần Thanh Dũng, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tô Thị Hồng, 1971, Làm ruộng | |
| | 9/29/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 0912040011118 | | | | | | |
| 86 | Trương Chiến Trường | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trương Chiến Thắng, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Nặng, 1977, Làm ruộng | |
| | 11/16/2004 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204001133 | | | | | | |
| 87 | Nguyễn Văn Đen | Làm Thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Ni, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Hà, 1977, Làm ruộng | |
| | 3/30/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203017104 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 88 | Cao Hữu Thuận | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Cao Hữu Thực, 1960, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | tỉnh Long An | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Phành, 1968, Làm ruộng | |
| | 1/1/2003 | Không | tỉnh Long An | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203015080 | | | | | | |
| 89 | Nguyễn Văn Nguyễn | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tý, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lệ, 1970, Làm ruộng | |
| | 10/4/2003 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 0912030023191 | | | | | | |
| 90 | Lê Văn Hiền | Làm Thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Thuận, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Hà Thị Phượng, 1980, Làm ruộng | |
| | 4/18/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203000792 | | | | | | |
| 91 | Huỳnh Hữu Trí | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Quốc Sự, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Hiệp, 1979, Làm ruộng | |
| | 11/5/2002 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202005383 | | | | | | |
| 92 | Trần Văn Tiến | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Thanh Dũng, 1961, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tô Thị Hồng, 1962, Làm ruộng | |
| | 2/18/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001861 | | | | | | |
| 93 | Nguyễn Thành Nhu | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thành Nhường, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Nhanh, 1979, Làm ruộng | |
| | 1/1/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001776 | | | | | | |
| 94 | Nguyễn Vĩ Khang | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Minh Phong, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Mỹ Linh, 1978, Làm ruộng | |
| | 11/16/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202005958 | | | | | | |
| 95 | Nguyễn Hữu Trì | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Thắng, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Thu Nguyệt, 1977, Làm ruộng | |
| | 11/11/2002 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001076 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 96 | Phan Thanh Duy | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Phan Văn Hậu, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Trinh, 1975, Làm ruộng | |
| | 7/16/2001 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201015053 | | | | | | |
| 97 | Huỳnh Nhựt Hào | Đi biển | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Chi, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Mai, 1975, Làm ruộng | |
| | 11/13/2001 | | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201010017 | | ấp Công Sự, U Minh Thượng | | | | |
| 98 | Phạm Văn Tý | Làm Thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Hải, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lanh, 1980, Làm ruộng | |
| | 6/15/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201013041 | | | | | | |
| 99 | Phạm Văn Khang | Làm Thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Bề, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Chanh, 1979, Làm ruộng | |
| | 11/7/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201006634 | | | | | | |
| 100 | Danh Minh Kha | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Thanh Tiền, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Giáo, 1981, Làm ruộng | |
| | 1/15/2001 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201003459 | | | | | | |
| 101 | Trần Thống Nhất | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Giải Phóng, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | | |
| | 9/27/2000 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091200002604 | | | | | | |
| 102 | Nguyễn Tuấn Kiệt | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Đoàn, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đỗ Thị Hiền, 1977, Làm ruộng | |
| | 11/29/2000 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091200014780 | | | | | | |
| 103 | Nguyễn Văn Đạt | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Hoàng Văn Yên, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tuyết, 1978, Làm ruộng | |
| | 11/6/2000 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091200008099 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 104 | Phạm Thanh Mộng | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phạm Thanh Tùng, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Mai Mỹ Thế, 1980, Làm ruộng | |
| | 7/9/2000 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091200009786 | | | | | | |
| 105 | Trần Dĩ Khang | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Cảnh, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Hồng Gấm, 1975, Làm ruộng | |
| | 01/11/2000 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 95200001147 | | | | | | |
| 106 | Nguyễn Hoàng Kha | Đi biển | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Yên, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tôn Thị Phượng, 1973, Làm ruộng | |
| | 10/14/2000 | | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091200000667 | | | | | | |
| 107 | Tăng Minh Thống | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Tăng Minh Thiệt, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Liên, 1978, Làm ruộng | |
| | 12/10/2000 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091200006734 | | | | | | |
| 108 | Nguyễn Văn Nhẫn | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Phạm Văn Sơn, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Hường, 1981, Làm ruộng | |
| | 7/9/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205006220 | | | | | | |
| 109 | Nguyễn Đình Trí | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Dũng,1982;làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Ngọc Bé, 1988,làm ruộng | |
| | 08/03/2008 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208016735 | | | | | | |
| 110 | Phạm Văn Truyền | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Tạo, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Linh, 1985, Làm ruộng | |
| | 6/14/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205006224 | | | | | | |
| 111 | Huỳnh Hữu Khương | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Quốc Sự, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Hiệp, 1973, Làm ruộng | |
| | 9/15/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204005837 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 112 | Võ Thái Hòa | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thanh Hưởng, 1955, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Không | |
| | 11/22/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203003821 | | | | | | |
| 113 | Nguyễn Thanh Thảo | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Phương, 1972, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Loan, 1974, Làm ruộng | |
| | 9/5/2005 | Không | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205015026 | | | | | | |
| 114 | Đỗ Bình | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | (cha chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ở Hàn Quốc | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Sữ Thị Diệu, 1978, Làm ruộng | |
| | 12/30/2002 | Không | ở Hàn Quốc | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91302014191 | | | | | | |
| 115 | Nguyễn Hoàng Anh | Làm thuê | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Tám, 1976, Làm ruộng | Đang lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | ở Hàn Quốc | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Nhung, 1979, Làm ruộng | |
| | 10/29/2003 | Không | ở Hàn Quốc | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203001689 | | | | | | |
| 116 | Võ Thành Kha | Làm ruộng | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Thành Đậm, 1979, Làm ruộng | Đang lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | Nhật Bản | ấp Công Sự, U Minh Thượng | Nông dân | CĐ CNCK | Trương Thị Kim Kiên, 1981, Làm ruộng | |
| | 28/03/2003 | Không | Nhật Bản | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203001688 | | | | Đoàn | | |
| 117 | Lê Quốc Đại | Sinh viên | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Quốc Dũng, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường: ĐH Nam CT | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lương Thị Loan, 1986, Làm ruộng | |
| | 14/4/2007 | Không | Trường: ĐH Nam CT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207000461 | | | | | | |
| 118 | Nguyễn Nguyễn | Sinh viên | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thanh Nẵng, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trương Hồng Thúy, 1979, Làm ruộng | |
| | 15/4/2007 | Không | Trường ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207013451 | | | | | | |
| 119 | Phạm Tấn Đạt | Sinh viên | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Trung Kiên, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Y cần thơ | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Thạch Thanh Thoảng, 1982, Làm ruộng | |
| | 4/3/2006 | Không | ĐH Y cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206002739 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 120 | Mai Trường Vỹ | Sinh viên | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Mai Văn Lại, 1979,, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học FPT Cần Thơ | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phạm Thị Bích Tuyền, 1979, Làm ruộng | |
| | 10/2/2005 | Không | Trường Đại học FPT Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205000626 | | | | | | |
| 121 | Đặng Nhật Bằng | Sinh viên | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đặng Tấn Công, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường: ĐH Y dược CT | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đỗ Thị Hồng Thắm, 1985, Làm ruộng | |
| | 23/1/2005 | Không | Trường: ĐH Y dược CT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205001705 | | | | | | |
| 122 | Trương Thanh Nam | Sinh viên | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trương Văn Miền, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đào Thị Cúc, 1986, Làm ruộng | |
| | 22/9/2005 | Không | Trường ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205000625 | | | | | | |
| 123 | Trần Quốc Mạnh | Sinh viên | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Thanh Hùng, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Huỳnh Thị Ơ, 1970, Làm ruộng | |
| | 12/6/2005 | Không | Trường ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206000620 | | | | | | |
| 124 | Nguyễn Hữu Trí | Sinh viên | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Dũng, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học Nam Cần thơ | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Võ Thị Phượng, 1972, Làm ruộng | |
| | 23/5/2005 | Không | Trường Đại học Nam Cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205009956 | | | | | | |
| 125 | Nguyễn Trần Hải | Sinh viên | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12 | Nguyễn Văn Hoài, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Kiên Giang | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Cúc, 1984, Làm ruộng | |
| | 22/07/2008 | Không | ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208002699 | | | | | | |
| 126 | Nguyễn Nhật Hào | Sinh viên | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thanh Lý, 1982,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao Đẳng Y KG | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Võ Thị Huệ, 1980,Làm ruộng | |
| | 14/05/2008 | Không | Cao Đẳng Y KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208015982 | | | | | | |
| 127 | Phạm Tấn Khang | Học sinh | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Phạm Trung Kiên, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường TCN An Giang CS1 | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Học sinh | Không | Thạch Thanh Thoảng, 1982, Làm ruộng | |
| | 12/4/2008 | Không | Trường TCN An Giang CS1 | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208017552 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 128 | Võ Nguyễn Nhất Duy | Sinh viên | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Văn Dụ, 1980,Làm ruông | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | FPT Cần Thơ | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Mộng Nghi, 1983,Làm ruộng | |
| | 26/07/2008 | Không | FPT Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208018357 | | | | | | |
| 129 | Ngô Đình Nhựt | Học sinh | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Ngô Văn Đen, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | TTHCS & THPT UMT | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Học sinh | Không | Nguyễn Thị Xiêm, 1985, Làm ruộng | |
| | 19/3/2006 | Không | THCS & THPT U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206008351 | | | | | | |
| 130 | Phan Quốc Tuấn | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Phan Minh Chiến, 1985, ở tù | Chính trị gia đình không rõ ràng (Cha đang ở tù) |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Ngô Huỳnh Trang, 1985, Làm ruộng | |
| | 10/11/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207010703 | | | | | | |
| 131 | Nguyễn Văn Định | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Hồng, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Nhẫn, 1971, Làm ruộng | |
| | 5/19/2007 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207007972 | | | | | | |
| 132 | Ngô Quốc Bảo | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Ngô Văn Thưởng, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Yến, 1987, Làm ruộng | |
| | 2/20/2007 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207000424 | | | | | | |
| 133 | Đặng Chí Tâm | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đặng Văn Trọng, 1987, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Giỏi, 1981, Làm ruộng | |
| | 1/5/2006 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206019355 | | | | | | |
| 134 | Đào Quốc Huy | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Đào Minh Thoa, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Phép, 1982, Làm ruộng | |
| | 6/8/2006 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206017326 | | | | | | |
| 135 | Lê Văn Vĩ | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Vũ, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Tơ, 1980, Làm ruộng | |
| | 10/1/2006 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206012292 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 136 | Phạm Văn Phúc | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Hiếu, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Mỹ Kiều, 1979, Làm ruộng | |
| | 1/27/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001824 | | | | | | |
| 137 | Đoàn Văn Tuấn | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đoàn Văn Việt, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thanh Kiều, 1979, Làm ruộng | |
| | 1/20/2006 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206002761 | | | | | | |
| 138 | Nguyễn Nhựt Thành | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Hiền, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Hoa, 1973, Làm ruộng | |
| | 3/25/2006 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206008018 | | | | | | |
| 139 | Ngô Trọng Thanh | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Ngô Thanh Bình, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | huyện Gò Quao | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đỗ Kim Loan, 1983, Làm ruộng | |
| | 6/20/2005 | Không | huyện Gò Quao | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205001700 | | | | | | |
| 140 | Lê Thanh Tuấn | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Từng, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tuyết Xuân, 1970, Làm ruộng | |
| | 5/20/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205007564 | | | | | | |
| 141 | Lê Hoàng Thật | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Thum, 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Trúc, 1966, Làm ruộng | |
| | 10/30/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205005213 | | | | | | |
| 142 | Nguyễn Văn Tươi | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Hồng, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Nhẫn, 1971, Làm ruộng | |
| | 9/2/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205000185 | | | | | | |
| 143 | Trương Hoàng Duy | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Thái Quan Hùng, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trương Thị Huệ Năng, 1978, Làm ruộng | |
| | 11/10/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 09125016537 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 144 | Lê Thái Lộc | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | (cha chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Hon, 1982, Làm ruộng | |
| | 1/17/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205004568 | | | | | | |
| 145 | Nguyễn Vương Tiếp | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Lộc, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Cao, 1983, Làm ruộng | |
| | 8/25/2004 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204003228 | | | | | | |
| 146 | Trần Văn Hận | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Dũ, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Giáo, 1984, Làm ruộng | |
| | 3/26/2004 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204002468 | | | | | | |
| 147 | Nguyễn Minh Kha | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Thiện, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Duyên, 1976, Làm ruộng | |
| | 2/28/2004 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204004531 | | | | | | |
| 148 | Nguyễn Văn Quán | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Minh Quang, 1953, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Loan, 1973, Làm ruộng | |
| | 2/11/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204013997 | | | | | | |
| 149 | Ngô Trọng Nhân | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Ngô Thanh Bình, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đỗ Kim Loan, 1983, Làm ruộng | |
| | 3/19/2003 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002390 | | | | | | |
| 150 | Lê Hoàng Duy | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Vũ, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Tơ, 1980, Làm ruộng | |
| | 10/25/2003 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203007588 | | | | | | |
| 151 | Lê Khải Minh | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Hoài Thanh, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Thuận, 1979, Làm ruộng | |
| | 2/2/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203004176 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 152 | Lê Trí Hào | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Thảo, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phượng, 1981, Làm ruộng | |
| | 4/1/2003 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203006738 | | | | | | |
| 153 | Lê Thanh Cảnh | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Minh, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Tuyết, 1984, Làm ruộng | |
| | 12/31/2003 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203006372 | | | | | | |
| 154 | Đinh Gia Bảo | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đinh Văn Phải, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tô Thị Kiều, 1975, Làm ruộng | |
| | 8/19/2002 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202000439 | | | | | | |
| 155 | Võ Nhựt Linh | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Tùng, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Suối, 1980, Làm ruộng | |
| | 1/20/2002 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001067 | | | | | | |
| 156 | Huỳnh Văn Vĩ Khang | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn chiến Em, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Lý, 1979, Làm ruộng | |
| | 5/3/2001 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201009558 | | | | | | |
| 157 | Huỳnh Trung Toàn | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 2/12 | Huỳnh Tèo Em, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thùy, 1976, Làm ruộng | |
| | 10/10/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201008653 | | | | | | |
| 158 | Phạm Thanh Bằng | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Thành Phẩm, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | La Thị Cẩm Loan, 1980, Làm ruộng | |
| | 4/20/2001 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201000397 | | | | | | |
| 159 | Bùi Văn Hoài | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 0/12 | Bùi Văn Quyền, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Phương, 1981, Làm ruộng | |
| | 10/7/2001 | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201001527 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 160 | Trần Minh Trung | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Trần Văn Đen, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Đậm, 1982, Làm ruộng | |
| | 9/22/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207014322 | | | | | | |
| 161 | Nguyễn Hoàng Nghĩa | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Hoàng Phước, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Phượng, 1985, Làm ruộng | |
| | 1/2/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206011328 | | | | | | |
| 162 | Trần Văn Duy | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Thừa, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tống Thị Nhị, 1981, Làm ruộng | |
| | 1/21/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206003112 | | | | | | |
| 163 | Đỗ Văn Biên | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Đỗ Văn Mười, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Liên, 1982, Làm ruộng | |
| | 11/2/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205016903 | | | | | | |
| 164 | Võ Tuấn Em | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Hoàng Anh, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trương Thị Trong, 1984, Làm ruộng | |
| | 5/26/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204009645 | | | | | | |
| 165 | Bùi Chí Tài | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Bùi Văn Quán, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Như Ý, 1984, Làm ruộng | |
| | 4/17/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205008247 | | | | | | |
| 166 | Trần Hữu Thịnh | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Trần Ngọc Tú, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thu Ba, 1984, Làm ruộng | |
| | 6/19/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204017255 | | | | | | |
| 167 | Nguyễn Hồng Nhân | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Hoàng Phước, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Phượng, 1985, Làm ruộng | |
| | 10/10/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203010548 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 168 | Lê Nhựt Hào | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Vũ, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Kiều, 1980, Làm ruộng | |
| | 2/3/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201003924 | | | | | | |
| 169 | Võ Phú An | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Mạnh, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Ngọc Hà, 1985, Làm ruộng | |
| | 1/23/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203006766 | | | | | | |
| 170 | Thái Văn Râu | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đặng Văn Ca, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thái Thị Phượng, 1983, Làm ruộng | |
| | 8/15/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203003823 | | | | | | |
| 171 | Lê Văn Luân | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Tài, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Giang, 1983, Làm ruộng | |
| | 9/19/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203004890 | | | | | | |
| 172 | Lê Văn Vủ | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Tài, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Giang, 1983, Làm ruộng | |
| | 9/19/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203004889 | | | | | | |
| 173 | Mong Đương | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Mong Thanh, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đào Mỹ Kiêm, 1983, Làm ruộng | |
| | 2/4/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203007971 | | | | | | |
| 174 | Trần Văn Phố | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Trần Văn Thành, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Chiều, 1982, Làm ruộng | |
| | 7/3/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001777 | | | | | | |
| 175 | Hồ Minh Toàn | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Hồ Văn Mười, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Cầu, 1979, Làm ruộng | |
| | 9/28/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202002980 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 176 | Trần Văn Hậu | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Trần Thanh Lâm, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Dinh, 1981, Làm ruộng | |
| | 4/19/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202004507 | | | | | | |
| 177 | Trần Văn Thái | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Sơn, 1982, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Kim Thoa, 1983, Làm ruộng | |
| | '09/3/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202015588 | | | | | | |
| 178 | Đặng Văn Sang | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đặng Văn Hiền, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tuyết Nhung, 1978, Làm ruộng | |
| | 11/12/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201002963 | | | | | | |
| 179 | Nguyễn Đông Hồ | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Toàn, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thùy Giao, 1977, Làm ruộng | |
| | 6/24/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201002373 | | | | | | |
| 180 | Đoàn Văn Hân | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đoàn Văn Đảm, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Triều, 1981, Làm ruộng | |
| | 3/15/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201012678 | | | | | | |
| 181 | Nguyễn Việt Anh | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tàu, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thúy, 1977, Làm ruộng | |
| | 11/29/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203012400 | | | | | | |
| 182 | Lê Văn Trường | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Thanh, 1980,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Tú Em, 1981,Làm ruộng | |
| | 14/04/2008 | | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208015642 | | | | | | |
| 183 | Nguyễn Quốc Hân | Làm ruộng ấp Minh Trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Thanh, 1973,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Phương, 1983,Làm ruộng | |
| | 10/9/2008 | | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208007553 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 184 | Trần Văn Nghĩa | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Tuấn, 1983,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Tuyết Ảnh,Làm ruộng | |
| | 21/07/2008 | | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208014877 | | | | | | |
| 185 | Đỗ Chí Toàn | Làm ruộng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Đỗ Chí Nguyện, 1985,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Ngọc Tuyền, 1989,Làm ruộng | |
| | 18/05/2008 | | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208018447 | | | | | | |
| 186 | Phan Quốc Đạt | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phan Văn Thắng, 1976 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Hồng Nhiên, 1977 Làm ruộng | |
| | 10/8/2008 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208005931 | | | | | | |
| 187 | Võ Hiếu Thuận | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Dương Lành, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Diệu Hiền, 1977 Làm ruộng | |
| | 15/3/2008 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208018368 | | | | | | |
| 188 | Danh Quang Tý | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Dương Văn Tình,1975, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Bình Dương | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Danh Thị Thanh, 1977 Làm ruộng | |
| | 3/16/2008 | Không | Bình Dương | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091208014735 | | | | | | |
| 189 | Đoàn Ngọc Quý | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Đoàn Văn Đen, 1985, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Thủy, 1984, Làm ruộng | |
| | 29/8/2008 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208008773 | | | | | | |
| 190 | Phạm Chí Bảo | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Phạm Văn Thừa, 1982, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Bình Dương | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lài, 1982, Làm ruộng | |
| | 13/10/2008 | Không | Bình Dương | Kinh, Không | | Không | |
| | 095208000877 | | | | | | |
| 191 | Phan Huỳnh Trường | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12' | Phan Văn Phi, 1984, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Lên, 1985, Làm ruộng | |
| | 12/12/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205016194 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 192 | Nguyễn Thành Trung | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Tình, 1984, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Hồ Thị Biên, 1983, Làm ruộng | |
| | 4/24/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207001633 | | | | | | |
| 193 | Đào Thanh Phong | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đào Quốc Thanh, 1975, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Hằng, 1975, Làm ruộng | |
| | 06/5/2008 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208004659 | | | | | | |
| 194 | Đỗ Phú Lâm | Làm thuê | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Đỗ Phú Đỗ, 1984, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Trung, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Thúy Kiều, 1984, Làm ruộng | |
| | 19/6/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207001485 | | | | | | |
| 195 | Nguyễn Văn Phú | Sinh Viên | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Nam, 1986, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Mỹ Thuật TPHCM | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Thị Út Đẹp, 1986, Làm ruộng | |
| | 9/7/2007 | Không | Trường ĐH Mỹ Thuật TPHCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207007307 | | | | | | |
| 196 | Phạm Thanh Được | Sinh viên | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Định, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học Nam Cần thơ | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Nương, 1983, Làm ruộng | |
| | 30/10/2005 | Không | Trường Đại học Nam Cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205000651 | | | | | | |
| 197 | Sơn Hoàng Khang | Sinh viên | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Sơn Khưa, 1973,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Kiên Giang | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Thị Hà, 1975,Làm ruộng | |
| | 3/2/2008 | Không | Đại học Kiên Giang | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208017503 | | | | | | |
| 198 | Trần Phan Triều Vĩ | Sinh viên | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Ngọc Bích, 1973,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Kiên Giang | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phan Thị Thắm, 1973,Làm ruộng | |
| | 3/8/2008 | Không | Đại học Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208000983 | | | | | | |
| 199 | Nguyễn Quốc Anh | Sinh viên | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Phúc, 1980,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại Học Đồng tháp | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Lệ Ngọc, 1983,Làm ruộng | |
| | 5/10/2008 | Không | Đại Học Đồng tháp | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208010546 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 200 | Trương Nhật Tân | Sinh viên | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trường Hoàng Tòng, 1986, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | CĐ y Kiên Giang | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Ngọc Giàu Em, 1986, Làm ruộng | |
| | 21/8/2006 | Không | CĐ y Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091202100806 | | | | | | |
| 201 | Tăng Chùm Nang | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | , Làm ruộngTăng Văn Sơn, 1973 | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 (Lữ đoàn 950) |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Đào, 1979, Làm ruộng | |
| | 4/12/2002 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Khmer, không | Đoàn | Trần Mộng Duy 2007, Làm ruộng | |
| | 091202001086 | | | | | | |
| 202 | Nguyễn Văn Trường Anh | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Thanh Sơn, 1970, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 (Lữ đoàn 950) |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | ĐặngThị Hiền, 1970, Làm ruộng | |
| | 5/10/2000 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091200001166 | | | | | | |
| 203 | Trần Văn Cảm | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Trần Văn Đảnh, 1982, Làm ruộng | Đang bị tam Giam đánh nhau TPHCM |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Hiếu, 1983, Làm ruộng | |
| | 6/20/2007 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207014190 | | | | | | |
| 204 | Nguyễn Văn Rộng | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Khanh, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thúy, 1984, Làm ruộng | |
| | 8/16/2007 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207012642 | | | | | | |
| 205 | Đỗ Trung Kiên | Làm thuê | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đỗ Phước Như, 1984Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Thị Tiên, 1985Làm thuê | |
| | 1/4/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207006783 | | | | | | |
| 206 | Lê Văn Tiến | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Trí, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Ngọt, 1970, Làm ruộng | |
| | 5/15/2006 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206014087 | | | | | | |
| 207 | Trương Quốc Trạng | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trương Văn Chiến, 1966, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tiết Mai, 1967, Làm ruộng | |
| | 1/21/2006 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001829 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 208 | Phạm Minh Luân | Làm thuê | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Thắng, 1975, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trương Thị Trang, 1976, Làm thuê | |
| | 2/5/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205002337 | | | | | | |
| 209 | Nguyễn Văn Khánh | Làm thuê | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Minh, 1981, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Kim Thoa, 1983, Làm ruộng | |
| | 9/21/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205006278 | | | | | | |
| 210 | Phạm Tiến Đạt | Làm thuê | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Trung Sinh, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Giồng Riềng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Ngọc Nương, 1973, Làm ruộng | |
| | 9/29/2005 | Không | Giồng Riềng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205001896 | | | | | | |
| 211 | Trương Gia Lễ | Làm thuê | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trương Văn Chính, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Thị Yến Nhi, 1983, Làm ruộng | |
| | 3/27/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204010058 | | | | | | |
| 212 | Nguyễn Văn Tôn | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Nghiêm, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dư Thị Thuận, 1985, Làm ruộng | |
| | 11/7/2004 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204002763 | | | | | | |
| 213 | Nguyễn Chí Lâm | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Hoài Hân, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đàm Thị Linh, 1983, Làm ruộng | |
| | 25/5/2004 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204010377 | | | | | | |
| 214 | Phạm Thanh Bảo | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Tuấn Em, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Bình, 1977, Làm ruộng | |
| | 3/27/2004 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204018684 | | | | | | |
| 215 | Trịnh Trọng Phú | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trịnh Vũ Phương, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Dân, 1982 (Dì), Làm ruộng | |
| | 5/19/2004 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204018679 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 216 | Nguyễn Trọng Phúc | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Hóa, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Phương, 1978, Làm ruộng | |
| | 6/23/2004 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204003125 | | | | | | |
| 217 | Huỳnh Thiên Vũ | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Nhu, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Phương, 1978, Làm ruộng | |
| | 12/13/2004 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204008893 | | | | | | |
| 218 | Lâm Minh Quí | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lâm Văn Tâm , 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Cẩm hà, 1979, làm ruộng | |
| | 6/7/2003 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203007999 | | | | | | |
| 219 | Sơn Chí Nguyên | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Không cha | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Sơn Thị Xuyến, 1978, Làm ruộng | |
| | 4/1/2003 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203007097 | | | | | | |
| 220 | Đỗ Hoàng Giang | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đỗ Hùng Phó, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Là, 1978, Làm ruộng | |
| | 3/27/2003 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203015500 | | | | | | |
| 221 | Phan Quốc Thiệt | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phan Văn Tình, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Hương, 1976, làm ruộng | |
| | 10/23/2003 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203010433 | | | | | | |
| 222 | Danh Thảo | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Danh Thà, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Nương, 1972, Làm ruộng | |
| | 5/18/2003 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203007196 | | | | | | |
| 223 | Lê Vĩnh Nghiêm | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Xiêm, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tống Thị Tố Giang, 1983, Làm ruộng | |
| | 2/25/2003 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203004681 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 224 | Nguyễn Văn Lượng | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Khanh, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thúy, 1982, Làm ruộng | |
| | 10/28/2002 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202004641 | | | | | | |
| 225 | Danh Mỹ | Làm thuê | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Danh Hùng, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Thị Hường, 1974, Làm ruộng | |
| | 9/15/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202013869 | | | | | | |
| 226 | Huỳnh Thanh Long | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 7'12 | Huỳnh Văn Sò, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Ngọc Trắng, 1980, Làm ruộng | |
| | 2/1/2002 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001085 | | | | | | |
| 227 | Mai Văn Đấu | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Mai Văn Chiến, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lương Thị Sạnh, 1980, Làm ruộng | |
| | 2/19/2002 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001779 | | | | | | |
| 228 | Lương Văn Phụng | Làm thuê | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lương Văn Hoàng, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Thị Lý, 1980, Làm ruộng | |
| | 8/26/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202004848 | | | | | | |
| 229 | Huỳnh Ngọc Vĩnh Phúc | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Ngọc Minh, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Hạnh, 1976, Làm ruộng | |
| | 10/26/2002 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202009732 | | | | | | |
| 230 | Đặng Văn Đầy | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đặng Văn Thủ, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Xinh Chị, 1978, Làm ruộng | |
| | 4/18/2002 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001930 | | | | | | |
| 231 | Lê Trường Hận | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Dương Văn Đèo, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Tím , 19795 Làm ruông | |
| | 10/9/2002 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202017084 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 232 | Trương Tấn Nhiều | Làm thuê | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Trương Minh Đạt, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP Cần Thơ | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Đẹp, 1976, Làm ruộng | |
| | 3/6/2001 | Không | TP Cần Thơ | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201006040 | | | | | | |
| 233 | Tống Văn Đạt | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Tống Văn Lập, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Chiếm, 1980, Làm ruộng | |
| | 11/20/2001 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201009571 | | | | | | |
| 234 | Danh Sang | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Không cha | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Vạng, 1979, Làm ruộng | |
| | 8/29/2001 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201000360 | | | | | | |
| 235 | Nguyễn Chí Nhứt | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn On, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ly, 1973, Làm ruộng | |
| | 9/19/2001 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201000996 | | | | | | |
| 236 | Dương Văn Minh | Làm thuê | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Dương Văn Quang, 1918, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Mừng, 1951(bà nội), Làm ruộng | |
| | 12/5/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201004257 | | | | | | |
| 237 | Nguyễn Minh Kha | Làm thuê | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Kháng, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Đặng Thị Thu Thúy, 1975, Làm ruộng | |
| | 5/6/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201006665 | | | | | | |
| 238 | Lê Hữu Nghị | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Xiêm, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tống Thị Tố Giang, 1983, Làm ruộng | |
| | 05/8/2008 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208004968 | | | | | | |
| 239 | Trần Văn Tỷ | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Bảy, 1977,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bông Thị Bé Năm, 1979, Làm ruộng | |
| | 9/10/2008 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208004950 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 240 | Danh Hùng | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Danh Lĩnh, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Hến, 1991,Làm ruộng | |
| | 18/8/2008 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091208012033 | | | | | | |
| 241 | Nguyễn Văn Khang | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | | Nguyễn Văn Rừng,1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | 6/12 | Thị Quyên, 1977, Làm ruộng | |
| | 11/3/2008 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208012013 | | | | Không | | |
| 242 | Châu Gia Hạo | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Tạ Văn Dũng, 1984, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Châu Thị Trang, 1983, Làm ruộng | |
| | 12/8/2008 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 0912080048 | | | | | | |
| 243 | Mai Quốc Kiệt | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Mai Văn Toàn, 1989,Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Minh Hạnh, 1989,Làm ruộng | |
| | 9/8/2008 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | | |
| | 091008007826 | | | | | | |
| 244 | Huỳnh Thanh Tùng | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Thơ, 1972,Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trương Thị Thanh, 1978,Làm ruộng | |
| | 23/3/2008 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | | Không | |
| | 091208004774 | | | | | | |
| 245 | Sơn Chí Ngoan | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Sơn Chi1 Tâm, 1978,Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Khol, 1982,Làm ruộng | |
| | 23/1/2008 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091208018390 | | | | | | |
| 246 | Đặng Chí Cương | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đặng Văn Lưu, 1976,Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Xuân A, 1986,Làm ruộng | |
| | 8/4/2008 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208001078 | | | | | | |
| 247 | Tôn Hồng Dương | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Hồng Anh,1982, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tôn Thị Lọ, 1984,Làm ruộng | |
| | 12/11/2008 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208013349 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 248 | Tô Trung Mến | Làm ruộng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | | 12/12 | Tô Trung Tình, 1983, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | Không | Trương Thị Hồng Diệu, 1985, Làm ruộng | |
| | 19/12/2008 | Không | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Đoàn | Không | |
| | 091208008090 | | | Kinh, Không | | | |
| 249 | Lê Khánh Huy | Làm thuê | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Minh Luân, 1978, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | nhật bản | ấp Kinh Năm, U Minh Thượng | Nông dân | Đại học KT cơ khí | Phùng Thị Phương, 1981, Làm ruộng | |
| | 25/8/2002 | Không | Nhật Bản | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001074 | | | | Đoàn | | |
| 250 | Đỗ Minh Triết | Học sinh | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đỗ Văn Nghị, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trưởng THPT UMT | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Loa, 1983, Làm ruộng | |
| | 25/01/2009 | Không | Trường THPT UMT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 089209021183 | | | | | | |
| 251 | Lê Thành Thạo | Sinh viên | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Thành Hân, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học Kiên Giang | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Nhi, 1990, Làm ruộng | |
| | 28/06/2007 | Không | Trường Đại học Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207010560 | | | | | | |
| 252 | Nguyễn Hữu Nhân | Sinh viên | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Kiên Giang | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Bùi Thị Bước, 1989, Làm ruộng | |
| | 27/05/2008 | Không | ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208006025 | | | | | | |
| 253 | Nguyễn Nhật An | Học sinh | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Sịl, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | TT.T GDNN&GDTX cụm gò Quao | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Phạm Thị Nhị, 1984, Làm ruộng | |
| | 07/01/2008 | Không | TT.T GDNN&GDTX cụm gò Quao | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208001314 | | | | | | |
| 254 | Nguyễn Hoàng Minh | Làm ruộng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 09/12 | Nguyễn Thành Tâm, 1956, Làm ruộng | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 lao động duy nhất |
| | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Hồng, 191963, Làm ruộng | |
| | 05/02/2006 | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206001816 | | | | | | |
| 255 | Trịnh Thành Đạt | Làm ruộng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Trịnh Văn Út, 1976, Làm ruộng | Tiền án ma túy |
| | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Danh Thị Biểu, 1980, Làm ruộng | |
| | 21/12/2007 | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091202112704 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 256 | Nguyễn Chí Dương | Đi biển | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Tích, 1953, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | đi biển ở Xẻo Rô | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | ( ông ngoại) | |
| | 31/08/2008 | Không | đi biển ở Xẻo Rô | Kinh, Không | Không | Nguyễn Thị Ly, 1984, Làm ruộng | |
| | 091208010260 | | | | | | |
| 257 | Tiêu Anh Phụng | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Dương Văn Chính, 1957, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Phú Quốc | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | (ông ngoại) | |
| | 25/07/2008 | Không | Phú Quốc | Kinh, Không | Không | Khương Thị Nga, 1960, Làm ruộng | |
| | 091208003494 | | | | | (bà ngoại) | |
| 258 | Nguyễn Nhật Trường | Làm ruộng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Lúa, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Thu Hương, 1987, Làm ruộng | |
| | 06/06/2008 | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208007719 | | | | | | |
| 259 | Võ Minh Kha | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Đông, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Phụng, 1983, Làm ruộng | |
| | 27/8/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207014499 | | | | | | |
| 260 | Danh Phúc Nguyên | Làm ruộng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Danh Bình Phong, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Hà Thị Lắm, 1986, Làm ruộng | |
| | 5/7/2007 | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091207002485 | | | | | | |
| 261 | Nguyễn Phong Vinh | Làm ruộng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Mười, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Giang Thị Phượng, 1978, Làm ruộng | |
| | 15/12/2006 | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001180 | | | | | | |
| 262 | Phan Nhật Khánh | Làm ruộng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Nhật Trung, 1977, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thu Hiền, 1976, Làm ruộng | |
| | 7/1/2006 | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001739 | | | | | | |
| 263 | Trương Hoàng Phát | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trương Hoàng Nam, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Thị Linh, 1982, Làm ruộng | |
| | 15/01/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206003021 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 264 | Phan Minh Thức | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phan Minh Chí, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Phan Thị Bích Tuyền, 1979, Làm ruộng | |
| | 16/12/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Phan Khánh Băng, 2007, Nội trợ | |
| | 091205006273 | | | | | 01 con | |
| 265 | Phan Văn Trí Thức | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Duyên, 1965, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Phan Thị Ngân, 1975, Làm ruộng | |
| | 19/7/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205012975 | | | | | | |
| 266 | Trang Văn Ngoan | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trang Tâm Lan, 1979, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Hồ Thị Bích, 1979, Làm thuê | |
| | 3/5/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205008631 | | | | | | |
| 267 | Triệu Thanh Phong | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 1/12 | Triệu Văn Vũ, 1972, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Tạ Ngọc Thanh, 1973, Làm thuê | |
| | 12/11/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204051011 | | | | | | |
| 268 | Trần Văn Khỏe | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Mạnh, 1984 , Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Mai Lệ Hằng, 1984 , Làm ruộng | |
| | 27/9/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204001723 | | | | | | |
| 269 | Đỗ Duy Khang | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đỗ Thành Lăn, 1963, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Phạm Thị Lê, 1963, Làm ruộng | |
| | 17/09/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204014445 | | | | | | |
| 270 | Nguyễn Hữu Đầy | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Cọp, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Lưu Thị Phướng, 1980 , Làm ruộng | |
| | 6/6/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204016735 | | | | | | |
| 271 | Châu Hoài Dinh | Làm ruộng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Châu Văn Long, 1967 , Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thắm, 1967 , Làm ruộng | |
| | 2/11/2004 | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204008153 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 272 | Huỳnh Tiến Phúc | Làm ruộng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | (cha chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tre Em, 1964 , Làm ruộng | |
| | 9/18/2002 | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202003126 | | | | | | |
| 273 | Nguyễn Quốc Bảo | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Ven, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Bích, 1975 , Làm ruộng | |
| | 3/26/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202015245 | | | | | | |
| 274 | Phùng Văn Thương | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phùng Văn Hận, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Bé, 1981, Làm ruộng | |
| | 12/16/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201010863 | | | | | | |
| 275 | Nguyễn Văn Lên | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Tài, 1957, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Huỳnh Thị Dơn, 1958 , Làm ruộng | |
| | 11/19/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201011402 | | | | | | |
| 276 | Đặng Văn Lộc | Đi biển | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Đặng Văn Tâm, 1972, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Khoa, 1970 , Làm ruộng | |
| | 11/3/2001 | Không | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201000995 | | | | | | |
| 277 | Nguyễn Vĩ Khang | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Lắm, 1982, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | tỉnh Long An | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Thái Thị Thu Thủy, 1984, Làm ruộng | |
| | 10/22/2001 | Không | tỉnh Long An | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201011528 | | | | | | |
| 278 | Nguyễn Hữu Luân | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Cọp, 1973,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Lưu Thị Phướng, 1980,Làm ruộng | |
| | 4/14/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201002484 | | | | | | |
| 279 | Lê Ngọc Phong | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Ngọc Vui, 1980 , Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Bích, 1981 , Làm ruộng | |
| | 4/4/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 086201007746 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 280 | Lê Hoàng Nam | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Hoài Hận, 1984, Làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Bình Dương | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Hoàng Thị Đào, 1977, Làm ruộng | |
| | 12/09/2008 | Không | Bình Dương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208015978 | | | | | | |
| 281 | Phạm Thành Lũy | Làm thuê | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Phạm Văn Thành, 1985, Làm ruộng | Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hòa, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Phương, 1985, Làm ruộng | |
| | 03/01/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206004213 | | | | | | |
| 282 | Nguyễn Thanh Bình | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Triều, 1978,, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đoàn Thị Út Bạch Lan, 1978,, Giáo viên | |
| | 16/4/2007 | Không | Trường ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207003657 | | | | | | |
| 283 | Võ Thiết Kế | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Hùng Dũng, 1965, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Hiền, 1966, Làm ruộng | |
| | 10/4/2007 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207003687 | | | | | | |
| 284 | Nguyễn Thành Vinh | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thanh Phong, 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Hằng, 1980, làm ruộng | |
| | 28/7/2006 | Không | Trường ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206015408 | | | | | | |
| 285 | Phạm Vi Đal | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Thi Đằng, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Võ Thị Oanh, 1985, Làm ruộng | |
| | 2/1/2005 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205013201 | | | | | | |
| 286 | Danh Hoàng Sơn | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Danh Xuân, 1978, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Y Cần Thơ | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Thị Dương, 1978 Nhân viên y tế xã | |
| | 14/4/2003 | Không | Trường ĐH Y Cần Thơ | Khmer | Đoàn | Không | |
| | 091203002672 | | | | | | |
| 287 | Nguyễn Dương Nhật Duy | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Ngọc Chung, 1974 , Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học FPT Cần Thơ | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Dương Thúy Hằng, 1983 , Cán bộ | |
| | 2/8/2005 | Không | Trường Đại học FPT Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91205001702 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 288 | Phạm Văn Đủ | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Lùng, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | sinh viên | Không | Lê Thị Diễm, 1975, Làm ruộng | |
| | 22/2/2007 | Không | Trường ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207009836 | | | | | | |
| 289 | Sử Quốc Thái | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Sử Hữu Chi, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Bạch Tuyết, 1974, Làm ruộng | |
| | 6/5/2007 | Không | Trường ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91207001994 | | | | | | |
| 290 | Kim Quốc Bảo | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Kim Quốc Việt, 1979,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Cửu long Vĩnh Long | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | sinh viên | Không | Danh Thị Được, 1988,Làm ruộng | |
| | 12/6/2008 | Không | ĐH Cửu long Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208015059 | | | | | | |
| 291 | Trịnh Văn Toản | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trịnh Văn Diễn, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Học viện cán bộ TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trương Thị Cẩm Tú, 1984, Làm ruộng | |
| | 1/1/2005 | Không | Học viện cán bộ TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91205001768 | | | | | | |
| 292 | Đoàn Hoàng Khánh | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đoàn Hoàng Nghĩa, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Ngọc Lý, 1973, Làm ruộng | |
| | 09/11/2004 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204013553 | | | | | | |
| 293 | Trần Quốc Vinh | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Nuôi, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Diệu Hiền, 1975, Làm ruộng | |
| | 22/12/2005 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205015138 | | | | | | |
| 294 | Nguyễn Nhật Hiệu | Sinh viên | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Quốc Hận, 1983,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | CĐ kỷ thuật Cao Thắng TPHCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lư Bích Nguyên, 1982,Làm ruộng | |
| | 09/09/2008 | Không | CĐ kỷ thuật Cao Thắng TPHCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208001714 | | | | | | |
| 295 | Phạm Đăng Khôi | Học sinh | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Thích, 1985,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | THPT Gò Quao | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Ngoan, 1988,Làm ruộng | |
| | 15/12/2008 | Không | THPT Gò Quao | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208006169 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 296 | Phạm Vũ Luân | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Phạm Văn Việt, 1955, Làm ruộng | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Luận, 1956, Làm ruộng | |
| | 19/2/2004 | Không | phường Rạch Giá | Kinh, Không | Không | (ông bà nội) | |
| | 091204012282 | | | | | | |
| 297 | Trương An Lạc | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12 | Trương Thanh Hơn, 1967, Làm ruộng | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Thị Tuyết, 1970, làm ruộng | |
| | 15/2/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002411 | | | | | | |
| 298 | Hồ Nhật Tân | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Hồ Văn Tín, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Bích Liễu, 1986, Làm ruộng | |
| | 1/31/2008 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 92208008539 | | | | | | |
| 299 | Danh Minh Thuận | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Danh Minh Đường, 1981 (chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Ngọc Biển, 1982, Làm ruộng | |
| | 6/21/2007 | Không | TP.HCM | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091207005855 | | | | | | |
| 300 | Danh Quốc Khánh | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Tuấn, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Phượng Linh, 1977, Làm ruộng | |
| | 9/4/2007 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091207014112 | | | | | | |
| 301 | Lê Quốc Khánh | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Thế Duy, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thúy, 1988, Làm ruộng | |
| | 6/8/2007 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207016326 | | | | | | |
| 302 | Thái Hải Đảo | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Thái Thanh Hùng, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | tỉnh Vũng Tàu | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Đặng Mỹ Xuyên, 1983, Làm ruộng | |
| | 8/10/2007 | Không | tỉnh Vũng Tàu | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96207005672 | | | | | | |
| 303 | Danh Kiệt | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Danh Trung, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Thị Cần, 1986, làm ruộng | |
| | 10/21/2006 | Không | TP.HCM | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091206015226 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 304 | Phạm Thanh Nhạc | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Đoàn, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Phượng, 1982, Làm ruộng | |
| | 5/7/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206015226 | | | | | | |
| 305 | Nguyễn Nhựt Duy | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Tùng Em, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | La Thị Hằng Ni,1979, Làm ruộng | |
| | 6/12/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206000867 | | | | | | |
| 306 | Phan Văn Trận | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phan Văn Út SN, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đinh Thị Quần, 1982, Làm ruộng | |
| | 9/25/2005 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205004629 | | | | | | |
| 307 | Nguyễn Nhật Hào | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Hận, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kim Anh, 1980, Làm ruộng | |
| | 6/21/2004 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204012493 | | | | | | |
| 308 | Phan Văn Chiến | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Phan Văn Út, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đinh Thị Quần, 1982, Làm ruộng | |
| | 6/20/2004 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204016171 | | | | | | |
| 309 | Nguyễn Trần Phạm Hào | Học sửa xe | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Lâm, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ở An Minh | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Thị Huỳnh, 1986, Làm ruộng | |
| | 7/27/2004 | Không | ở An Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204001122 | | | | | | |
| 310 | Lê Văn Ý | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Nuôi, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Ngân, 1977 | |
| | 6/17/2004 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204001121 | | | | | | |
| 311 | Nguyễn Văn Tuấn | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Chí, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Hà Mỹ Xuân, 1975, Làm ruộng | |
| | 2/20/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203005613 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 312 | Danh Lẹ | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 1/12 | Danh Long, 1965, chết | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Thị Điệp, 1974, Làm ruộng | |
| | 9/9/2003 | Không | TP.HCM | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091203014876 | | | | | | |
| 313 | Dương Hồng Nhanh | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Dương Hồng Phong, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Thị Lành, 1971, Làm ruộng | |
| | 3/23/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203010869 | | | | | | |
| 314 | Nguyễn Tấn Minh | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Tấn Đạt, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Thị Loan, 1983, Làm ruộng | |
| | 6/25/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203013156 | | | | | | |
| 315 | Phạm Văn Khanh | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Chiến, 1978, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Ngân, 1978, Làm thuê | |
| | 2/16/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203007495 | | | | | | |
| 316 | Nguyễn Duy Hải | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Dễ, (cha chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Lê Thị Nga, 1980, Làm ruộng | |
| | 7/27/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203006960 | | | | | | |
| 317 | Phạm Quốc Huy | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Tú, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Mỹ Thanh, 1979, Làm ruộng | |
| | 6/2/2003 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203018771 | | | | | | |
| 318 | Nguyễn Khánh Duy | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Duyên, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Tuyết Mãnh, 1980, Làm ruộng | |
| | 6/25/2002 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96202014713 | | | | | | |
| 319 | Nguyễn Thanh Nghiệm | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Mạnh, 1965, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Bùi Thị Hồng Thêm, 1969, Làm thuê | |
| | 8/11/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202002477 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 320 | Phạm Văn Toàn | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Lựu, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Kim Nhung, 1978, Làm ruộng | |
| | 6/1/2002 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202011226 | | | | | | |
| 321 | Lê Tân Tiến | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Quang Minh, 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Hằng, 1970, Làm ruộng | |
| | 6/8/2001 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201001003 | | | | | | |
| 322 | Nguyễn Văn Cần | Làm Thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Mãnh, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | tỉnh Bình Dương | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Đinh Thị Quần, 1982, Làm ruộng | |
| | 20/9/2001 | Không | tỉnh Bình Dương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201015152 | | | | | | |
| 323 | Lê Văn Cợp | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Bắc, 1965, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Hà Thị Phương, 1967, Làm ruộng | |
| | 5/4/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201014847 | | | | | | |
| 324 | Lâm Văn Kía | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lâm Văn Bình, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Lưu Hồng Hạnh, 1981 (chết) | |
| | 6/24/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201001999 | | | | | | |
| 325 | Lê Văn Giàu | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Mười, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nương, 1977, Làm ruộng | |
| | 7/28/2001 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201000728 | | | | | | |
| 326 | Huỳnh Thành Dư | Đi biển | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Thành Phần, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Thị Thi, 1975, Làm ruộng | |
| | 8/7/2001 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201012267 | | | | | | |
| 327 | Danh Dàng | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Danh Tuấn, 1971 (chết), Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Sương, 1971, Làm ruộng | |
| | 9/9/2001 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091201003440 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 328 | Danh Bảo Anh | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Danh Tuấn, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Phượng Linh, 1978, Làm ruộng | |
| | 3/7/2006 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091206006283 | | | | | | |
| 329 | Nguyễn Đan Trường | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Thân, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Mận, 1982, Làm ruộng | |
| | 8/10/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206009686 | | | | | | |
| 330 | Võ Thanh Phong | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Võ Thanh Hoằng, 1980, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Kiều Em , 1983, Làm thuê | |
| | 1/5/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001818 | | | | | | |
| 331 | Trần Văn Quân | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Hoàng, 1979, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Phạm Thị Hương, 1980, Làm thuê | |
| | 1/1/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205000633 | | | | | | |
| 332 | Nguyễn Minh Quý | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Quang, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Kim Loan, 1984, Làm ruộng | |
| | 5/26/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205003161 | | | | | | |
| 333 | Nguyễn Văn Dũng | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Kìa, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Tô Chúc Ly, 1978, Làm ruộng | |
| | 1/1/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206012841 | | | | | | |
| 334 | Nguyễn Quốc Khánh | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Sỹ, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Kim Diện, 1983, Làm ruộng | |
| | 11/14/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207016079 | | | | | | |
| 335 | Trần Minh Khôi | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Dá, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Thị Tươi, 1980, Làm ruộng | |
| | 4/27/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205001142 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 336 | Quách Tự Hào | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Quách Văn Cảnh, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Dương Thị Thu, 1981, Làm ruộng | |
| | 7/17/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205006443 | | | | | | |
| 337 | Lê Phước Hậu | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Mực, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Huỳnh Thị Ngọc Tuyết, 1979, Làm ruộng | |
| | 10/23/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204013159 | | | | | | |
| 338 | Nguyễn Thiên Trợ | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thanh Phong, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Lê Hồng Cúc, 1980, Làm ruộng | |
| | 4/17/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204010805 | | | | | | |
| 339 | Nguyễn Văn Bình | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Kìa, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Tô Trúc Ly, 1981, Làm ruộng | |
| | 4/14/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204003834 | | | | | | |
| 340 | Đặng Dương Nhựt | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đặng Văn Ngân, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Dương Thị Chanh, 1982, Làm ruộng | |
| | 7/15/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203016518 | | | | | | |
| 341 | Võ Phước Hậu | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Võ Hoàng Thu, 1976, (chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn T.Thanh Vân, 1975, Làm ruộng | |
| | 10/7/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203010112 | | | | | | |
| 342 | Trần Chí Linh | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trần Chí Anh, 1980, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Kim Loan, 1981, Làm thuê | |
| | 1/1/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203007279 | | | | | | |
| 343 | Nguyễn Hoàng Duy | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Dũng, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Như Anh, 1983, Làm ruộng | |
| | 2/22/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203011278 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 344 | Nguyễn Nhật Giang | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Hận, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Kim Anh, 1974, Làm ruộng | |
| | 10/16/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202012214 | | | | | | |
| 345 | Lê Ngọc Quí | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Phi Hổ, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Tuyết Lan, 1976, Làm ruộng | |
| | 11/10/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202007219 | | | | | | |
| 346 | Nguyễn Văn Tính | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Bao, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Ngô Thị Loan, 1978, Làm ruộng | |
| | 7/6/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202003556 | | | | | | |
| 347 | Phạm Chí Vạn | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Mười, 1981, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Phạm Thị Ngọc Nghị, 1983, Làm thuê | |
| | 20/05/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201001977 | | | | | | |
| 348 | Trần Văn Hiếu | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Nghiêm, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trương Thị Trinh, 1973, Làm ruộng | |
| | 12/23/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201012232 | | | | | | |
| 349 | Trần Nhật Duy | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Tuấn, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trịnh Thị Liêu, 1978, Làm ruộng | |
| | 6/18/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201012279 | | | | | | |
| 350 | Võ Minh Quyền | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Minh Dũng, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mỹ Tiên, 1984,Làm ruộng | |
| | 03/7/2008 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208009636 | | | | | | |
| 351 | Lâm Văn Hậu | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lâm Văn Bình, 1980 ,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lưu Thị Hồng Hạnh, 1980 (chết) | |
| | 03/9/2008 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208000921 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 352 | Lê Hoài Thương | Làm ruộng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Quang, 1959, (Ông ngoại) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Thảo, 1985, Làm ruộng | |
| | 11/6/2008 | Không | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208007581 | | | | | | |
| 353 | Trần Quốc Khang | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Thanh Bình, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Thị Hằng Ni, 1984, Làm ruộng | |
| | 01/6/2008 | Không | Thành phố HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208000247 | | | | | | |
| 354 | Nguyễn Quốc Huy | Làm thuê | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Dương, 1981, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Thạnh, U Minh Thượng | Phụ thuộc | ĐH XD | Bao Kim Tình, 1983, Làm ruộng | |
| | 1/1/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204003063 | | | | Đoàn | | |
| 355 | Triệu Quốc Tỷ | Sinh viên | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Triệu Quốc Tuấn, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thùy Minh, 1985, Làm ruộng | |
| | 8/16/2007 | Không | Trường ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207002415 | | | | | | |
| 356 | Nguyễn Hoàng Đại Nhân | Sinh viên | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Minh Nghĩa, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ y tế Kiên Giang | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lê Thị Tuyết, 1980, Làm ruộng | |
| | 3/21/2007 | Không | Trường CĐ y tế Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207000243 | | | | | | |
| 357 | Hồ Đức Tính | Sinh viên | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Hồ Đức Lưu, 1965, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | trường Cao đẳng truyền thông Kg | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Kim Tuyến, 1968, Làm ruộng | |
| | 6/30/2004 | Không | trường Cao đẳng truyền thông Kg | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204014129 | | | | | | |
| 358 | Huỳnh Phát Đạt | Sinh viên | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Văn Cảnh , 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | CĐ Kinh tế kỹ thuật TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Mộng Dung, 1978, làm ruộng | |
| | 1/21/2008 | Không | CĐ Kinh tế kỹ thuật TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208002631 | | | | | | |
| 359 | Đoàn Chí Linh | Sinh viên | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đoàn Ngọc Hiển, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học KTCN Cần thơ | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Kim Anh, 1982, Làm ruộng | |
| | 10/19/2007 | Không | Đại học KTCN Cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207004138 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 360 | Võ Minh Luân | Làm ruộng | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Võ Đức Tân, 1975, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 em tại ngũ |
| | Không | ấp An Hưng, U Minh Thượng | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Mộng Yên, 1978, Làm ruộng | |
| | 11/9/2002 | Không | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091202003552 | | | | | | |
| 361 | Danh Lâm | Làm ruộng | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Danh Cương, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Hưng, U Minh Thượng | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Tâm, 1985, Làm ruộng | |
| | 9/30/2007 | Không | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207009661 | | | | | | |
| 362 | Nguyễn Văn Lợi | Làm ruộng | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Quân, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Hưng, U Minh Thượng | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Cẩm Loan, 1981, Làm ruộng | |
| | 1/24/2007 | Không | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207000262 | | | | | | |
| 363 | Nguyễn Văn Rép | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Quân, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Cẩm Loan, 1983, Làm ruộng | |
| | 12/2/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205016162 | | | | | | |
| 364 | Nguyễn Huỳnh Long | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Hùng, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Riêng, 1980, Làm ruộng | |
| | 5/28/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205004270 | | | | | | |
| 365 | Lê Chí Nguyện | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Quang Nhã, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Xuyên, 1980 , Làm ruộng | |
| | 2/2/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205005532 | | | | | | |
| 366 | Lê Thanh Hậu | Làm ruộng | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 2/12 | Lê Thanh Hùng, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp An Hưng, U Minh Thượng | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tạ Thị Hằng, 1984, Làm ruộng | |
| | 11/13/2004 | Không | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204001806 | | | | | | |
| 367 | Phan Tùng Lâm | Đi biển | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phan Hoàng Đen, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | tỉnh Kiên Giang | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Tuyền, 1985, Làm ruộng | |
| | 1/18/2002 | Không | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202012461 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 368 | Nguyễn Trọng Nghĩa | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Lịnh, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | tỉnh Bình Dương | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Liễu, 1980, Làm ruộng | |
| | 9/2/2001 | Không | tỉnh Bình Dương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201911446 | | | | | | |
| 369 | Nguyễn Trung Kiệt | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Him, 1977,Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Lượm, 1980, Làm thuê | |
| | 1/9/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207008436 | | | | | | |
| 370 | Nguyễn Hoàng Khang | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Hoàng Em, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Muông, 1978, Làm ruộng | |
| | 2/24/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206010225 | | | | | | |
| 371 | Trần Trịnh Hữu Kiện | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Hữu Phúc, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trịnh Thị Trang, 1978, Làm ruộng | |
| | 3/25/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206010223 | | | | | | |
| 372 | Nguyễn Kha Lil | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Toàn, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị The, 1978, Làm ruộng | |
| | 2/7/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206009319 | | | | | | |
| 373 | Võ Minh Kha | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Võ Văn Út, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tươi, 1978, Làm ruộng | |
| | 3/6/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206016883 | | | | | | |
| 374 | Danh Minh Trọng | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Danh Minh Hoàng, 1980, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bé Ngọc, 1981Làm thuê | |
| | 4/22/2005 | Không | TP.HCM | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205012559 | | | | | | |
| 375 | Nguyễn Quốc Huy | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Khang, 1985 , Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Cẩm Vân, 1986, Làm thuê | |
| | 7/26/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205016991 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 376 | Lê Minh Thức | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Lâm, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trương Thị Tuyết Sương, 1973, Làm ruộng | |
| | 8/18/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205018602 | | | | | | |
| 377 | Huỳnh Duy Khánh | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Hải, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lắm, 1974, Làm ruộng | |
| | 4/14/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205018603 | | | | | | |
| 378 | Lý Văn Quy | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lý Văn Phúc, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Phương, 1973, Làm ruộng | |
| | 4/13/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204011406 | | | | | | |
| 379 | Nguyễn Ngọc Trầm | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tý, 19769, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Danh Chọn, 1970, Làm ruộng | |
| | 4/25/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204013412 | | | | | | |
| 380 | Võ Văn Phú | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | (cha chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Thu, 1978, Làm ruộng | |
| | 4/16/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204013419 | | | | | | |
| 381 | Danh Tuấn Kiệt | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Danh Tương, 1978, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Kim Thị Tu, 1975, Làm thuê | |
| | 7/17/2004 | Không | TP.HCM | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091204008818 | | | | | | |
| 382 | Nguyễn Văn Muống | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Lễ, 1973 (chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Thu Dung, 1974, Làm ruộng | |
| | 5/11/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204002991 | | | | | | |
| 383 | Hồ Tấn Lộc | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Hồ Sơn Kiếm, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ca, 1975, Làm ruộng | |
| | 12/26/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204015965 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 384 | Nguyễn Hoàng Kiếm | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Thận, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Thủy, 1983, Làm ruộng | |
| | 5/28/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002993 | | | | | | |
| 385 | Đặng Văn Thành | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đặng Văn Trung, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thùy Trang, 1976, Làm ruộng | |
| | 6/4/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203012316 | | | | | | |
| 386 | Lâm Văn Nhãn | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Lâm Văn Nho, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Lớn, 1975, Làm ruộng | |
| | 3/16/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203102386 | | | | | | |
| 387 | Lê Tấn Trọn | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Tấn Chước, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Diệu, 1981, Làm ruộng | |
| | 8/11/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202009791 | | | | | | |
| 388 | Danh Nhân | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Tươi, 1974,, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tua, 1975,, Làm thuê | |
| | 10/14/2002 | Không | TP.HCM | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091202004056 | | | | | | |
| 389 | Phạm Công Tiền | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phạm Công Hẹ, 1952, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Hoa, 1954, Làm ruộng | |
| | 10/6/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201008761 | | | | | | |
| 390 | Trần Trịnh Hữu Kỳ | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Hữu Phúc, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trịnh Thị Trang, 1977, Làm ruộng | |
| | 10/27/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203014014 | | | | | | |
| 391 | Đặng Văn Quyền | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đăng Văn Ngoài, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Hạnh Em, 1976, Làm ruộng | |
| | 11/13/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203013332 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 392 | Lê Thành Chích | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Thắng, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Thích, 1977, Làm ruộng | |
| | 4/15/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201002095 | | | | | | |
| 393 | Trương Văn Đời | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trương Văn Huynh, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thái Thị Lập, 1978, Làm ruộng | |
| | 6/15/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204018672 | | | | | | |
| 394 | Nguyễn Quốc Tính | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Quốc Trung, 1983, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Cà Mau | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Cẩm Vân, 1985, Làm ruộng | |
| | 1/22/2008 | Không | Phú Quốc | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208014647 | | | | | | |
| 395 | Nguyễn Hoàng O | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Nguyễn Văn Hùng, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Riêng, 1984, Làm ruộng | |
| | 06/02/2008 | Không | TP HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208002631 | | | | | | |
| 396 | Ngô Thành Nhân | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Ngô Văn Mịnh, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Vui, 1985, Làm ruộng | |
| | 8/7/2008 | Không | TP HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91208016902 | | | | | | |
| 397 | Nguyễn Văn Dân | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Tổng, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Cà Mau | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lủy, 1976, Làm ruộng | |
| | 17/08/2008 | Không | Phú Quốc | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91208018392 | | | | | | |
| 398 | Nguyễn Văn Tứ | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Thanh Đạm, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Diệu Hiền, 1985, Làm ruộng | |
| | 15/08/2008 | Không | TP HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91208007610 | | | | | | |
| 399 | Nguyễn Khả Lil | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Toàn, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Cà Mau | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị The, 1983, Làm ruộng | |
| | 02/06/2008 | Không | TP HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208004286 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 400 | Nguyễn Trọng Ân | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Hoàng Nhân, 1985, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Út Hết, 1983, Làm ruộng | |
| | 2/16/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205011122 | | | | | | |
| 401 | Huỳnh Chí Cường | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Huỳnh Văn Thình, 1982, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Truyền, 1984, Làm ruộng | |
| | 5/16/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205011121 | | | | | | |
| 402 | Nguyễn Hải Đăng | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Lê Thanh Tùng, 1971, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lệ, 1972, Làm ruộng | |
| | 1/22/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204013557 | | | | | | |
| 403 | Đinh Thành Nghĩa | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Đinh Văn Trắng, 1984, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Châu Thúy Kiều, 1985, Làm ruộng | |
| | 3/21/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204008818 | | | | | | |
| 404 | Huỳnh Chí Bảo | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Huỳnh Văn Nhanh, 1981, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Hiện, 1982, (chết) | |
| | 1/15/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204006874 | | | | | | |
| 405 | Lý Các Tường | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Lý Ngọc Tùng, 1982, (Chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Thu thủy, 1983, Làm ruộng | |
| | 2/4/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 0912030010494 | | | | | | |
| 406 | Trần Dĩ Khang | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Trần Cơ Hàn, 1979, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thơ, 1976, Làm ruộng | |
| | 7/18/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203014501 | | | | | | |
| 407 | Trần Hoàng Nghiêm | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Trần Hoàng Anh, 1980, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Mỹ Hạnh, 1980, Làm ruộng | |
| | 12/31/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203013568 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 408 | Nguyễn Hoàng Dững | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Phải, 1982, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Hồng Gấm, 1983, Làm ruộng | |
| | 12/30/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008311 | | | | | | |
| 409 | Nguyễn Duy Đal | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Ững, 1980, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hằng, 1982, Làm ruộng | |
| | 4/27/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202010422 | | | | | | |
| 410 | Đặng Văn Quy | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đặng Văn Ngoài, 1962, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Hạnh Em, 1962, Làm ruộng | |
| | 12/24/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201005574 | | | | | | |
| 411 | Nguyễn Thiện Hiếu | Làm thuê | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Nguyễn Hửu Cù, 1978, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp An Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mộng, 1980, Làm ruộng | |
| | 8/7/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207008457 | | | | | | |
| 412 | Nguyễn Văn Văn | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Thinh, 1952, Làm ruộng | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015Cụt ngón tay trỏ (tay phải) |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Thiệt, 1965, Làm ruộng | |
| | 8/29/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201014564 | | | | | | |
| 413 | Đoàn Thanh Bình | Sinh viên | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đoàn Văn Khương 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường: ĐH Vĩnh Long | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Thu 1982, Làm ruộng | |
| | 9/22/2005 | Không | Trường: ĐH Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | .096205004490. | | | | | | |
| 414 | Lưu Nhật Duy | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lưu Văn Đương, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Hiền, 1975, Làm ruộng | |
| | 3/12/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205008905 | | | | | | |
| 415 | Nguyễn Tuấn Yên | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Diệu, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Hiền, 1973, Làm ruộng | |
| | 8/6/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | .096205014358. | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 416 | Nguyễn Văn Huynh | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Nguyễn Văn Hiền, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Ửng, 1975, Làm ruộng | |
| | 11/27/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205003224 | | | | | | |
| 417 | Nguyễn Văn Giỏi | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Thanh, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Út Mười, 1978, Làm ruộng | |
| | 3/13/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205001894 | | | | | | |
| 418 | Danh Quốc Trương | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Danh Tùng, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Êm, 1977, Làm ruộng | |
| | 11/4/2005 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205004606 | | | | | | |
| 419 | Trần Văn Vủ | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Bằng, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thủy, 1969, Làm ruộng | |
| | 12/24/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205007354 | | | | | | |
| 420 | Trần Trung Tính | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần VănTrung, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Diệu, 1980, Làm ruộng | |
| | 6/16/2004 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204007679 | | | | | | |
| 421 | Trần Trường Vũ | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Rắt, 1969 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đỗ Thị Nga, 1970, Làm ruộng | |
| | 9/29/2004 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204014966 | | | | | | |
| 422 | Bùi Thanh Giọng | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Bùi Thanh Chuyển, 1968,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Nga, 1969, Làm ruộng | |
| | 12/9/2004 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204015599 | | | | | | |
| 423 | Lê Công Lý | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 2/12 | Lê Văn Ư, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Châu Hồng Định, 1976, Làm ruộng | |
| | 12/18/2004 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204005678 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 424 | Phan Quốc Lợi | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phan Quốc Tài, 1980, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Huệ, 1982, Làm thuê | |
| | 7/27/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203011572 | | | | | | |
| 425 | Nguyễn Hải Đăng | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Nguyễn Văn Cường, 1982, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thu Em, 1983, Làm thuê | |
| | 6/30/2003 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203006205 | | | | | | |
| 426 | Nguyễn Sỉ Đang | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tèo, 1975, Làm thuê | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Mai Lệ Huyền, 1976, Làm thuê | |
| | 2/8/2003 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | .091303013265. | | | | | | |
| 427 | Từ Văn Tung | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Từ Văn Rộng, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Cà Mau | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lý Thị Kiều, 1978, Làm ruộng | |
| | 8/20/2003 | Không | Cà Mau | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203010091 | | | | | | |
| 428 | Võ Văn Nghi | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Võ Văn Nghị, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Tính, 1986, Làm ruộng | |
| | 06/10/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204009298 | | | | | | |
| 429 | Đặng Văn Kết | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đặng Văn Đoàn, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Cà Mau | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thúy Duy, 1987, Làm ruộng | |
| | 11/25/2003 | Không | Cà Mau | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203006380 | | | | | | |
| 430 | Lâm Trí Bảo | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lâm Hoàng Nhân, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Cà Mau | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ly, 1983, Làm ruộng | |
| | 1/10/2003 | Không | Cà Mau | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203013584 | | | | | | |
| 431 | Phan Văn Quang | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Phan Văn Vinh, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lâm Thoại Ánh Phượng, 1980, Làm ruộng | |
| | 4/24/2003 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002589 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 432 | Nguyễn Văn Quý | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Việt Khải, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Trang, 1978, làm ruộng | |
| | 2/12/2003 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008184 | | | | | | |
| 433 | Nguyễn Văn Lịnh | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Đức, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Lệ Huyền, 1969, Làm ruộng | |
| | 1/1/2003 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002404 | | | | | | |
| 434 | Phạm Văn Đời | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Phạm Văn Lập, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Nữa, 1982, Làm ruộng | |
| | 4/4/2003 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203009186 | | | | | | |
| 435 | Tạ Trọng Phúc | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Tạ Hoàng Một, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hạnh, 1970, Làm ruộng | |
| | 4/11/2003 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203005119 | | | | | | |
| 436 | Nguyễn Trọng Nguyên | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Thinh, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Thiệt, 1969, Làm ruộng | |
| | 5/27/2003 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008657 | | | | | | |
| 437 | Lê Minh Thái | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Minh Thanh, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị ngọc Trinh, 1970, Làm ruộng | |
| | 21/9/2001 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | .72202011888. | | | | | | |
| 438 | Danh Hồng Bằng | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Danh Hồng Phước, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trịnh Thị Thùy, 1973, Làm ruộng | |
| | 8/16/2002 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001177 | | | | | | |
| 439 | Nguyễn Văn Của | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Nguyễn Văn Sử, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Cảnh, 1980, Làm ruộng | |
| | 1/1/2002 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202002937 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 440 | Lư Hoàng Đang | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lư Trúc Linh, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Nhị, 1977, Làm ruộng | |
| | 4/1/2002 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202000442 | | | | | | |
| 441 | Nguyễn Đa Đa | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Nam, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mảnh, 1987Làm thuê | |
| | 1/1/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207004930 | | | | | | |
| 442 | Võ Hiếu Nhu | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Quân, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Ngọc Hưng, 1978, Làm ruộng | |
| | 1/24/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206006219 | | | | | | |
| 443 | Trần Đỗ Huy | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Tèo, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đỗ Thanh Thế, 1970, Làm ruộng | |
| | 6/27/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205011775 | | | | | | |
| 444 | Phan Văn Biền | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phan Văn Bé Thiện, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Danh Thị Hòa, 1977, Làm ruộng | |
| | 5/12/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205008414 | | | | | | |
| 445 | Nguyễn Minh Nhật | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Quốc Lâm, 1981, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Thắm, 1983, làm ruộng | |
| | 25/09/2008 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | không | |
| | 091208005703 | | | | | | |
| 446 | Đặng Kế Tông | Làm ruộng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đặng Văn To, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Nhớ, 1976, Làm ruộng | |
| | 26/08/2008 | Không | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208010838 | | | | | | |
| 447 | Tống Quốc Bảo | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Tống Quốc Nam, 1975, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Dung, 1979, Làm ruộng | |
| | 1/29/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206007624 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 448 | Nguyễn Hữu Luân | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Đáo, 1972, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Quyên, 1983, Làm ruộng | |
| | 7/29/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205005603 | | | | | | |
| 449 | Trần Văn Qui | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Trần Văn Tùng, 1972, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Xuyến, 1973, Làm ruộng | |
| | 5/10/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203005698 | | | | | | |
| 450 | Trịnh Ái Quốc | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Trịnh Văn Cường, 1977, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Bé Hai, 1977, Làm ruộng | |
| | 9/7/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201017087 | | | | | | |
| 451 | Huỳnh Tấn Hiệp | Làm thuê | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Huỳnh Văn Khánh, 1982, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Hưng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Rý, 1983, Làm ruộng | |
| | 26/05/2008 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208010756 | | | | | | |
| 452 | Từ Minh Luận | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Từ Công Lý, 1983, Làm ruộng | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Lõm vòng ngực |
| | Không | TP HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Cẩm Tú, 1985, Làm ruộng | |
| | 26/10/2004 | Không | TP HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204010415 | | | | | | |
| 453 | Đặng Thanh Lợi | Sinh viên | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đặng Thanh Manh, 1986, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | CĐ Công nghệ Y-Dược VN | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Cẩm, 1983, Làm ruộng | |
| | 5/10/2007 | Không | CĐ Công nghệ Y-Dược VN | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 080207007363 | | | | | | |
| 454 | Phạm Thế Vỹ | Sinh viên | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Bá, 1964, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | CĐ Công nghệ Y-Dược VN | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thường, 1974, Làm ruộng | |
| | 7/7/2007 | Không | CĐ Công nghệ Y-Dược VN | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207005215 | | | | | | |
| 455 | Nguyễn Hoàng Kha | Sinh viên | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Đen, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học KTCN Cần Thơ | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Mai Cẩm Duyên, 1987, Làm ruộng | |
| | 3/6/2007 | Không | Trường Đại học KTCN Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207009380 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 456 | Trần Quốc Phú | Sinh viên | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Long, 1977, chết | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao Đẳng Cà Mau | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Ngọc Hà, 1981, Làm ruộng | |
| | 20/11/2006 | Không | Trường Cao Đẳng Cà Mau | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206001740 | | | | | | |
| 457 | Trần Tấn Đạt | Sinh viên | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Tính, 1977 (chết) | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao Đẳng y tế Cần Thơ | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Thanh Thảo, 1979, Làm ruộng | |
| | 22/4/2004 | Không | Cao Đẳng y tế Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204000711 | | | | | | |
| 458 | Châu Gia Kiệt | Học sinh | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Châu Gia Đăng, 1989, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | THPT Tân Bằng, | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Học sinh | Không | Nguyễn Thị Ni, 1990, Làm ruộng | |
| | 21/7/2008 | Không | THPT Tân Bằng, | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208001779 | | | | | | |
| 459 | Trần Nguyễn Ngọc Hưng | Sinh viên | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Tươi, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH sư phạm TDTT TPHCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Kim Thùy, 1985, Làm ruộng | |
| | 6/1/2008 | Không | ĐH sư phạm TDTT TPHCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208016467 | | | | | | |
| 460 | Phạm Nhâm Ngọ | Sinh viên | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Tạo, 1968, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 ra trường 12/2026 |
| | Không | Cao Đẳng FPT TPHCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Dung, 1977, Làm ruộng | |
| | 15/10/2002 | Không | Cao Đẳng FPT TPHCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091202001364 | | | | | | |
| 461 | Huỳnh Trí Vỹ | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Tèo, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trương Thị Vẹn, 1993, Làm ruộng | |
| | 6/30/2006 | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206010646 | | | | | | |
| 462 | Nguyễn Văn Chiêu | Làm ruộng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Liệt, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Oanh, 1981, Làm ruộng | |
| | 11/20/2006 | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206012609 | | | | | | |
| 463 | Đặng Văn Kỳ | Làm ruộng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đặng Văn Mãi, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lâm Xuân Đào, 1983, Làm ruộng | |
| | 8/14/2006 | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206006340 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 464 | Dương Vũ Luân | Làm ruộng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Dương Văn Pha, 1984,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trương Mỹ Huệ, 1982,Làm ruộng | |
| | 12/11/2006 | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206010416 | | | | | | |
| 465 | Hà Văn Tý | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Hà Văn Bé Tư, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tú, 1985, Làm ruộng | |
| | 1/5/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001903 | | | | | | |
| 466 | Nguyễn Trọng Khang | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Việt Kha, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tây, 1982, Làm ruộng | |
| | 7/28/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96205002298 | | | | | | |
| 467 | Phạm Chí Thuộc | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Trí Trung, 1979 (cha chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thúy, 1985, Làm ruộng | |
| | 8/15/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205013178 | | | | | | |
| 468 | Đỗ Trọng Khang | Làm ruộng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đỗ Văn Lắm, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Luyến, 1981, Làm ruộng | |
| | 8/8/2005 | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205014378 | | | | | | |
| 469 | Ngô Thanh Nhã | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Ngô Văn Phong, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thủy, 1985, Làm ruộng | |
| | 7/12/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204007248 | | | | | | |
| 470 | Phạm Nhựt Ninh | Làm ruộng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Tây, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thi Hận, 1982, Làm ruộng | |
| | 6/16/2004 | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204013485 | | | | | | |
| 471 | Trương Trung Kiên | Làm ruộng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Trương Hùng Cường, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Ngọc Giàu, 1976, Làm ruộng | |
| | 3/18/2004 | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204015559 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 472 | Vỏ Minh Vương | Làm ruộng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 1/12 | Vỏ Văn Bình, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Hoài Ánh, 1978, Làm ruộng | |
| | 7/31/2004 | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204008924 | | | | | | |
| 473 | Nguyễn Văn Tân | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Tiền Giang, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhiên, 1982, Làm ruộng | |
| | 12/29/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 0912003002590 | | | | | | |
| 474 | Huỳnh Kỳ Anh | Làm ruộng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Điền, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Hành, 1981, Làm ruộng | |
| | 11/29/2003 | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203005988 | | | | | | |
| 475 | Phạm Trí Trực | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Trí Trung, 1979 (cha chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thúy, 1985, Làm ruộng | |
| | 12/6/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203012520 | | | | | | |
| 476 | Nguyễn Văn Phú | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Lâm, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thu Sương, 1973, Làm ruộng | |
| | 11/7/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008923 | | | | | | |
| 477 | Lê Vĩ Khang | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Quốc Sỷ, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Ngô Thị Liên, 1973, Làm ruộng | |
| | 8/20/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203015352 | | | | | | |
| 478 | Nguyễn Văn Đang | Làm ruộng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Minh Dương, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Trăm, 1982, Làm ruộng | |
| | 11/21/2003 | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 09120301597 | | | | | | |
| 479 | Nguyễn Thanh Lừng | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Tiền Giang, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhiên, 1982, Làm ruộng | |
| | 10/29/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201014795 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 480 | Nguyễn Quang Vinh | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Trường Giang, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Hồ Thị Nga, 1975, Làm ruộng | |
| | 11/9/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201007728 | | | | | | |
| 481 | Lê Chí Thoại | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Tưởng, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Hồng Tuyết, 1981, Làm ruộng | |
| | 7/20/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201012219 | | | | | | |
| 482 | Phạm Ngọc Lợi | Làm ruộng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Chừng, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Thị Bích, 1982, Làm ruộng | |
| | 12/3/2002 | Không | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96202004572 | | | | | | |
| 483 | Hà Văn Khang | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Hà Văn Cam, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kim Anh, 1977, Làm ruộng | |
| | 12/14/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001363 | | | | | | |
| 484 | Lê Hùng Mạnh | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lêm Thanh Tâm 1962, Chết | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Kim Quân , 1964, Chết | |
| | 9/21/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202005542 | | | | | | |
| 485 | Trần Trọng An | Làm thuê | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Trần Thanh Vũ, 1980, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thoại, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thùy Dương, 1985, Làm ruộng | |
| | 14/5/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204013562 | | | | | | |
| 486 | Huỳnh Nguyễn Kiên Giang | Làm thuê | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Huỳnh Thạch Hổ, 1984, Làm ruộng | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 bứu trên đầu chưa mổ |
| | Không | Trà Vinh | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ngọc Phương,1984, Nội trợ | |
| | 7/3/2006 | Không | Trà Vinh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206013220 | | | | | | |
| 487 | Phan Thành Khẩm | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phan Thanh Đề, 1971, Làm ruộng | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Cụt 3 ngón bàn chân |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Tuyết Huệ,1975, Làm ruộng | |
| | 6/3/2004 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204017122 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 488 | Trần Nguyễn Thanh Phong | Sinh viên | ấp Minh Thượng U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Tảng, 1966, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Thủ Dầu Một | ấp Minh Thượng U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Hồng, 1977, Làm ruộng | |
| | 15/6/2007 | Không | Trường ĐH Thủ Dầu Một | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 09120707402 | | | | | | |
| 489 | Huỳnh Duy Khánh | Sinh viên | ấp Minh Thượng U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Văn Huấn, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh | ấp Minh Thượng U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Phan Thị Đẹp, 1982, Làm ruộng | |
| | 19/1/2007 | Không | Trường ĐH Trà Vinh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207008440 | | | | | | |
| 490 | Huỳnh Minh Lực | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Văn Vui, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tạ Ngọc Tiềm, 1978, Làm ruộng | |
| | 7/8/2006 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001178 | | | | | | |
| 491 | Nguyễn Phi Hùng | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn văn Ngại, 1963, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhiệm, 1966, Làm ruộng | |
| | 1/1/2006 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206019473 | | | | | | |
| 492 | Thạch Văn Phú | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 2/12 | Thạch Thanh Phong, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Mua, 1980, Làm ruộng | |
| | 7/26/2006 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001547 | | | | | | |
| 493 | Nguyễn Văn Vũ | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bé Tám, 1972, Làm ruộng | |
| | 7/26/2006 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206009768 | | | | | | |
| 494 | Trần Kha Băng | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Hoàng Diệu, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Thu Năm, 1981, Làm ruộng | |
| | 7/7/2006 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206008995 | | | | | | |
| 495 | Lê Đặng Tư | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Lê Đức, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Bé Hai, 1976, Làm ruộng | |
| | 1/25/2007 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 86207011736 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 496 | Nguyễn Duy Khang | Làm thuê | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Khen, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mộng, 1983, Làm ruộng | |
| | 2/21/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204001848 | | | | | | |
| 497 | Nguyễn Văn Nghĩa | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Trọng, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Kim Ly, 1982, Làm ruộng | |
| | 5/25/2002 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96202002795 | | | | | | |
| 498 | Hồ Nhựt Đang | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Hồ Đông Xuân, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đinh Thị Diễm, 1975, Làm ruộng | |
| | 2/16/2002 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202009473 | | | | | | |
| 499 | Nguyễn Chí Linh | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Nguyên, 1961, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Loan, 1964, Làm ruộng | |
| | 7/1/2002 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96202000767 | | | | | | |
| 500 | Đỗ Văn Ten | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Đỗ Văn Toàn, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Riêng, 1978, Làm ruộng | |
| | 3/10/2003 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203018816 | | | | | | |
| 501 | Dương Chí Thanh | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Quách Văn Sanh, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Thị Hiền, 1973, Làm ruộng | |
| | 4/10/2003 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203000435 | | | | | | |
| 502 | Nguyễn Hải Đăng | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Tý, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Muội, 1987, Làm ruộng | |
| | 3/4/2002 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001214 | | | | | | |
| 503 | Châu Chí Tường | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Châu Mai Thảo, 1962, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Văn Khôi, 1962, Làm ruộng | |
| | 9/8/2003 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002469 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 504 | Từ Vũ Luân | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Từ Văn Vàng 1975 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Liền,1980, nội trợ | |
| | 20/05/2007 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | | Không | |
| | 091207014514 | | | | | | |
| 505 | Nguyễn Quốc Khải | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Sum 1981 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tạ Thị Thơ 1983 Làm ruộng | |
| | 10/4/2007 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | | Không | |
| | 091207009543 | | | | | | |
| 506 | Lê Thanh Tuấn | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Bình; 1973 Làm Ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Ngọc Nữ, 1989 Làm Ruộng | |
| | 15/04/2008 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208014283 | | | | | | |
| 507 | Nguyễn Đăng Khôi | Làm Ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Hỏi, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Phú; 1979 Làm Ruộng | |
| | 1/10/2008 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 096208013239 | | | | | | |
| 508 | Bùi Thanh Nhựt | Làm Ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Bùi Văn Bình; 1974 Làm Ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ly; 1977 Làm Ruộng | |
| | 15/11/2008 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208015309 | | | | | | |
| 509 | Bùi Minh Nhớ | Làm Ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Bùi Hữu Nhơn; 1986 Làm Ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thu Gõ; 1991 Làm Ruộng | |
| | 2/2/2008 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208010092 | | | | | | |
| 510 | Huỳnh Thanh Lâm | Làm Ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Được 01/01/1984 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Tươi 01/01/1987 Làm ruộng | |
| | 17/01/2009 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091209012888 | | | | | | |
| 511 | Nguyễn Thanh Lùng | Làm thuê | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thanh Tùng, 1985 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP. HCM | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Nga,1985, Nội trợ | |
| | 1/12/2009 | Không | TP. HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091209001105 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 512 | Dương Minh Luân | Làm thuê | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Dương Quốc Tâm 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP. HCM | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Thăn, 1984, Làm ruộng | |
| | 05/9/2008 | Không | TP. HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208006004 | | | | | | |
| 513 | Phan Nhựt Bằng | Làm thuê | ấp Minh Thượng U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Phan văn Tỷ, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | | ấp Minh Thượng U Minh Thượng | Nông dân | Không | Châu Hồng Nhi, 1976, Làm ruộng | |
| | 6/5/2002 | không | | Kinh, Không | Không | Phan Thị Như Ý, 2001, Làm ruộng | |
| | 091202001179 | | | | | | |
| 514 | Lê Văn Vẹn | Làm ruộng | ấp Minh Thượng U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Văn Nguyên, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng U Minh Thượng | Sinh viên | Đại học | Huỳnh Ngọc Trai, 1984, Làm ruộng | |
| | 29/9/2003 | Không | ấp Minh Thượng U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203001669 | | | | Đoàn | | |
| 515 | Châu Nhựt Hào | Làm thuê | ấp Minh Thượng U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Châu Văn Việt, 1970, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | Đài Loan | ấp Minh Thượng U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Buổi, 1973, Làm ruộng | |
| | 7/6/2003 | Không | Đài Loan | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002624 | | | | | | |
| 516 | Nguyễn Văn Tài | Làm ruộng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Thành, 1979, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Tú, 1981, Làm ruộng | |
| | 5/10/2006 | Không | ấp Minh Thượng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206006676 | | | | | | |
| 517 | La Khánh Duy | Sinh viên | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | La Văn Nguyên, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Hồng Thắm, 1980, Làm ruộng | |
| | 9/11/2006 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206007699 | | | | | | |
| 518 | Lê Thanh Toàn | Học sinh | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Văn Nil, 1988, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | THPT Tân Bằng | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Giang Bích Tuyền, 1989, Làm ruộng | |
| | 26/01/2009 | Không | THPT Tân Bằng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091209013974 | | | | | | |
| 519 | Nguyễn Trọng Nguyên | Sinh Viên | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Lực, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Nam cầnThơ | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Sinh Viên | Không | Tăng Thị Quil, 1980, Làm ruộng | |
| | 13/1/2008 | Không | Đại học Nam cầnThơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208018434 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày tháng năm sinh<br>Số căn cước hoặc CCCD | Nghề nghiệp<br>Nơi làm việc<br>Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi thường trú của gia đình, bản thân.<br>Nơi ở hiện nay của bản thân.<br>Nơi làm việc (nếu có) | Thành phần gia đình<br>Thành phần bản thân<br>Dân tộc,Tôn giáo | Trình độ văn hóa,CMKT<br>Ngoại ngữ<br>Đảng Đoàn | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 520 | Huỳnh Công Ty<br>Không<br>06/01/2008<br>091208014593 | Sinh Viên<br>trường Cao đẳng Kiên Giang<br>Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>trường Cao đẳng Kiên Giang | Trung nông<br>Học sinh<br>Kinh, Không | 12/12<br>Không<br>Đoàn | Huỳnh Văn Vĩnh, 1980, Làm ruộng<br>Nguyễn Thị Giá, 1984, Làm ruộng<br>Không | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 521 | Lê Khả Hào<br>Không<br>10/22/2006<br>091206009497 | Làm ruộng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 6/12<br>Không<br>Không | Lê Văn Thuận, 1952(ngoại), Làm ruộng<br>Trần Thị Khỏe ( Ngoại), 1953, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 522 | Nguyễn Văn Toàn<br>Không<br>10/13/2006<br>091206017823 | Làm ruộng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 6/12<br>Không<br>Không | Nguyễn Văn Tài, 1982, Làm ruộng<br>Bùi Thị Lang, 1982, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 523 | Lê Khánh Duy<br>Không<br>1/1/2007<br>091207045684 | Làm ruộng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 7/12<br>Không<br>Không | Lê Thanh Dũng, 1975, Làm ruộng<br>Nguyễn Thị Dư, 1975, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 524 | Nguyễn Văn Hạnh<br>Không<br>2/2/2004<br>091204016289 | Làm ruộng<br>ap Minh Thượng A,U MinhThượng<br>Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 6/12<br>Không<br>Không | Nguyễn Hoàng Xa, 1971, Làm ruộng<br>Huỳnh Thị Giáo, 1973, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 525 | Trương Nhật Linh<br>Không<br>1/1/2004<br>091204124578 | Làm thuê<br>TP.HCM<br>Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>TP.HCM | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 7/12<br>Không<br>Không | Trương Phước Tân, 1984, Làm ruộng<br>Nguyễn Thị Mương, 1982, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 526 | Lê Chí Nguyện<br>Không<br>3/17/2005<br>96205002242 | Làm thuê<br>TP.HCM<br>Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>TP.HCM | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 4/12<br>Không<br>Không | Lê Hoàng Chơn, 1982, Làm ruộng<br>Bùi Thị Giang, 1982, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 527 | Nguyễn Đoàn Dự<br>Không<br>9/1/2004<br>091204010332 | Làm ruộng<br>ap Minh Thượng A,U MinhThượng<br>Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thượng A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 7/12<br>Không<br>Không | Nguyễn Thanh Danh, 1967, Làm ruộng<br>Nguyễn Thị Loan, 1973, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 528 | Huỳnh Ngọc Thái | Làm ruộng | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 7/12 | Đinh Bảo Thái, 1990, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Huỳnh T. Ngọc Phương, 1986, Làm ruộng | |
| | 5/24/2004 | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204016314 | | | | | | |
| 529 | Nguyễn Hoài Thanh | Làm ruộng | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Luyến, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Đoàn Thị Xiếu, 1973, Làm ruộng | |
| | 8/13/2002 | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202004549 | | | | | | |
| 530 | Võ Văn Nghị | Làm ruộng | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Đấu, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Lê Thị Út, 1974, Làm ruộng | |
| | 5/4/2002 | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91002255698 | | | | | | |
| 531 | Trương Hồng Lên | Làm ruộng | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 2/12 | Trương Hồng Vân, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Đỗ Thị Kim Chi, 1977, Làm ruộng | |
| | 7/1/2002 | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202002659 | | | | | | |
| 532 | Nguyễn Hoài Thương | Làm thuê | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Có Anh, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Đặng Tú Anh, 1985, Làm ruộng | |
| | 8/21/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205012689 | | | | | | |
| 533 | Nguyễn Văn Giàu | Làm ruộng | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Hoàng Mộng, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kiều Xuân, 1983, Làm ruộng | |
| | 11/12/2004 | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96204006140 | | | | | | |
| 534 | Nguyễn Văn Phi | Làm ruộng | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Nhanh, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Huyền, 1983, Làm ruộng | |
| | 1/9/2005 | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205005769 | | | | | | |
| 535 | Nguyễn Văn Sự | Làm ruộng | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Tạo, 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Bùi Thị Nhiên, 1967, Làm ruộng | |
| | 8/16/2001 | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 9620101244 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 536 | Trần Văn Xiêu | Làm ruộng | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Nhiều, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nha, 1974, Làm ruộng | |
| | 31/5/2001 | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96201014562 | | | | | | |
| 537 | Võ Văn Đệ | Làm ruộng | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 4/12 | Võ Minh Tuấn, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Đặng Thị Cẩm, 1975, Làm ruộng | |
| | 10/5/2001 | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201003635 | | | | | | |
| 538 | Lê Chí Cường | Làm thuê | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 6/12 | Lê Thanh Bình, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Trần Cẩm Hồng, 1975, Làm ruộng | |
| | 8/23/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206012351 | | | | | | |
| 539 | Lê Thanh Ngon | Làm thuê | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 4/12 | Lê Thanh Phong, 1960, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lùng, 1960, Làm ruộng | |
| | 16/02/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206006580 | | | | | | |
| 540 | Trần Hữu Nghĩa | Đi biển | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Nhân, 1984, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Phan Thị Đào, 1988, Làm ruộng | |
| | 7/1/2006 | Không | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206018802 | | | | | | |
| 541 | Đặng Duy Mạnh | Làm thuê | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 5/12 | Đặng Văn Tuấn, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Nguyễn Mộng Nhi, 1986, Làm ruộng | |
| | 1/1/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207004521 | | | | | | |
| 542 | Dương Quốc Tới | Làm thuê | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 7/12 | Dương Văn Kiệt, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | | |
| | 1/1/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204124563 | | | | | | |
| 543 | Nguyễn Phú Khang | Làm thuê | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Việt Thương, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thượng A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Hạnh, 1986, Làm ruộng | |
| | 1/1/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204122556 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 544 | Nguyễn Thành Đàng | Làm thuê | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Thành Đặng; 19785, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Thảo; 1983, Làm ruộng | |
| | 1/1/2008 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | | Không | |
| | 091208015712 | | | | | | |
| 545 | Đào Hoàng Trực | Làm ruộng | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đào Hoàng Anh; 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị An; 1984, Làm ruộng | |
| | 7/4/2008 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | | Không | |
| | 096208011673 | | | | | | |
| 546 | Trần Phong Dinh | Làm thuê | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Trần Văn Thảo, 1977, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thượng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Nhung, 1980, Làm ruộng | |
| | 7/16/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203006807 | | | | | | |
| 547 | Hồ Văn Độ | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12' | Hồ Văn Hiếu, 1972, Làm ruộng | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Chân cặp inox, sức khỏe |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Lợi, 1977, Làm ruộng | |
| | 2/7/2002 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202006325 | | | | | | |
| 548 | Nguyễn Hoàng Ân | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Đông, 1975, Làm ruộng | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 2 chân bẹt |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Cao đẳng | Phan Thị Phượng, 1977, Làm ruộng | |
| | 4/27/1999 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Xây dựng | Không | |
| | 91099010067 | | | | | | |
| 549 | Huỳnh Trung Tình | Làm thuê | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Huỳnh Văn Tài, 1965 chết | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 lao động duy nhất |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Khiếm, 1965, Làm ruộng | |
| | 19/11/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205015269 | | | | | | |
| 550 | Đoàn Văn Phi | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Đoàn Văn Lĩnh; 1975 ; Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Em đang tại ngũ |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Mọng Thuỳ, 1978, làm ruộng | |
| | 1/3/2005 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91205014033 | | | | | | |
| 551 | Tô Vũ Trường | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Tô Minh Trí, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường: ĐH KT-CN Cần Thơ | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thì Cùi Em, 1972, Làm ruộng | |
| | 11/8/2007 | Không | Trường: ĐH KT-CN Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207007027 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 552 | Hồ Trịnh Khắc Trân | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Hồ Tương Lai, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường: cao đẳng Y tế Cần Thơ | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trịnh Thị Nguyên, 1981, Làm ruộng | |
| | 7/2/2006 | Không | Trường: cao đẳng Y tế Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206005183 | | | | | | |
| 553 | Nguyễn Quốc Huy | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Quyền, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần thơ | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Huỳnh Xuân Nguyệt, 1982, Làm ruộng | |
| | 25/1/2006 | Không | Trường ĐH Nam Cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206003877 | | | | | | |
| 554 | Nguyễn Trần Toàn | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Quốc Danh, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Sói Mũi, 1985, Làm ruộng | |
| | 30/10/2005 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205016885 | | | | | | |
| 555 | Hồ Minh Tân | Học sinh | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Hồ Văn Tuấn; 1983,Bác sỹ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường THCS & THPT UMT | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Học sinh | Không | Lê Kim Thủy; 1980, Dược Sỹ | |
| | 1/7/2008 | Không | Trường THCS & THPT UMT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208002832 | | | | | | |
| 556 | Nguyễn Quốc An Khương | Học sinh | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12 | Nguyễn Văn Hiếu; 1985, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường trung cấp An giang I | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Học sinh | Không | Nguyễn T Hồng Ngọc; 1988, làm ruộng | |
| | 28/7/2008 | Không | Trường trung cấp An giang I | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208011739 | | | | | | |
| 557 | Nguyễn Minh Nhật | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Việt Lào, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Huỳnh Thị Mỹ Quý, 1981, Làm ruộng | |
| | 13/11/2006 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206004850 | | | | | | |
| 558 | Phan Huỳnh Vĩ Khang | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phan Thanh Điền, 1988, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Huỳnh Hoa Thủy Dương, 1990, Làm ruộng | |
| | 2/12/2007 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207002008 | | | | | | |
| 559 | Nguyễn Tuấn Khang | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thanh Sang, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ FPT | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Ngân Em, 1979, Làm ruộng | |
| | 24/12/2007 | Không | Trường CĐ FPT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207008453 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 560 | Nguyễn Chí Tình | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thanh Tuấn, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐHKG | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phan Thị Thuý, 1986, Làm ruộng | |
| | 15/12/2006 | Không | Trường ĐHKG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206004474 | | | | | | |
| 561 | Huỳnh Tấn Hào | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Văn Hạt, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thi Vạn, 1979, Làm ruộng | |
| | 17/5/2005 | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205007613 | | | | | | |
| 562 | Lâm Chí Thịnh | Học sinh | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12 | Lâm Hoàng Sơn; 1982 | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường trung cấp An giang I | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Út Rỉ; 1988 | |
| | 1/2/2008 | Không | Trường trung cấp An giang I | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208005223 | | | | | | |
| 563 | Nguyễn Mạnh Hùng | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Trúc, 1980, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao đẳng Miền Nam TPHCM | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | sinh viên | Huỳnh Thị Lùng; 1984 | |
| | 8/11/2008 | Không | Cao đẳng Miền Nam TPHCM | Kinh, Không | Đoàn | Làm ruộng | |
| | 089208023212 | | | | | | |
| 564 | Nguyễn Nhật Phi | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Phận; 1984,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cửu Long Vĩnh Long | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đỗ Thị Diễm; 1988,Làm ruộng | |
| | 11/8/2008 | Không | Trường ĐH Cửu Long Vinh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208013408 | | | | | | |
| 565 | Đinh Nguyễn Đăng Khoa | Sinh viên | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đinh Quốc Vũ, 1978, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Mai Hoa; 1979, Làm ruộng | |
| | 19/4/2008 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091280814019 | | | | | | |
| 566 | Lê Thái Nguyên | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Lê Thanh Phong, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lâm Thị Tú Chi, 1979, Làm ruộng | |
| | 7/3/2006 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206019422 | | | | | | |
| 567 | Phạm Hoàng Khanh | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Phạm văn Lành, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Thị Tài Em, 1983, Làm ruộng | |
| | 5/24/2006 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206012466 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 568 | Đặng Hoàng Thọ | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đặng Văn Thạnh, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Mỹ Thuận, 1980, Làm ruộng | |
| | 2/27/2004 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204011791 | | | | | | |
| 569 | Nguyễn Chí Cường | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Thơi, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hiệp, 1977, Làm ruộng | |
| | 8/8/2006 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001977 | | | | | | |
| 570 | Hồ Hữu Phúc | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Hồ Võ Hữu Lợi, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bất, 1980, Làm ruộng | |
| | 1/19/2007 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207012739 | | | | | | |
| 571 | Nguyễn Chí Kha | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Cường, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Út Bé, 1983, Làm ruộng | |
| | 2/2/2006 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206015202 | | | | | | |
| 572 | Nguyễn Đan Trường | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Khắc Nơi, 1956, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Tú, 1960, Làm ruộng | |
| | 1/8/2002 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202014708 | | | | | | |
| 573 | Võ Minh Chắc | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Võ Hồng Vững, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Minh Diền, 1959, làm ruộng | |
| | 3/25/2002 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202012118 | | | | | | |
| 574 | Du Hênh | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Du Quang Sự, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phượng, 1978, Làm ruộng | |
| | 8/13/2001 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201009327 | | | | | | |
| 575 | La Văn Nhất | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | La Văn Mum, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Bích Ngọc, 1981, Làm ruộng | |
| | 3/10/2001 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201015413 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 576 | Nguyễn Minh Khan | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Dũng, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Đèo, 1971, Làm ruộng | |
| | 6/9/2003 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203017129 | | | | | | |
| 577 | Lê Công Trạng | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Lê Văn Hoà 1855 Chết | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hồng, 1963, Làm ruộng | |
| | 2/10/2003 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203005581 | | | | | | |
| **578** | Phạm Văn Khá | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 2/12 | Phạm Văn Đan, 1962, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thuý Hằng, 1972, Làm ruộng | |
| | 9/19/2003 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203016494 | | | | | | |
| 579 | Phạm Văn Tuấn | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Trang, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đinh Thị Dóc, 1963, Làm ruộng | |
| | 5/19/2002 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202004538 | | | | | | |
| 580 | Nguyễn Minh Khôi | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Công, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Viết, 1974, làm ruộng | |
| | 9/27/2003 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203007512 | | | | | | |
| 581 | Nguyễn Văn Cần | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Phương, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Vỏ Thị Cơ, 1978, Làm ruộng | |
| | 2/1/2002 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202006038 | | | | | | |
| 582 | Trần Duy Khang | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Thuận, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thuỷ, 1980, Làm ruộng | |
| | 5/24/2001 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201008722 | | | | | | |
| 583 | Nguyễn Chí Thật | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thanh Lộc, 1979, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Cầm Chị, 1976, Làm ruộng | |
| | 3/1/2002 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202007443 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 584 | Nguyễn Quốc Bảo | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Trường Nguyên, 1972 Chết | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Cao Thị Hoa, 1974, Làm ruộng | |
| | 10/10/2001 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201004344 | | | | | | |
| 585 | Nguyễn Tường Khanh | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Quốc Tĩnh, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Tươi, 1981, Làm ruộng | |
| | 7/9/2003 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203011062 | | | | | | |
| 586 | Nguyễn Trọng Phúc | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Út, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phượng, 1975, làm ruộng | |
| | 2/28/2002 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001261 | | | | | | |
| 587 | Huỳnh Văn Tỷ | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Chí Linh, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Lái, 1985, Làm ruộng | |
| | 1/1/2002 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001874 | | | | | | |
| 588 | Ngô Vĩ Khang | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Ngô Văn Thực, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Thi, 1984, Làm ruộng | |
| | 10/11/2005 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205010153 | | | | | | |
| 589 | Bùi Ngọc Giả | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Bùi Văn Khá, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Thu Ba, 1983, Làm ruộng | |
| | 6/26/2003 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203010019 | | | | | | |
| 590 | Nguyễn Trường Sang | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Trường Giang, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyên Thị Diễm Trinh, 1971, Làm ruộng | |
| | 10/9/2005 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205004140 | | | | | | |
| 591 | Nhan Văn Nhĩ | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Nhan Huệ Thiện, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Diệp Lang, 1982, Làm ruộng | |
| | 1/1/2006 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206013336 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 592 | Lê Hồng Phót | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Thuỹ, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Dững, 1975, Làm ruộng | |
| | 9/2/2005 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205009075 | | | | | | |
| 593 | Nguyễn Vỹ Khang | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Nhiều, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Diệu Hạnh, 1987, làm ruộng | |
| | 7/27/2007 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207003176 | | | | | | |
| 594 | Lương Thế Vỹ | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lương Văn Sữ, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Huệ, 1990, Làm ruộng | |
| | 5/10/2007 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207010087 | | | | | | |
| 595 | Nguyễn Duy Khánh | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Hùng Cường, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lâm Thị loan Anh, 1983, Làm ruộng | |
| | 5/24/2007 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207011677 | | | | | | |
| 596 | Nguyễn Nguyên Khánh | Làm thuê | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Tân Nguyên, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nhan Thị Mỹ Xuyên, 1990, Làm ruộng | |
| | 2/27/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 2/27/2007 | | | | | | |
| 597 | Lý Văn Tưởng | Làm thuê | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lý Văn Cường; 1979,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TPHCM | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Hằng; 1981,Làm ruộng | |
| | 2/2/2008 | Không | TPHCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208007682 | | | | | | |
| 598 | Trần Văn Tâm | Làm thuê | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Thẩm; 1987,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TPHCM | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Sang; 1983,Làm ruộng | |
| | 14/11/2008 | Không | TPHCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208010831 | | | | | | |
| 599 | Huỳnh Bá Diệu | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Vĩ Dạ, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Bích, 1986, Làm ruộng | |
| | 7/28/2007 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 600 | Nguyễn Phước Tân | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Kim Vững, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Cẩm Loan, 1986, Làm ruộng | |
| | 1/28/2007 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207016375 | | | | | | |
| 601 | Nguyễn Văn Mến | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Nguyễn Văn Huy, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mẫn, 1977, Làm ruộng | |
| | 7/16/2006 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206017123 | | | | | | |
| 602 | Nguyễn Chí Nguyện | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Trung Kiên, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ny, 1987, Làm ruộng | |
| | 8/23/2006 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206002934 | | | | | | |
| 603 | Nguyễn Trường Duy | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Đoàn, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Diệp Ngọc Sen, 1982, Làm ruộng | |
| | 4/15/2002 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202005041 | | | | | | |
| 604 | Nguyễn Văn Ý | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Mộng, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Bé Ba, 1974, Làm ruộng | |
| | 10/17/2001 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201008758 | | | | | | |
| 605 | Nguyễn Văn Tân | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Hi, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mận, 1978, Làm ruộng | |
| | 7/9/2003 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203010614 | | | | | | |
| 606 | Trần Vũ Linh | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Thơi, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Hiền, 1986, Làm ruộng | |
| | 5/10/2002 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202000241 | | | | | | |
| 607 | Lê Vương Khang | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Hồng, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Thắm, 1977, Làm ruộng | |
| | 7/1/2002 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 371968270 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 608 | Nguyễn Quốc Kiệt | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Kết, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Thúy An, 1987, Làm ruộng | |
| | 11/26/2005 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205018931 | | | | | | |
| 609 | Lê Văn Quốc | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Tư, 1951, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ánh, 1956, Làm ruộng | |
| | 7/1/2002 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202014499 | | | | | | |
| 610 | Nguyễn Văn Khang | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Minh Dương, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Hồng Thị Bé Dược, 1988, làm ruộng | |
| | 11/14/2007 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207008890 | | | | | | |
| 611 | Bùi Triệu Vĩ | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Bùi Minh Luân, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Trang, 1985, Làm ruộng | |
| | 3/3/2007 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | | | | | | | |
| 612 | Phan Văn Huy | Làm thuê | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phan Văn Lượm; 1981,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TPHCM | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Phường; 1988,Làm ruộng | |
| | 30/3/2008 | Không | TPHCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 089208023576 | | | | | | |
| 613 | Sơn Ngọc Dương | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Sơn Ngọc Hoài 1980; Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hạ; 1989; Làm ruộng | |
| | 4/3/2007 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91207013189 | | | | | | |
| 614 | Lê Văn Khanh | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Trọn, 1980, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Thi Lệ,1958; Làm ruộng(Ngoại) | |
| | 31/12/2006 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 82206003539 | | | | | | |
| 615 | Cao Văn Thảo | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | **7/12** | Cao Chí Thanh;1980; Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Văn Thị Nhàn, 1980, làm ruộng | |
| | 1/1/2008 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | **Không** | Không | |
| | 91208014920 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 616 | Nguyễn Phúc Duy | Làm ruộng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Duy Phục; 1984; Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Hồng Loan; 1989; Làm ruộng | |
| | 15/12/2008 | Không | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91208010914 | | | | | | |
| 617 | Ngô Văn Liêu | Làm thuê | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Ngô Văn Thành; 1977,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TPHCM | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thắm; 1979,Làm ruộng | |
| | 29/02/2008 | Không | TPHCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208007524 | | | | | | |
| 618 | Nguyễn Cao Cường | Làm thuê | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Kiên, 1984, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bích Nhi, 1982, Làm ruộng | |
| | 15/4/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205011644 | | | | | | |
| 619 | Bùi Xuân Triệu | Làm thuê | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12 | Bùi Minh Luân; 1985,Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TPHCM | ấp Minh Tiến, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Trang; 1985,Làm ruộng | |
| | 20/8/2008 | Không | TPHCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 09120801318 | | | | | | |
| 620 | Bùi Thanh Thiện | Sinh viên | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Bùi Thanh Xuân, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Thị Hoài Phương, 1981, Làm ruộng | |
| | 3/12/2006 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206001203 | | | | | | |
| 621 | Hồ Công Nhiên | Sinh viên | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Hồ Thanh Hiệp Em, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Hương, 1982, Làm ruộng | |
| | 18/8/2005 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205001793 | | | | | | |
| 622 | Nguyễn Quốc Đại | Sinh viên | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Chơn, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phan Thị Mỹ Trân, 1977, Làm ruộng | |
| | 24/6/2007 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207013043 | | | | | | |
| 623 | Bùi Trần Hoàng Phúc | Sinh viên | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Bùi Văn Điền, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học KTCN Cần Thơ | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Hồng Gấm, 1980, Làm ruộng | |
| | 26/7/2008 | Không | Trường Đại học KTCN Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208002314 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 624 | Hồ Thanh Nghiêm | Sinh viên | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Hồ Văn Trực, 1963, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Kiên Giang | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Bé Năm, 1963, Làm ruộng | |
| | 25/10/2005 | Không | Đại học Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205002498 | | | | | | |
| 625 | Nguyễn Tú Tài | Sinh viên | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thành Tâm, 1985, Lạm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao Đẳng MiềnNam | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Bé Tư, 1980, Làm ruộng | |
| | 26/11/2007 | Không | Cao Đẳng MiềnNam | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207014608 | | | | | | |
| 626 | Ngô Trọng Ngân | Làm thuê | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Ngô Văn Thắng, 1960, chết | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Lao động duy |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn T. Kim Xuyến, 1962, Làm ruộng | |
| | 15/5/2002 | Không | TP.HCM | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091202001968 | | | | | | |
| 627 | Trần Minh Khang | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Minh Đoàn, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lý Thị Xiêm, 1982, Làm ruộng | |
| | 1/18/2008 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208004997 | | | | | | |
| 628 | Lê Văn Nhân | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Đời, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kim Hai, 1973, Làm ruộng | |
| | 6/17/2006 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206012556 | | | | | | |
| 629 | Trần Văn Nguyên | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Còn, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Cao Thị Oanh, 1981, Làm ruộng | |
| | 6/16/2006 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001177 | | | | | | |
| 630 | Lê Hoài Linh | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Thạnh, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Thu Hai, 1983, Làm ruộng | |
| | 3/27/2006 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206004689 | | | | | | |
| 631 | Dương Văn Nghiêm | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Dương Văn Khánh, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bé Hai, 1976, Làm ruộng | |
| | 7/3/2006 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206004567 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 632 | Lê Văn Cầm Chắc | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Sẽ, 1955, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Hai, 1955, Làm ruộng | |
| | 5/9/2006 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 75206019788 | | | | | | |
| 633 | Nguyễn Thế Kỹ | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Cảnh, 1977 , Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đinh Thị Ngọc Cầm, 1979, Làm ruộng | |
| | 9/19/2006 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206004974 | | | | | | |
| 634 | Nguyễn Như Thanh Sang | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Trường Sơn, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Trúc Ly, 1979, Làm ruộng | |
| | 1/1/2006 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206009598 | | | | | | |
| 635 | Nguyễn Phú Sĩ | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Mẫn, 1987, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Kim Huệ, 1988, Làm ruộng | |
| | 5/9/2006 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206003549 | | | | | | |
| 636 | Phan Văn Hiếu | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phan Văn Ngàn, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Lượm, 1984, Làm ruộng | |
| | 8/16/2004 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91004563296 | | | | | | |
| 637 | Danh Phú | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Nghĩa, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Thị Mãnh, 1974, Làm ruộng | |
| | 10/16/2004 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091204015107 | | | | | | |
| 638 | Lê Trí Nguyện | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Quyền Uy, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Nhàn, 1982, Làm ruộng | |
| | 2/2/2004 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204002538 | | | | | | |
| 639 | Trần Văn Linh | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Cha chết | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Cẩm, 1974, Làm ruộng | |
| | 10/7/2002 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202014334 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 640 | Nguyễn Hành Trình | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Diệu, 1975, Làm ruộng | |
| | 6/29/2002 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91002326598 | | | | | | |
| 641 | Danh Ngọc Xinh | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Đoàn, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Vĩnh, 1975, Làm ruộng | |
| | 6/6/2002 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091202010895 | | | | | | |
| 642 | Danh Nại | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Danh Đèo, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Hương, 1979, Làm ruộng | |
| | 7/1/2002 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091202003621 | | | | | | |
| 643 | Danh Kiệt | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Danh Sa Lượng, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Xuân Hương, 1980, Làm ruộng | |
| | 10/12/2002 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091202002594 | | | | | | |
| 644 | Nguyễn Văn Thảo | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Trung, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Tiến, 1976, Làm ruộng | |
| | 2/23/2001 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091200011419 | | | | | | |
| 645 | Trần Văn Đắng | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Lực, 1953 (Ông Ngoại), Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Không | |
| | 9/27/2001 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | | |
| | 91001256598 | | | | | | |
| 646 | Nguyễn Văn Phúc | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Trung, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Tiền, 1976, Làm ruộng | |
| | 11/15/2003 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203017589 | | | | | | |
| 647 | Lâm Văn Tý | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lâm Văn Phương, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Mai, 1972, Làm ruộng | |
| | 12/15/2003 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203528592 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh<br>Họ, chử đệm và tên thường dùng<br>Ngày tháng năm sinh<br>Số căn cước hoặc CCCD | Nghề nghiệp<br>Nơi làm việc<br>Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi thường trú của gia đình, bản thân.<br>Nơi ở hiện nay của bản thân.<br>Nơi làm việc (nếu có) | Thành phần gia đình<br>Thành phần bản thân<br>Dân tộc,Tôn giáo | Trình độ văn hóa,CMKT<br>Ngoại ngữ<br>Đảng Đoàn | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 648 | Danh Cá<br>Không<br>12/3/2003<br>091203003824 | Làm ruộng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Khmer, Không | 5/12<br>Không<br>Không | Danh Xương, 1973, Làm ruộng<br>TRần Thị Diền, 1982, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 649 | Danh Tín<br>Không<br>5/10/2003<br>091203010764 | Làm ruộng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Khmer, Không | 5/12<br>Không<br>Không | Danh Phước, 1980, Làm ruộng<br>Lê Thị Ngân, 1982, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 650 | Nguyễn Trí Tính<br>Không<br>11/16/2003<br>091203018724 | Làm ruộng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 7/12<br>Không<br>Không | Nguyễn Chí Trung, 1987, Làm ruộng<br>Phan Thị Kiều Oanh, 1984, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 651 | Nguyễn Văn Tình<br>Không<br>8/18/2003<br>091203013107 | Làm ruộng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 6/12<br>Không<br>Không | Nguyễn Văn Bảo, 1979, Làm ruộng<br>Dương Thị Nhung, 1983, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 652 | Danh Khang<br>Không<br>11/18/2002<br>091202007637 | Làm ruộng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Khmer, Không | 5/12<br>Không<br>Không | Danh Trường, 1972, Làm ruộng<br>Nguyễn Thị Dung, 1978, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 653 | Phạm Minh Tân<br>Không<br>7/10/2003<br>091203015786 | Làm ruộng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 6/12<br>Không<br>Không | Phạm Văn Tỏ, 1977, Làm ruộng<br>Bùi Thị Út, 1977, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 654 | Lê Văn Tính<br>Không<br>3/5/2003<br>091203006874 | Làm ruộng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 4/12<br>Không<br>Không | Lê Văn Vinh, 1983, Làm ruộng<br>Dương Thị Cẩm Tú, 1981, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 655 | Trần Văn Mên<br>Không<br>10/3/2002<br>091203005127 | Làm ruộng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng<br>ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 6/12<br>Không<br>Không | Trần Thống Anh, 1971, Làm ruộng<br>Lê Thị Cẩm Tú, 1983, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 656 | Trần Văn Giàu | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Bảo, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Thắm, 1984, Làm ruộng | |
| | 12/16/2002 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202010023 | | | | | | |
| 657 | Nguyễn Văn Kha | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trịnh Thị Mỹ Hòa, 1974, Làm ruộng | |
| | 1/1/2002 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | | | | | | | |
| 658 | Nguyễn Thoại Nam | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Dũng Liêm, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tô Thị Thắm, 1984, Làm ruộng | |
| | 1/1/2003 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203124578 | | | | | | |
| 659 | Phạm Văn Định | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Lực, 1966, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Hòa, 1966, Làm ruộng | |
| | 12/31/2003 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203003664 | | | | | | |
| 660 | Danh Vẹn | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Mẫn, 1964, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Viễn, 1964, Làm ruộng | |
| | 12/10/2002 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091202010177 | | | | | | |
| 661 | Danh Chọn | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Mẫn, 1964,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Viễn, 1964, Làm ruộng | |
| | 12/10/2002 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091202009153 | | | | | | |
| 662 | Danh Lợi | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Danh Đống, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Thắng, 1971, Làm ruộng | |
| | 7/1/2001 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091201003795 | | | | | | |
| 663 | Lê Văn Tỷ | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Minh Tuấn, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ly, 1978, Làm ruộng | |
| | 10/9/2002 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001782 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 664 | Cao Văn Bò | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Cao Văn Sửu, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thi Quyên, 1983, Làm ruộng | |
| | 12/9/2001 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201009579 | | | | | | |
| 665 | Nguyễn Phú Quý | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Quốc Trung, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Phượng, 1974, Làm ruộng | |
| | 5/7/2005 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205007186 | | | | | | |
| 666 | Trần Phi Hùng | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Trung, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trịnh Thị Bé Bảy, 1970, Làm ruộng | |
| | 2/10/2005 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205002527 | | | | | | |
| 667 | Cao Văn Châu | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Cao Văn Sửu, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thi Quyên, 1983, Làm ruộng | |
| | 11/8/2004 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204002479 | | | | | | |
| 668 | Lê Hoàng Nhựt | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Hoàng Em, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Chỉ, 1980, Làm ruộng | |
| | 5/25/2004 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204002842 | | | | | | |
| 669 | Phạm Văn Đất | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Rạng, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Thị Út Đủ, 1979, Làm ruộng | |
| | 8/25/2001 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201006635 | | | | | | |
| 670 | Nguyễn Văn Thoại | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Huyền, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Đăm, 1981, Làm ruộng | |
| | 2/6/2004 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204002655 | | | | | | |
| 671 | Lê Trọng Phúc | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Rô Bel, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Điểm, 1983, Làm ruộng | |
| | 9/10/2006 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206002737 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 672 | Cao Văn Dân | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Cao Văn Sửa, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Quyên, 1983, Làm ruộng | |
| | 5/23/2006 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206007110 | | | | | | |
| 673 | Lê Phúc Em | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Rô Bel, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Điễm, 1983, Làm ruộng | |
| | 19/11/2008 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208014651 | | | | | | |
| 674 | Nguyễn Châu Tuấn | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Bảo, 1972 , Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Bưởi, 1980, Làm ruộng | |
| | 21/11/2008 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208011283 | | | | | | |
| 675 | Nguyễn Văn Tính | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Hiền, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Hồng, 1985, Làm ruộng | |
| | 24/6/2008 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091190021313 | | | | | | |
| 676 | Lê Hoàng Vũ | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Hoàng Anh, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Kiều An, 1990, Làm ruộng | |
| | 03/8/2008 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208001287 | | | | | | |
| 677 | Tạ Hoàng Quy | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Tạ Văn Út, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tuyết Loan, 1976, Làm ruộng | |
| | 07/8/2008 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091208015411 | | | | | | |
| 678 | Trần Minh Khang | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Còn, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thanh Thảo, 1984, Làm ruộng | |
| | 18/01/2008 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091208004997 | | | | | | |
| 679 | Phan Trọng Định | Làm thuê | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phan Văn Đông, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thúy Anh, 1989, Làm ruộng | |
| | 25/5/2008 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208010659 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 680 | Võ Chí Nghĩa | Làm thuê | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Võ Văn Gái, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Diễm, 1974, Làm ruộng | |
| | 28/8/2008 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208010826 | | | | | | |
| 681 | Tạ Hoàng Quy | Làm ruộng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Tạ Văn Út, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tuyết Loan, 1976, Làm ruộng | |
| | 07/8/2008 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091208015411 | | | | | | |
| 682 | Danh Nấu | Làm thuê | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12 | Danh Nưa, 1986, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Danh Huỳnh Như, 1988, Làm ruộng | |
| | 21/8/2008 | Không | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208008864 | | | | | | |
| 683 | Nguyễn Trí Khang | Làm thuê | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Cường, 1982, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Danh Thị Quyên, 1986, Làm ruộng | |
| | 22/6/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207013879 | | | | | ; | |
| 684 | Nguyễn Nhựt Linh | Làm thuê | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Phi, 1977, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhung, 1978, Làm ruộng | |
| | 4/6/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091202010119 | | | | | | |
| 685 | Trần Khánh Duy | Làm thuê | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12' | Trần Văn Duyên, 1958, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | Nhật Bản | ấp Minh Tiến A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tím, 1959, Làm ruộng | |
| | 4/20/2004 | Không | Nhật Bản | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204000599 | | | | | | |
| 686 | Phạm Thanh Nhân | Làm thuê | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Phạm Anh Hùng, 1973, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Có anh đang tại ngũ |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Vàng, 1980, Làm ruộng | |
| | 30/8/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207002815 | | | | | | |
| 687 | Lâm Chí Khang | Sinh viên | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lâm Văn Tỷ, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam CT | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Ngọc, 1985, Làm ruộng | |
| | 13/5/2006 | Không | Trường ĐH Nam CT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206001803 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 688 | Trương Sữ Phạm Nguyễn | Sinh viên | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trương Thành Được, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam CT | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Sữ Thị Thương, 1970, Làm ruộng | |
| | 26/7/2006 | Không | Trường ĐH Nam CT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206000589 | | | | | | |
| 689 | Lê Phúc Thịnh | Sinh viên | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Minh Quẹo, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Bích Nguyệt, 1982, Làm ruộng | |
| | 10/2/2006 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206019317 | | | | | | |
| 690 | Phạm Văn Quốc | Sinh viên | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Tâm, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam CT | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Phương Thùy, 1984, Làm ruộng | |
| | 11/2/2006 | Không | Trường ĐH Nam CT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206015255 | | | | | | |
| 691 | Trần Quốc Thái Ngọc | Sinh viên | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Quốc Vinh, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô (Ngành thú y) | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Huỳnh Ngọc Lý, 1985, Làm ruộng | |
| | 2/4/2007 | Không | Trường ĐH Tây Đô (Ngành thú y) | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 09127004505 | | | | | | |
| 692 | Lê Quốc Khang | Sinh viên | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Văn Tâm, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Cần Thơ Ngành Khoa học đất | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Hồng Huệ, 1987, Làm ruộng | |
| | 11/10/2008 | Không | ĐH Cần Thơ Ngành Khoa học đất | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208004449 | | | | | | |
| 693 | Lâm Đạt Quang | Sinh viên | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lâm Văn Tỷ, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Nam Cần Thơ Ngành TMĐT | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Ngọc, 1985, Làm ruộng | |
| | 01/06/2008 | Không | ĐH Nam Cần Thơ Ngành TMĐT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208015149 | | | | | | |
| 694 | Hồ Hoài Ninh | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Hồ Hoài Nhớ, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thạch Nhan, 1983, Làm ruộng | |
| | 9/9/2006 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206009969 | | | | | | |
| 695 | Nguyễn Văn Giàu | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Chơn, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Cẩm Loan, 1985, Làm ruộng | |
| | 12/24/2006 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206005275 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 696 | Nguyễn Hữu Bách | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thanh Bình, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nết, 1982, Làm ruộng | |
| | 06/11//2006 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206013283 | | | | | | |
| 697 | Nguyễn A Quy | Làm thuê | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Giao Tuyên, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Phượng, 1972, Làm ruộng | |
| | 7/1/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008535 | | | | | | |
| 698 | Danh Yên | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Danh Củng, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Út, 1969, Làm ruộng | |
| | 8/24/2004 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091204010177 | | | | | | |
| 699 | Danh Truyền | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Hưởng, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Lệ, 1970, Làm ruộng | |
| | 11/19/2003 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091203015200 | | | | | | |
| 700 | Nguyễn Phương Trình | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Quốc Thới, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bạch Tuyết, 1982, Làm ruộng | |
| | 11/11/2003 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002473 | | | | | | |
| 701 | Dương Hải Đăng | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Dương Vũ Thắng, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Ngọc Thu, 1978, Làm ruộng | |
| | 4/9/2003 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203013291 | | | | | | |
| 702 | Đặng Chí Mải | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đặng Văn Nhanh, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Tuyết Hương, 1977, Làm ruộng | |
| | 11/25/2005 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205016498 | | | | | | |
| 703 | Sơn Thanh | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Tha, 1976, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Sơn Thị Hạnh, 1977, Làm ruộng | |
| | 8/27/2004 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091204015571 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 704 | Trần Văn Nguyên | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Trần Văn Lĩnh, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Sơn Thị Thắm, 1973, Làm ruộng | |
| | 8/17/2005 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205012814 | | | | | | |
| 705 | Đặng Hoàng Phúc | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đặng Chí Thanh, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trịnh Hằng Ni, 1984, Làm ruộng | |
| | 9/6/2004 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204017720 | | | | | | |
| 706 | Danh Lợi | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Danh Cảnh, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Bình, 1980, Làm ruộng | |
| | 7/1/2004 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091204005043 | | | | | | |
| 707 | Lê Trung Nghĩa | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Hà, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Chúc, 1984, Làm ruộng | |
| | 12/10/2005 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205016313 | | | | | | |
| 708 | Huỳnh Trọng Lộc | Làm thuê | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Giang, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Bảo, 1984, Làm ruộng | |
| | 10/20/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207008518 | | | | | | |
| 709 | Nguyễn Văn Phúc | Làm ruộng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Tài, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Hạnh, 1989 , Làm ruộng | |
| | 11/28/2007 | Không | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207009485 | | | | | | |
| 710 | Nguyễn Văn Mạnh | Làm thuê | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Chơn, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Cẩm Loan, 1985, Làm ruộng | |
| | 07/7/2008 | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208002759 | | | | | | |
| 711 | Nguyễn Văn Đảm | Làm thuê | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Nguyễn Văn Dưỡng, 1984, Làm ruộng | Bỏ địa phương |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Mạch Thị Phương Thúy, 1982, Làm ruộng | |
| | 7/29/2003 | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091203016902 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 712 | Nguyễn Phi Thường | Làm thuê | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Thanh Hùng, 1969, Làm ruộng | Bỏ địa phương |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hồng Nhẹ, 1983, Làm ruộng | |
| | 7/27/2003 | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 96203005044 | | | | | | |
| 713 | Nguyễn Thái Toàn | Làm thuê | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Sơn, 1973, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | Lao động Nhật Bản | ấp Minh Dũng A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thu Vân, 1977, Làm ruộng | |
| | 2/4/2004 | Không | Lao động Nhật Bản | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204001958 | | | | | | |
| 714 | Lê Chí Nguyện | Làm ruộng | ấp Minh Dũng,U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Văn Sum, 1970, Làm ruộng | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Bệnh nhồi máu não |
| | Không | ấp Minh Dũng,U Minh Thượng | ấp Minh Dũng,U Minh Thượng | Nông dân | Đoàn | Ngô Thị Vân, 1972, Làm ruộng | |
| | 2/14/2004 | Không | ấp Minh Dũng,U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204000593 | | | | | | |
| 715 | Nguyễn Chí Khang | Làm thuê | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Chí Thanh, 1980, Làm ruộng | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Lao động duy nhất |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Kim Luyến, 1983, Làm ruộng | |
| | 3/5/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204000338 | | | | | | |
| 716 | Nguyễn Quốc Đạm | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Việt Dũng, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam CT- TCNH | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lê Thị Ấu, 1987, Làm ruộng | |
| | 3/10/2006 | Không | Trường ĐH Nam CT- TCNH | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91206008303 | | | | | | |
| 717 | Nguyễn Văn Định | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Dũng, 1971, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Tơ, 1981, Làm ruộng | |
| | 8/6/2006 | Không | Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206001189 | | | | | | |
| 718 | Trương Thanh Vỹ | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trương Văn Kiệt, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô- thiết kế đồ họa | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Võ Bé Liên, 1983, Làm ruộng | |
| | 30/6/2005 | Không | Trường ĐH Tây Đô- thiết kế đồ họa | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205001140 | | | | | | |
| 719 | Phan Văn Tình | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phan Văn Núi, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Miền Tây -KTXD | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn T Kim Phiên, 1983, Làm ruộng | |
| | 15/6/2005 | Không | Trường ĐH Miền Tây -KTXD | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205013398 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 720 | Phan Văn Nghĩa | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phan Văn Núi, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Miền Tây -KTXD | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn T Kim Phiến, 1983, Làm ruộng | |
| | 15/6/2005 | Không | Trường ĐH Miền Tây -KTXD | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205012267 | | | | | | |
| 721 | Trần Thanh Bình | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Hoàng Phú, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Linh, 1987, Làm ruộng | |
| | 7/2/2007 | Không | Trường ĐH Tây Đô | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207007769 | | | | | | |
| 722 | Ngô Quốc Dự | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Ngô Chúc Tình, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao đẳng du lịch Cần Thơ | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Nghi, 1985, Làm ruộng | |
| | 20/2/2007 | Không | Trường Cao đẳng du lịch Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207009992 | | | | | | |
| 723 | Lê Trí Trung | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Văn Miền, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Tây Đô | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Giang, 1983, Làm ruộng | |
| | 10/10/2007 | Không | Trường CĐ Tây Đô | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207014613 | | | | | | |
| 724 | Nguyễn Nhựt Phát | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Bửu, 1986, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | CĐ FPT Cần Thơ-CNKT Ô TÔ | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Thị Trinh, 1986, Làm ruộng | |
| | 22/07/2008 | Không | CĐ FPT Cần Thơ-CNKT Ô TÔ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208016219 | | | | | | |
| 725 | Huỳnh Quốc Thịnh | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Lê Tân, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐKG-CNKT Cơ khí | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phạm Thị Quyên, 1984, Làm ruộng | |
| | 23/12/2008 | Không | Trường CĐKG-CNKT Cơ khí | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208008877 | | | | | | |
| 726 | Trương Hòai Nhân | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trương Văn Kiệt, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | CĐ FPT CT- Công nghệ bán dẫn | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Võ Bé Liên, 1983, Làm ruộng | |
| | 5/9/2008 | Không | CĐ FPT CT- Công nghệ bán dẫn | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208003913 | | | | | | |
| 727 | Nguyễn Mạnh Tường | Học sinh | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Bá 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | TT GDNN&GDTX U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Học sinh | Không | Lê Thị Xuyên, 1975, Làm ruộng | |
| | 18/11/2008 | Không | TT GDNN&GDTX U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208018702 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 728 | Trần Việt Quang | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Trọng Dân, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ FPT Cần thơ | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Dương Thị Tú, 1982, Làm ruộng | |
| | 15/10/2005 | Không | Trường CĐ FPT Cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91205005880 | | | | | | |
| 729 | Nguyễn Công Hậu | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Hoàng Em, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tài Chính Maketing | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Ngô Thị Hiền, 1977, Làm ruộng | |
| | 1/7/2000 | Không | Trường ĐH Tài Chính Maketing | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091200008710 | | | | | | |
| 730 | Đặng Danh Hiệp | Sinh viên | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đặng Quốc Dũng, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh-QTDLich | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Danh Diệu Hiền, 1988, Làm ruộng | |
| | 4/10/2007 | Không | Trường ĐH Trà Vinh-QTDLich | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 096207006551 | | | | | | |
| 731 | Danh Hồng Xuân | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Danh Đô Ra, 1979, Làm ruộng | Không đủ tiêu chuẩn đạo đức, chính trị |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Lệ, 1983, Làm ruộng | |
| | 8/9/2004 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204006228 | | | | | | |
| 732 | Trần Quang Long | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Quốc Hùng, 1965, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Giao, 1973, Làm ruộng | |
| | 11/30/2006 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206009958 | | | | | | |
| 733 | Nguyễn Văn Dự | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Giang, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Kim Đồng, 1979,Làm ruộng | |
| | 10/12/2006 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001838 | | | | | | |
| 734 | Cao Hiếu Trọng | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Cao Văn Tâm, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đoàn Thị Thu Giang, 1986, Làm ruộng | |
| | 9/4/2006 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206007303 | | | | | | |
| 735 | Nguyễn Xuân Tường | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Quốc Hương, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đoàn Thị Loan, 1975, Làm ruộng | |
| | 8/17/2006 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206002847 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 736 | Nguyễn Văn Phúc | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thanh Phong, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bích Soàn, 1987, Làm ruộng | |
| | 3/4/2006 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206010638 | | | | | | |
| 737 | Nguyễn Văn Năng | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Đồng, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Loan, 1980, Làm ruộng | |
| | 1/3/2006 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206006893 | | | | | | |
| 738 | Huỳnh Minh Thuận | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Văn Bần, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Kim Khoa, 1974, Làm ruộng | |
| | 2/12/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002736 | | | | | | |
| 739 | Võ Tuấn Kiệt | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Tính, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Mộng Nghi, 1979, Làm ruộng | |
| | 9/17/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008718 | | | | | | |
| 740 | Nguyễn Văn Khang | Hớt tóc Minh Thuận | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Anh, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kim Liền, 1980, Làm ruộng | |
| | 3/24/2004 | | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204014098 | | | | | | |
| 741 | Nguyễn Văn Phú | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thanh Phong, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bích Xoàn, 1987, Làm ruộng | |
| | 2/14/2004 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204013720 | | | | | | |
| 742 | Nguyễn Khải Linh | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Liền, 1966, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trương Tuyết Hằng, 1966, Làm ruộng | |
| | 4/4/2002 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202006327 | | | | | | |
| 743 | Nguyễn Hoàng Linh | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Dễ, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Chia, 1980, Làm ruộng | |
| | 7/18/2002 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001102 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 744 | Nguyễn Hoàng Tiệp | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tỷ, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Nhẫn, 1983, Làm ruộng | |
| | 5/17/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203007113 | | | | | | |
| **745** | Nguyễn Hoàng Phi | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Hiền, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Hồng Việt, 1980, Làm ruộng | |
| | 7/10/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203000597 | | | | | | |
| 746 | Nguyễn Văn Cảnh | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Thanh Phú, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Đầm, 1981, Làm ruộng | |
| | 9/8/2002 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202008895 | | | | | | |
| **747** | Nguyễn Chí Bình | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Chí Công, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Tường Vi, 1975, Làm ruộng | |
| | 8/27/2001 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201006236 | | | | | | |
| 748 | Võ Trần Trí | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Võ Văn Ngoan, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Mỹ Xuyên, 1982, Làm ruộng | |
| | 5/11/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002459 | | | | | | |
| **749** | Sơn Thanh Trong | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Sơn Trung, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Kim Thúy, 1978, Làm ruộng | |
| | 2/20/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091203205086 | | | | | | |
| 750 | Huỳnh Minh Thuận | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Minh Thu, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Út, 1976, Làm ruộng | |
| | 10/29/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203363669 | | | | | | |
| **751** | Nguyễn Duy Nhựt | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Văn, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Kiều, 1983, Làm ruộng | |
| | 11/19/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203010423 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 752 | Đoàn Văn Tín | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đoàn Văn Đậu, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mẫu, 1974, Làm ruộng | |
| | 3/12/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203003008 | | | | | | |
| 753 | Trần Văn Hà | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Minh, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Út, 1981, Làm ruộng | |
| | 4/17/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203010063 | | | | | | |
| 754 | Nguyễn Hữu Lâm | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Lỳ, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Phương Loan, 1979, Làm ruộng | |
| | 3/12/2002 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202015590 | | | | | | |
| 755 | Nguyễn Đắc Dư | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Hoàng Oanh, 1961, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Thị Nhiều, 1964, Làm ruộng | |
| | 3/15/2001 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201006485 | | | | | | |
| 756 | Nguyễn Văn Xuyên | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Đồng, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Loan, 1980, Làm ruộng | |
| | 3/7/2001 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201000496 | | | | | | |
| 757 | Nguyễn Văn Hiền | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Rể, 1966, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Cao Thị Phương, 1968, Làm ruộng | |
| | 10/24/2001 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201006733 | | | | | | |
| 758 | Nguyễn Hoàng Nam | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Trường Giang, 1963 chết | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Dung, 1974, Làm ruộng | |
| | 5/25/2001 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91001006999 | | | | | | |
| 759 | Nguyễn Văn Của | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Khuôn, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn thanh Vọng, 1973, làm ruộng | |
| | 6/6/2002 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001198 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 760 | Danh Ngà | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Danh Kích, 1954, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Hiếu, 1956, Làm ruộng | |
| | 11/18/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091203016579 | | | | | | |
| **761** | Nguyễn Văn Hòa | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Thời, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Oanh, 1968, Làm ruộng | |
| | 8/30/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203005548 | | | | | | |
| 762 | Dương Minh Đương | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Dương Văn Sĩ, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Út, 1971, Làm ruộng | |
| | 8/6/2002 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96202009315 | | | | | | |
| **763** | Sơn Lâm Hùng | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Sơn Nhung, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Loan, 1967, Làm ruộng | |
| | 9/19/2005 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205005906 | | | | | | |
| 764 | Sơn Thanh Đợi | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Sơn Trung, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Kim Thúy, 1981, Làm ruộng | |
| | 5/19/2005 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205013962 | | | | | | |
| **765** | Nguyễn Hoàng Khang | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Xuyên, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thanh Thúy, 1981, Làm ruộng | |
| | 12/27/2005 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205001906 | | | | | | |
| **766** | Phạm Văn Thọ | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Ở, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Dễ, 1982, Làm ruộng | |
| | 1/25/2006 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96206001764 | | | | | | |
| 767 | Đặng Nhân Tín | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đặng Thanh Đoàn, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Thùy Linh, 1979, Làm ruộng | |
| | 5/4/2004 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96204008341 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 768 | Đỗ Đặng Bữu Văn Đại | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đỗ Văn Huyện, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Thanh Thoảng, 1980, Làm ruộng | |
| | 7/13/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 92203010778 | | | | | | |
| 769 | Đỗ Đặng Huy Hoàng | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đỗ Văn Huyện, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng T.Thanh Thoảng, 1979, Làm ruộng | |
| | 8/31/2005 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 92205011521 | | | | | | |
| 770 | Nguyễn Hoàng Nghiệm | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Dể, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Chia, 1981, Làm ruộng | |
| | 7/5/2005 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205003876 | | | | | | |
| 771 | Nguyễn Trung Hiếu | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Lương, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Bé Nị, 1983, Làm ruộng | |
| | 6/12/2005 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205014508 | | | | | | |
| 772 | Nguyễn Vũ Luân | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Sơn, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhờ, 1980, Làm ruộng | |
| | 9/4/2005 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205015402 | | | | | | |
| 773 | Trần Văn Dư | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Tặng, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Cương, 1980, Làm ruộng | |
| | 8/29/2005 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205008794 | | | | | | |
| 774 | Nguyễn Văn Nguyên | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Điều, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Loan, 1977, Làm ruộng | |
| | 12/22/2003 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008258 | | | | | | |
| 775 | Lê Mạnh Kha | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Thanh Đoàn, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Phiến, 1985, Làm ruộng | |
| | 8/19/2007 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207011273 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 776 | Lê Quốc Toàn | Làm thuê | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Lê Hoàng Tuấn, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thái Thị Huệ, 1975, Làm ruộng | |
| | 5/30/2007 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207010653 | | | | | | |
| 777 | Nguyễn Hoàng Nhớ | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Hận, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Hồ Hoàng Nguyên, 1985, Làm ruộng | |
| | 8/1/2007 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207017512 | | | | | | |
| 778 | Nguyễn Nhựt Linh | Làm thuê | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Minh Toàn, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phao, 1978, Làm ruộng | |
| | 12/9/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | | Không | |
| | 091206000870 | | | | | | |
| 779 | Phạm Chúc Khang | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Dũng,1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Thị Bạch Tuyết, 1985, Làm ruộng | |
| | 13/04/2008 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208001296 | | | | | | |
| 780 | Phạm Văn Sịn | Làm thuê | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Phạm Văn Khai, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Đèo, 1981, Làm ruộng | |
| | 9/11/2008 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208015715 | | | | | | |
| 781 | Nguyễn Minh Thắm | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Minh Tính, 1987, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Trúc Ngân, 1992, Làm ruộng | |
| | 29/07/2008 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208011293 | | | | | | |
| 782 | Huỳnh Thanh Nghĩa | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Huỳnh Thanh Tuấn, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Sơn Thị Nga, 1987, Làm ruộng | |
| | 16/10/2008 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208006257 | | | | | | |
| 783 | Trần Nguyễn Tấn Phát | Làm thuê | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Minh, 1960, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Xuân, 1968, Làm ruộng | |
| | 24/04/2008 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208007126 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 784 | Nguyễn Nhất Thiên | Làm thuê | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Thừa,1988, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Búp Bế, 1989, Làm ruộng | |
| | 15/11/2008 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | không | |
| | 091208010735 | | | | | | |
| 785 | Nguyễn Hoài Nên | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Phong, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Huê, 1986, Làm ruộng | |
| | 19/7/2008 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208004768 | | | | | | |
| 786 | Nguyễn Hoàng Anh | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Hoàng Nhanh, 1985, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lam, 1987, Làm ruộng | |
| | 3/20/2005 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205012904 | | | | | | |
| 787 | Nguyễn Vũ Duy | Làm ruộng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Tựu, 1976, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ly, 1977, Làm ruộng | |
| | 28/06/2008 | Không | ấp Minh Dũng, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208005096 | | | | | | |
| 788 | Nguyễn Hữu Luân | Làm thuê | ấp Minh Dũng,U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Nguyễn Văn Xuân, 1977, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Hàn Quốc | ấp Minh Dũng,U Minh Thượng | Nông dân | Không | Không | |
| | 2/20/2003 | Không | Hàn Quốc | Kinh, Không | Đoàn | | |
| | 091203007311 | | | | | | |
| 789 | Nguyễn Văn Thuận | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Nguyễn Văn Minh, 1968, Làm ruộng | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Có 01 trái thận |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Trần Thị Màu, 1978, Làm ruộng | |
| | 11/10/2002 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Phạm Thị Yến Nhi 2005, Làm ruộng | |
| | 091202001201 | | | | | | |
| 790 | Mai Đinh Thế Anh | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Mai Xuân Thịnh, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kinh tế TP.HCM | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đinh Thị Thu, 1983, Làm ruộng | |
| | 3/7/2007 | Không | Trường ĐH Kinh tế TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207008166 | | | | | | |
| 791 | Trần Gia Lộc | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Việt, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao Đẳng Kiên giang | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Cẩm Tú, 1984, Làm ruộng | |
| | 17/1/2008 | Không | Cao Đẳng Kiên giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208006722 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 792 | Hồ Thanh Tùng | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Hồ Thanh Xuân, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần thơ | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Út, 1977, Làm ruộng | |
| | 1/4/2006 | Không | Trường ĐH Nam Cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206007647 | | | | | | |
| 793 | Lê Hạnh Kiểm | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Hữu Hạnh, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam CT | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lê Thị Phượng, 1983, Làm ruộng | |
| | 26/1/2006 | Không | Trường ĐH Nam CT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206001188 | | | | | | |
| 794 | Nguyễn Hoài Linh | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Hoàng Anh, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học KTCN CThơ | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phan Thị Tiến, 1981, Làm ruộng | |
| | 11/4/2006 | Không | Trường Đại học KTCN CThơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206013882 | | | | | | |
| 795 | Nguyễn Việt Bách | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thành Đô, 1975, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam CT | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn T. Thân Thương, 1980, Giáo viên | |
| | 4/11/2005 | Không | Trường ĐH Nam CT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205000345 | | | | | | |
| 796 | Nguyễn Quyền Sử | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Sỉ, 1964, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học KTCN CThơ | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trương Thanh Truyền, 1966, Làm ruộng | |
| | 26/7/2005 | Không | Trường Đại học KTCN CThơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205007575 | | | | | | |
| 797 | Đồng Hoài Thương | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đồng Thanh Toàn, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Danh Thị Thi, 1980, Làm ruộng | |
| | 30/6/2005 | Không | Trường ĐH Tây Đô | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205001783 | | | | | | |
| 798 | Vũ Sĩ Anh Tuấn | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Vũ Sỹ Luân, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam CT | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Thảo, 1979, Làm ruộng | |
| | 25/6/2005 | Không | Trường ĐH Nam CT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 033205012606 | | | | | | |
| 799 | Nguyễn Mạnh Khoa | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Dớn, 1966, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường đại học Trà vinh | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lưu Thị Cúc, 1968, Làm ruộng | |
| | 26/6/2005 | Không | Trường đại học Trà vinh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205009812 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 800 | Nguyễn Quốc Khởi | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Lành, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ KG | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Huỳnh Thị Hà, 1980, Làm ruộng | |
| | 12/2/2007 | Không | Trường CĐ KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207011034 | | | | | | |
| 801 | Lâm Chí Bảo | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lâm Chí Bửu, 1978 , Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Ánh Đào, 1982, Làm ruộng | |
| | 20/7/2005 | Không | Trường ĐH Trà Vinh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205004894 | | | | | | |
| 802 | Nguyễn Minh Nguyễn | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Út, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐHXD Miền Tây | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Yến Trân, 1978, Làm ruộng | |
| | 6/3/2006 | Không | Trường ĐHXD Miền Tây | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206001199 | | | | | | |
| 803 | Nguyễn Lâm Khang | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Hộp, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Võ Trường Toản | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đỗ Thị Loan, 1976, Làm ruộng | |
| | 1/7/2004 | Không | Trường ĐH Võ Trường Toản | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204001846 | | | | | | |
| 804 | Nguyễn Quốc Huy | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Quốc Hiện, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Cần Thơ | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Ngô Thị Bích, 1981, Làm ruộng | |
| | 14/09/2008 | Không | Đại học Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208017615 | | | | | | |
| 805 | Lâm Chấn Khang | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lâm Minh Phong , 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Cần Thơ | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lê Thị Nguyên, 1984, Làm ruộng | |
| | 091208001786 | Không | Đại học Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 15/04/2008 | | | | | | |
| 806 | Trần Tuấn Đạt | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Hùng Cường, 1986, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao Đẳng FPT Cần thơ | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phan Thị Kiều, 1984, Làm ruộng | |
| | 06/12/2008 | Không | Cao Đẳng FPT Cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208009048 | | | | | | |
| 807 | Văn Chí Bảo | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Văn Công Sơn, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | HV TTN Việt Nam TPHCM | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Phương Đài, 1980, Làm ruộng | |
| | 20/2/2007 | Không | HV TTN Việt Nam TPHCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 096207000961 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 808 | Lê Chấn Hưng | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Văn Chiến; 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Cần Thơ | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Đỗ Ngọc Liễu ; 1982, Làm ruộng | |
| | 10/2/2008 | Không | Đại học Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 096208001506 | | | | | | |
| 809 | Nguyễn Chí Thành | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thanh Phong, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Nam cần thơ | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Thu Hai, 1975, Làm ruộng | |
| | 3/3/2003 | Không | Đại học Nam cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091203000678 | | | | | | |
| 810 | Đồng Thanh Khả | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đồng Thanh Nhanh, 1976, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học An Giang | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Trúc Linh, 1981, Làm ruộng | |
| | 11/6/2008 | Không | Đại học An Giang | Kinh, Không | Đoàn | không | |
| | 091208013662 | | | | | | |
| 811 | Danh Phường | Sinh viên | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Danh Sol, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Dđại học Tây Đô | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Sinh viên | Đoàn | Trần Thị Lành, 1975, Làm ruộng | |
| | 5/8/2005 | Không | Dđại học Tây Đô | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205005321 | | | | | | |
| 812 | Đặng Hiếu Kha | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đặng Văn Tre; 1983, làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 anh tại ngũ |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Phạm Thị Biếc, 1985, làm ruộng | |
| | 11/7/2008 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | không | |
| | 091208010271 | | | | | | |
| 813 | Huỳnh Khánh Linh | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Triều; 1983 ,Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Đặng Thị Bé Oanh; 1987, Làm ruộng | |
| | 3/9/2008 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 0912080174747 | | | | | | |
| 814 | Nguyễn Vũ Hà | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Sơn, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Trương Thanh Trong, 1978, Làm ruộng | |
| | 11/6/2007 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207005903 | | | | | | |
| 815 | Dương Văn Khỏe | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Dương Văn Vui, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Nguyễn Thị Chiều, 1984, Làm ruộng | |
| | 2/18/2006 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206011973 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 816 | Phạm Văn Tú | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Phong, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Thị Hoàng, 1981, Làm ruộng | |
| | 8/18/2006 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206003780 | | | | | | |
| 817 | Lê Trường Sanh | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Cành, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Trương Thị Cẩm, 1980, Làm ruộng | |
| | 9/26/2006 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 0912050046790 | | | | | | |
| 818 | Phan Triệu Phú | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phan Thành Khuyên, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Thị Cẩm Loan, 1985, Làm ruộng | |
| | 1/29/2006 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206013495 | | | | | | |
| 819 | Nguyễn Hữu Quốc | Làm Thuê | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Bi, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Nguyễn Thị Thúy Oanh, 1983, Làm ruộng | |
| | 4/12/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204012101 | | | | | | |
| 820 | Đặng Hoài Phong | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đặng Văn Phương, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Võ Thị Hoa, 1973, Làm ruộng | |
| | 10/3/2002 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001107 | | | | | | |
| 821 | Trương Minh Thuận | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trương Minh Thiệt, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Nguyễn Thị Kiều Trang, 1978, Làm ruộng | |
| | 7/1/2002 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202009532 | | | | | | |
| 822 | Lê Văn Đăng | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Hải, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Đặng Thị Châu, 1978, Làm ruộng | |
| | 8/2/2002 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001366 | | | | | | |
| 823 | Bùi Hoài Nâng | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Bùi Văn Khởi, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Lương Xuân Thi, 1976, Làm ruộng | |
| | 2/10/2002 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202014771 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 824 | Đặng Văn Vằng | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đặng Văn Chol, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Nguyễn Thị Mỹ Thanh, 1977, Làm ruộng | |
| | 9/26/2002 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202006029 | | | | | | |
| 825 | Lưu Văn Diệp | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lưu Văn Danh, 1961, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Trần Cẩm Lan, 1966, làm ruộng | |
| | 2/8/2003 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203016358 | | | | | | |
| 826 | Đặng Văn Tính | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đặng Văn Tý, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Tô Thị Hồng Loan, 1986, Làm ruộng | |
| | 1/1/2003 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002780 | | | | | | |
| 827 | Bùi Thuận Thảo | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Bùi Văn Thôi, 1963, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Nguyễn Thị Hồng Vân, 1966, Làm ruộng | |
| | 2/7/2003 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 79203048872 | | | | | | |
| 828 | Phan Triệu Vĩ | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phan Thành Khuyên, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Thị Cẩm Lon, 1985, Làm ruộng | |
| | 11/29/2003 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008345 | | | | | | |
| 829 | Ngô Phong Vinh | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Ngô Minh Tấn, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Đào Thị Ly, 1974, Làm ruộng | |
| | 1/10/2002 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202008255 | | | | | | |
| 830 | Danh Chí Đượm | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Chí Thanh, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Thị Đươl, 1978, Làm ruộng | |
| | 10/6/2005 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205001836 | | | | | | |
| 831 | Trần Chí Hiếu | Làm thuê | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Ô Tùng, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Lý Diễm Phúc, 1981, Làm ruộng | |
| | 7/12/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202008344 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 832 | Trà Văn Đang Trường | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Trà Văn Mến, 1973, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Đoàn Kim Quyên, 1979, Làm ruộng | |
| | 8/18/2003 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203005159 | | | | | | |
| 833 | Trần Chí Thành | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Trần Văn Hiệp,1975, buôn bán | |
| | 23/12/2008 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Trần Cẩm Linh,1982, buôn bán | |
| | 096208001502 | | | | | | |
| 834 | Phan Thiện Tho | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phan Văn Trung, 1986, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Võ Thị Loan, 1983, Làm ruộng | |
| | 17/01/2008 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208017518 | | | | | | |
| 835 | | Làm ruộng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Văn Thành Trinh, 1973, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Văn Thành Phú | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Không | Ngô Thị Nguyên, 1972, Làm ruộng | |
| | 28/8/2002 | Không | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091202001103 | | | | | | |
| 836 | Đào Trọng Luân | Làm thuê | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đào Văn Khỏe, 1982, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | xuất khẩu lao động Malaixia | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Đại học | Nguyễn Thị Đào, 1981, Làm ruộng | |
| | 12/11/2004 | Không | xuất khẩu lao động Malaixia | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204000774 | | | | | | |
| 837 | Lê Thanh Cầm | Làm thuê | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Lê Thanh mộng, 1975, Làm ruộng | Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Kiên, U Minh Thượng | nông dân | Đoàn | Thị Lân, 1976, Làm ruộng | |
| | 7/10/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203014491 | | | | | | |
| 838 | Đặng Văn Thức | Làm thuê | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Đặng Văn Y, 1983, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Em tại nguũ |
| | Không | TP.HCM | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Phan Kim Manh, 1983(chết) | |
| | 1/11/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206001198 | | | | | | |
| 839 | Lê Hồng Thân | Làm ruộng | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Văn Rạng, 1936 (Ông nội),Làm ruộng | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Lao động duy nhất |
| | Không | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Phụ thuộc | ĐH CNKT Điện | Bùi Thị Liễu, 1945( Bà nội), Làm ruộng | |
| | 27/12/2001 | Không | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201252325 | | | | Không | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 840 | Lê Hoàng Thiện | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Trung Tính; 1982,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Võ Trường Toản Cần Thơ | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Liễu Biên; 1982, Làm ruộng | |
| | 3/13/2008 | Không | Trường Võ Trường Toản Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208017519 | | | | | | |
| 841 | Lâm Văn Khang | Học sinh | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lâm Văn Chơi; 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường THPT Minh Thuận | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Học sinh | Không | Trần Thị Nga; 1979, Làm ruộng | |
| | 12/25/2008 | Không | Trường THPT Minh Thuận | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208009366 | | | | | | |
| 842 | Phạm Minh Kha | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Khải; 1978,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học tài chính TP HCM | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Dương Thị Ngân; 1977, Làm ruộng | |
| | 01/0/2008 | Không | Đại học tài chính maketting TP HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208016561 | | | | | | |
| 843 | Nguyễn Gia Khiêm | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12 | Nguyễn Văn Huấn; 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao đẳng CNKT cơ khí KG | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thanh Triều; 1978, Làm ruộng | |
| | 11/24/2008 | Không | Cao đẳng CNKT cơ khí KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208015070 | | | | | | |
| 844 | Trần Quốc Tiến | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Quốc Khởi; 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học KT Vật Liệu cần thơ | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Tạ Thúy Ái; 1983, Làm ruộng | |
| | 4/6/2008 | Không | Đại học KT Vật Liệu cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208007749 | | | | | | |
| 845 | Trương Trí Khải | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trương Văn Đoàn; 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao Đẳng KTKT cần thơ | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trương Thị Thúy; 1984, Làm ruộng | |
| | 10/23/2008 | Không | Cao Đẳng KTKT cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208009927 | | | | | | |
| 846 | Nguyễn Hữu Chân | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Sự; 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐKG ngành cơ điện | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Kim Hoa; 1975, Làm ruộng | |
| | 10/2/2008 | Không | Trường CĐKG ngành cơ điện | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208002520 | | | | | | |
| 847 | Nguyễn Gia Vỹ | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Vũ ,1965, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Thủy, 1967, Làm ruộng | |
| | 26/7/2002 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091202015874 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 848 | Lê Bá Cường | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Minh Đoàn, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Kỹ thuật xây dựng kiên giang | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lý Thị Xiêm, 1982, Làm ruộng | |
| | 30/1/2008 | Không | ĐH Kỹ thuật xây dựng kiên giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91208013088 | | | | | | |
| 849 | Nguyễn Vĩnh Thuận | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Đấu, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH CN ô tô Cần Thơ | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Kim Ngân, 1984, Làm ruộng | |
| | 27/1/2008 | Không | Trường ĐH Công nghệ ô tô Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91208002439 | | | | | | |
| 850 | Nguyễn Nhật Tiến | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KTCN Cần Thơ | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Trúc 1982, Làm ruộng | |
| | 7/1/2007 | Không | Trường ĐH KTCN Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207017843 | | | | | | |
| 851 | Nguyễn Trọng Khắc | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thiết Đường,1968, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Y Dược trà vinh | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Hồ Mỹ Châu,1973, Làm ruộng | |
| | 17/5/2007 | Không | Trường ĐH Y Dược trà vinh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207013218 | | | | | | |
| 852 | Võ Chí Thiên | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Hoàng Phúc,1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đào Thị Diễm,1978, Làm ruộng | |
| | 19/5/2007 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207002131 | | | | | | |
| 853 | Nguyễn Trọng Phúc | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Giang, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đào Ngọc Chúc, 1989, Làm ruộng | |
| | 21/12/2007 | Không | Trường ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207015337 | | | | | | |
| 854 | Lê Chí Thiện | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lê Văn Tiếp, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Bé Nhỏ ,1983, Làm ruộng | |
| | 6/6/2006 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208001912 | | | | | | |
| 855 | Trần Hoài Bảo | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Út, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Võ Trường Toản | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lê Thị Quyên, 1982, Làm ruộng | |
| | 21/2/2006 | Không | Trường ĐH Võ Trường Toản | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91206001185 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 856 | Trần Quốc Đại | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Minh Khai 1987, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Trang 1986, Làm ruộng | |
| | 23/2/2006 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206014199 | | | | | | |
| 857 | Huỳnh Khả Đăng | Sinh viên | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12 | Huỳnh Vũ Kha; 1988,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường đại học CN TP HCM | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Tuyết Nhung; 1986, Làm ruộng | |
| | 20/07/2008 | Không | Trường đại học CN TP HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208017198 | | | | | | |
| 858 | Nguyễn Hữu Duy | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Thanh Điền, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đoàn Thị Nhu, 1977, Làm ruộng | |
| | 11/23/2006 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không, | Không | Không | |
| | '091206004560 | | | | | | |
| 859 | Đoàn Dĩ Khang | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 2/12 | Đoàn Trường Sơn, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Hồ Em, 1986, Làm ruộng | |
| | 11/17/2006 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không, | Không | Không | |
| | 091206014939 | | | | | | |
| 860 | Hà Văn Mực | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Hà Văn Dầu, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tú, 1975, Làm ruộng | |
| | 8/13/2005 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không, | Không | Không | |
| | 091205015157 | | | | | | |
| 861 | Lê Hữu Tình | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Hoàng Sol, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | mẹ chết | |
| | 2/12/2005 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không, | Không | Không | |
| | 091205016802 | | | | | | |
| 862 | Tô Út Còn | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Tô Thanh Hiền, 1966, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Xiếu, 1966 , Làm ruộng | |
| | 4/7/2005 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không, | Không | Không | |
| | 091204010534 | | | | | | |
| 863 | Nguyễn Văn Thái Nguyên | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Út, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Đào, 1978, Làm ruộng | |
| | 3/10/2004 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không, | Không | Không | |
| | 091204015231 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 864 | Phan Chí Hiếu | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phan Văn Bông, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Mỹ Nhiên, 1976, Làm ruộng | |
| | 4/1/2004 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204008803 | | | | | | |
| 865 | Diệp Thái Long | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Diệp Hoàng Châu, 1965, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bét, 1975, Làm ruộng | |
| | 12/19/2004 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204001817 | | | | | | |
| 866 | Nguyễn Minh Hiếu | Làm thuê | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Hoàng, 1962, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trương Thị Mai, 1974, Làm ruộng | |
| | 3/8/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202006381 | | | | | | |
| 867 | Lê Chí Khanh | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Thanh Út, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Đào, 1977, Làm ruộng | |
| | 15/06/2002 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 09100284632 | | | | | | |
| 868 | Lâm Chí Khanh | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lâm Hồng Thắm, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Ngân, 1978, Làm ruộng | |
| | 9/12/2003 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002559 | | | | | | |
| 869 | Sơn Ngọc Vàng | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Sơn Ngọc Phúp, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Phiến, 1973, Làm ruộng | |
| | 4/17/2001 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201004308 | | | | | | |
| 870 | Lê Minh Tài | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Lê Văn Bình(chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Bích, 1979, Làm ruộng | |
| | 4/19/2002 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202004272 | | | | | | |
| 871 | Lê Phước Thiện | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Thù, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phuyên, 1976, Làm ruộng | |
| | 7/1/2003 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203003007 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 872 | Lương Ngọc Sơn | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lương Ngọc Tùng, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Trinh, 1981, Làm ruộng | |
| | 7/1/2002 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202003086 | | | | | | |
| 873 | Nguyễn Hoàng Đệ | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 2/12 | Nguyễn Văn Chòn, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Mai Thị Lựu, 1974 , Làm ruộng | |
| | 11/19/2003 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203015144 | | | | | | |
| 874 | Nguyễn Hoàng Huynh | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 2/12 | Nguyễn Văn Chòn, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Mai Thị Lựu, 1974 , Làm ruộng | |
| | 11/19/2003 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203011051 | | | | | | |
| 875 | Nguyễn Văn Tuấn | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 1/12 | Nguyễn Văn Dực, 1958, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Diệu Hiền, 1963, Làm ruộng | |
| | 3/8/2002 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202012784 | | | | | | |
| 876 | Trần Chí Bình | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Đương, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Chơn, 1979, Làm ruộng | |
| | 3/21/2004 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204010534 | | | | | | |
| 877 | Huỳnh Minh Tiền | Làm thuê | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Văn Ngoan, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Thắm, 1978, Làm ruộng | |
| | 9/11/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204016194 | | | | | | |
| 878 | Lê Chí Bảo | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Thanh Út, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Đào (chết) | |
| | 12/13/2007 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207006779 | | | | | | |
| 879 | Nguyễn Minh Trạng | Làm thuê | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Bình(chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Đào, 1979 , Làm ruộng | |
| | 7/1/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202005205 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh<br>Họ, chử đệm và tên thường dùng<br>Ngày tháng năm sinh<br>Số căn cước hoặc CCCD | Nghề nghiệp<br>Nơi làm việc<br>Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi thường trú của gia đình, bản thân.<br>Nơi ở hiện nay của bản thân.<br>Nơi làm việc (nếu có) | Thành phần gia đình<br>Thành phần bản thân<br>Dân tộc,Tôn giáo | Trình độ văn hóa,CMKT<br>Ngoại ngữ<br>Đảng Đoàn | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 880 | Nguyễn Thái Duy | Làm ruộng | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Bình(chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Đào, 1979 , Làm ruộng | |
| | 10/2/2008 | Không | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208014415 | | | | | | |
| 881 | Hồ Thanh Thái | Làm ruộng | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Hồ Văn Ken; 1987, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Ngọc Hân; 1990, Làm ruộng | |
| | 02/4/2008 | Không | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208007995 | | | | | | |
| 882 | Lâm Chí Khương | Làm ruộng | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lâm Văn Tưởng; 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Nhanh; 1983, Làm ruộng | |
| | 2/3/2008 | Không | ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208015606 | | | | | | |
| 883 | Thạch Văn Tý | Làm ruộng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Thạch Văn Từng, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Hạnh, 1986, Làm ruộng | |
| | 8/18/2007 | Không | Ấp Chống Mỹ, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207011020 | | | | | | |
| 884 | Nguyễn Trọng Hiếu | Giám sát công trình | ấp Minh Cường,U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Như, 1976, Làm ruộng | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Hư một mắt trái |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường,U Minh Thượng | Nông dân | ĐHXD | Nguyễn Thị Như, 1975, Làm ruộng | |
| | 2/11/2001 | Không | ấp Minh Cường,U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091201001195 | | | | | | |
| 885 | Huỳnh Ngọc Hảo | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Ngọc Thiết, 01/01/1978, làm ruộng | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Lao động duy nhất |
| | Không | TPHCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Sinh viên | ĐHNTTS | Lê Thị Kim Thao, 01/01/1977, làm ruộng | |
| | 4/1/2000 | Không | TPHCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091200003645 | | | | Đoàn | | |
| 886 | Danh Đạt | Sinh viên | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung Nông | 12/12 | Danh Huyền, 1963, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Y tế cần thơ | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Thị Cươl, 1971 Làm ruộng | |
| | 24/10/2008 | Không | Trường CĐ Y tế cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091063008253 | | | | | | |
| 887 | Nguyễn Hữu Nghị | Sinh viên | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Nhạn, 1977 Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Hùng Vương TP HCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Danh Thị Bạch Tuyết, 1984 Làm ruộng | |
| | 24/06/2007 | Không | Đại học Hùng Vương TP HCM | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207007298 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 888 | Đào Duy Linh | Sinh viên | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đào Hòa Hiệp, 1979 Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Xây dựng KG | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Bé Năm, 1979 Làm ruộng | |
| | 31/01/2006 | Không | Trường ĐH Xây dựng KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206014418 | | | | | | |
| 889 | Võ Đông Hảo | Sinh viên | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Khánh Mân, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Y Dược CT | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phạm Hồng Sa, 1985, Làm ruộng | |
| | 12/10/2005 | Không | Trường ĐH Y Dược CT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205007518 | | | | | | |
| 890 | Trần Gia Huy | Sinh viên | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Hận, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Gấm, 1984, Làm ruộng | |
| | 16/09/2006 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091200614604 | | | | | | |
| 891 | Nguyễn Văn Huỳnh | Sinh viên | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Bé Tư, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam CT | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trương Chính Em, 1972, Làm ruộng | |
| | 5/06/2006 | Không | Trường ĐH Nam CT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 08626003744 | | | | | | |
| 892 | Võ Anh Nhật Huy | Sinh viên | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Anh Lai, 1974, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học giao thông VT TP HCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Kim Kiên, 19/11/1978, Giáo viên | |
| | 24/03/2008 | Không | Đại học giao thông VT TP HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208003677 | | | | | | |
| 893 | Lâm Hữu Luân | Sinh viên | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lâm Minh Vũ 1980 Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH QTKD cần thơ | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Nguyên 1983 Làm ruộng | |
| | 15/10/2008 | Không | Trường ĐH QTKD cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208015986 | | | | | | |
| 894 | Nguyễn Vĩ Khang | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Ngân, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Thu Gấm, 1984, Làm ruộng | |
| | 16/01/2008 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208009258 | | | | | | |
| 895 | Tăng Sáng | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 1/12 | Tăng Chưa, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Xà Que, 1982, Làm ruộng | |
| | 28/02/2006 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091206007385 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 896 | Nguyễn Chí Dũng | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Chín, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ngân, 1984, Làm ruộng | |
| | 26/11/2006 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206007760 | | | | | | |
| 897 | Nguyễn Quốc Khánh | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Minh Tuấn, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Sơn Em, 1989, Làm ruộng | |
| | 10/01/2006 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206003860 | | | | | | |
| 898 | Huỳnh Chí Thiện | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Thực, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Thu, 1981, Làm ruộng | |
| | 15/03/2001 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201014183 | | | | | | |
| 899 | Trương Đoàn Dự | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trương Văn Điểm, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Liễu, 1981, Làm ruộng | |
| | 21/12/2001 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201002448 | | | | | | |
| 900 | Trần Lương Tuấn | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Dùng, 1970 (Chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Dân, 1970, Làm ruộng | |
| | 21/03/2003 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203003919 | | | | | | |
| 901 | Nguyễn Hoàng Xuyên | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Hơn, 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Thủy, 1973, Làm ruộng | |
| | 24/06/2005 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205263668 | | | | | | |
| 902 | Danh Mến | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 1/12 | Danh Giữ, 1963, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thủy, 1962, Làm ruộng | |
| | 31/12/2005 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 0912005009744 | | | | | | |
| 903 | Dương Khắc Tiệp | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Dương Văn Đại, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Ngô Thị Liêm, 1976, Làm ruộng | |
| | 14/07/2001 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201001599 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 904 | Lê Minh Cảnh | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Dễ, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Hồng Thị Xương, 1978, Làm ruộng | |
| | 27/11/2003 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203005603 | | | | | | |
| 905 | Sơn Hoàng Thương | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Sơn Nghĩa, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị É, 1969, Làm ruộng | |
| | 25/08/2005 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205006165 | | | | | | |
| 906 | Nguyễn Hoàng Kiệm | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Cần, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TH.HCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Chi, 1988, Làm ruộng | |
| | 24/08/2006 | Không | TH.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 09120604001 | | | | | | |
| 907 | Sơn Ngọc Thành | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung Nông | 5/12 | Danh Ngọc Rây, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Châu Thị Tuyết, 1976, Làm ruộng | |
| | 1/01/2008 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208015424 | | | | | | |
| 908 | Võ Thanh Quý | Làm thuê địa phương | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Võ Thanh Tùng 1977 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hiền 1979 Làm ruộng | |
| | 23/03/2008 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208017628 | | | | | | |
| 909 | Hồ Văn Đến | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Hồ Văn Lợi; 1979; Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Mỹ Hiên; 1982; Làm ruộng | |
| | 14/02/2006 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206014117 | | | | | | |
| 910 | Bùi Trường Phong | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Bùi Văn Nuôi, 1980 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Liên, 1981 Làm ruộng | |
| | 2/3/2004 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204004322 | | | | | | |
| 911 | Võ Quốc Trạng | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Võ Hoàng Hận, 1979 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Rạch Giá | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhẫn, 1980 Làm ruộng | |
| | 8/3/2002 | Không | Rạch Giá | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202006381 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 912 | Lê Minh Kha | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Khải, 1971 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bột, 1979 Làm ruộng | |
| | 19/05/2001 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201005833 | | | | | | |
| 913 | Lâm Ngọc Vẹn | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lâm Ngọc Hường, 1974 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP HCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Oanh, 1966 Làm ruộng | |
| | 1/5/2002 | Không | TP HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205015157 | | | | | | |
| 914 | Nguyễn Trí Thảo | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Dủ, 1966 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hạnh, 1971 Làm ruộng | |
| | 1/1/2003 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203016842 | | | | | | |
| 915 | Đỗ Văn Luân | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Đỗ Văn Vện, 1975 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP HCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ngà, 1976 Làm ruộng | |
| | 12/5/2001 | Không | TP HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201011126 | | | | | | |
| 916 | Danh Hoàng Nho | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Danh Hòa, 1975 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP HCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Oanh, 1967 Làm ruộng | |
| | 1/7/2001 | Không | TP HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201006345 | | | | | | |
| 917 | Nguyễn Chí Thảo | Làm ruộng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Dủ, 1966 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hạnh, 1971 Làm ruộng | |
| | 10/1/2003 | Không | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203016842 | | | | | | |
| 918 | Danh Tân | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Chiến, 1972 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP HCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Út, 1984 Làm ruộng | |
| | 2/1/2004 | Không | TP HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91204005769 | | | | | | |
| 919 | Phạm Nhật Ân | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Đức 1981 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Bình Dương | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Danh Thị Hon 1980 Làm ruộng | |
| | 19/09/2008 | Không | Bình Dương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208014242 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 920 | Danh Tấn Giang | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Thị Thắm 1976 Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Vũng Tàu | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Văn Hồng 1963 Làm ruộng | |
| | 12/8/2008 | Không | Vũng Tàu | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208006583 | | | | | | |
| 921 | Nguyễn Vĩ Khang | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung Nông | 5/12 | Nguyễn Văn Hồng, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP. HCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Cẩm Loan, 1982, Làm ruộng | |
| | 10/01/2008 | Không | TP. HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208009258 | | | | | | |
| 922 | Danh Hoàng Nghĩa | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Chơn 1986 Làm thuê Sài gòn | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TPHCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Tuyết 1985 | |
| | 18/11/2008 | Không | TPHCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208008858 | | | | | | |
| 923 | Bùi Hoàng Anh | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Bùi Văn Sơn, 1977 Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP HCM | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Hồng Em, 1979 Làm ruộng | |
| | 1/6/2003 | Không | TP HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091203007948 | | | | | | |
| 924 | Trịnh Quang Sáng | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Trịnh Minh Cảnh, 1988 Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Bình dương | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Pháp, 1986 Làm ruộng | |
| | 17/06/2007 | Không | Bình dương | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207016525 | | | | | | |
| 925 | Nguyễn Minh Hiển | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Bé 1984 Làm thuê Phú Quốc | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Phú Quốc | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Tú Nguyên 1989 | |
| | 1/10/2008 | Không | Phú Quốc | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208009232 | | | | | | |
| 926 | Phan Hoàng Hạo | Làm thuê | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Phan Hoàng Tiệp, 1983 Buôn bán | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Bình dương | ấp Minh Cường, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trang Thị Chi, 1983 Buôn bán | |
| | 15/07/2007 | Không | Bình dương | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91207012213 | | | | | | |
| 927 | Danh Thái Tài | Làm thuê | ấp Minh Cường,U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Danh Huyền, 1963, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | Campuchia | ấp Minh Cường,U Minh Thượng | Nông dân | ĐH TSL | Thị Cươl, 1971, Làm ruộng | |
| | 1/07/2000 | Không | Campuchia | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091200256368 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 928 | Mai Duy Khang | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Mai Xuân Tài, 1959, Làm ruộng | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Lao động duy nhất |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Sinh viên | CĐKT Điện | Phan Thị Mận, 1960, Làm ruộng | |
| | 12/4/2000 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91200011512 | | | | Đoàn | | |
| 929 | Trương Minh Trí | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 08/12 | Trương Văn Mới, 1965, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 em tại ngũ |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Dung, 1966, Làm ruộng | |
| | 4/18/2001 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201006739 | | | | | | |
| 930 | Nguyễn Quốc Kiệt | Sinh viên | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Phận, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn T. Hồng Châu, 1978, Làm ruộng | |
| | 3/10/2006 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206004361 | | | | | | |
| 931 | Trương Vũ Minh Hiếu | Sinh viên | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trương Văn Giang, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Sài Gòn | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Vũ Thị Huế, 1979, Làm ruộng | |
| | 6/6/2006 | Không | Trường ĐH Sài Gòn | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206006390 | | | | | | |
| 932 | Võ Xuân Tỹ | Sinh viên | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Kha Ly, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trịnh Thị Mãnh, 1981, Làm ruộng | |
| | 9/7/2006 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206005945 | | | | | | |
| 933 | Nguyễn Ngư Nhựt | Sinh viên | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Hồng Sáng, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH TPHCM | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Đồng, 1984, Làm ruộng | |
| | 21/7/2006 | Không | Trường ĐH TPHCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206000641 | | | | | | |
| 934 | Trương Văn Lực | Sinh viên | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trương Văn Diến, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Ngân hàng TP | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Danh Thị Thanh, 1981, Làm ruộng | |
| | 2/4/2005 | Không | Trường ĐH Ngân hàng TP | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205001718 | | | | | | |
| 935 | Võ Sỹ Luân | Sinh viên | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Thành Nguyên, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH tây Đô | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Bích, 1984, Làm ruộng | |
| | 25/9/2005 | Không | Trường ĐH tây Đô | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205011678 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 936 | Trần Hồng Danh | Sinh viên | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Thanh Vang, 1981, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phan Thị Hồng Tươi, 1982, Giáo viên | |
| | 24/1/2007 | Không | Trường ĐH Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207004932 | | | | | | |
| 937 | Võ Quốc Trọng | Sinh viên | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Quốc Thơ, 1976 Sữa máy | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Kiên giang- CNTT | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Ngọc Tiên, 1984, Làm ruộng | |
| | 22/11/2007 | Không | Đại học Kiên giang- CNTT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207007511 | | | | | | |
| 938 | Nguyễn Tấn Đức | Sinh viên | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Cha chết | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH KG -Ngành công nghệ ô tô | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Nga, 1986 Buôn Bán | |
| | 11/9/2007 | Không | ĐH KG -Ngành công nghệ ô tô | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207017823 | | | | | | |
| 939 | Ngô Chí Nguyện | Sinh viên | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Ngô Văn Kiệt, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH CNKT TPHCM | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Ngô Thị Tươi, 1980, Làm ruộng | |
| | 15/6/2006 | Không | Trường ĐH CNKT TPHCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206009222 | | | | | | |
| 940 | Đàm Bảo Duy | Sinh viên | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đàm Văn Dương, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Bùi Bích Tuyền, 1982, Làm ruộng | |
| | 16/10/2005 | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205008411 | | | | | | |
| 941 | Nguyễn Ngọc Nhí | Sinh viên | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Ngoan, 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phan Thị Ngoan, 1976, Làm ruộng | |
| | 19/4/2005 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91205000364 | | | | | | |
| 942 | Trần Gia Phú | Sinh Viên | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Tranh, 1968, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Cần thơ | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Đại học | Trần Thị Bạch Tuyết, 1971, Làm ruộng | |
| | 26/1/2004 | Không | Đại học Cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204010420 | | | | | | |
| 943 | Huỳnh Lên | Sinh viên | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Quốc Nam, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiến trúc TPHCM | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Mạch Thị Kiều, 1985, Làm ruộng | |
| | 4/10/2005 | Không | Trường ĐH Kiến trúc TPHCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205002357 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 944 | Nguyễn Trí Dũng | Sinh viên | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Thuận, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam CT | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Lượm, 1970, Làm ruộng | |
| | 13/4/2005 | Không | Trường ĐH Nam CT | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205013998 | | | | | | |
| 945 | Nguyễn Chánh Tính | Sinh viên | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thanh Tùng, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh long | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Bùi Thị Cẩm Tú, 1980, Làm ruộng | |
| | 16/12/2007 | Không | đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207003596 | | | | | | |
| 946 | Bùi Công Chức | Sinh viên | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Bùi Quốc Thống, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đặng Thị Oanh, 1979, Làm ruộng | |
| | 13/9/2005 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205012729 | | | | | | |
| 947 | Nguyễn Trung Tính | Sinh Viên | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thanh Tùng, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học KTCN Cần thơ | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Cao đẳng KTĐT | Bùi Thị Cẩm Tú, 1980, Làm ruộng | |
| | 15/12/2002 | Không | Đại học KTCN Cần thơ | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202006538 | | | | Đoàn | | |
| 948 | Danh Minh Khôi | Sinh Viên | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Danh Thường, 1969, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học CN TP.HCM | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thu Tâm, 1973, Làm ruộng | |
| | 15/1/2004 | Không | Đại học CN TP.HCM | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204006902 | | | | | | |
| 949 | Danh Quang Lầu | Sinh viên | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung Nông | 12/12 | Danh Út, 1963, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học kiên giang | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Sinh viên | Đại học | Thị Điệp, 1962, Làm ruộng | |
| | 10/6/2003 | Không | Đại học kiên giang | Khmer | Đoàn | Võ Thị Duyên, 2008, Nội trợ | |
| | 091203008502 | | | | | | |
| 950 | Võ Trung Hiếu | Sinh viên | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Trung Nguyên; 1986, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao đẳng nghề Kiên giang | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Liên; 1988, Làm ruộng | |
| | 2/20/2008 | Không | Cao đẳng nghề Kiên giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91208003141 | | | | | | |
| 951 | Võ Hữu Nhân | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Võ Văn Hậu, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đồng Thị Dược, 1980, Làm ruộng | |
| | 3/2/2006 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206013142 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 952 | Nguyễn Hữu Duy | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Cha chết | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Sen, 1979, Làm ruộng | |
| | 11/23/2006 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206004457 | | | | | | |
| **953** | Phạm Văn Đầy | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Thắng, 1958, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trịnh Thị Ngọc, 1973, Làm ruộng | |
| | 5/8/2002 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202012788 | | | | | | |
| 954 | Đỗ Văn Hộp | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Đỗ Văn Kết, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Hồ Thị Mộng Tuyền, 1983, Làm ruộng | |
| | 8/8/2003 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203013566 | | | | | | |
| **955** | Lê Hoàng Nghiêm | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Minh Trường, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lài, 1980, Làm ruộng | |
| | 4/16/2001 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201012344 | | | | | | |
| 956 | Ngô Văn Sĩ | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Ngô Văn Sang, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Loan, 1977, Làm ruộng | |
| | 6/26/2001 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201006094 | | | | | | |
| **957** | Trương Ngọc Lành | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trương Văn Nhân, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tô Hồng Em, 1971, Làm ruộng | |
| | 1/1/2004 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204007138 | | | | | | |
| 958 | Nguyễn Khánh Duy | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Mến, 1976, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tạ Thị Thơi, 1976, Làm ruộng | |
| | 4/7/2002 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202525681 | | | | | | |
| **959** | Nguyễn Văn Thiện | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Thảo, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhớ, 1981, Làm ruộng | |
| | 4/27/2003 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203004121 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 960 | Huỳnh Hữu Nghị | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Thanh Tuấn, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Chung Thị Ngọc Ấn, 1986, Làm ruộng | |
| | 5/22/2005 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205015326 | | | | | | |
| **961** | Lương Phước Đạt | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lương Phước Kết, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Đậm, 1979, Làm ruộng | |
| | 7/9/2004 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204005790 | | | | | | |
| 962 | Sơn Chành Tha | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Sơn Nhỏ, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Tâm, 1975, Làm ruộng | |
| | 8/9/2005 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205007924 | | | | | | |
| **963** | Nguyễn Phú Thịnh | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Huân Luyện, 1971(chã dượng)Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhi, 1971, Làm ruộng | |
| | 6/27/2005 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205011364 | | | | | | |
| 964 | Trần Trọng Nghĩa | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Quốc Khởi, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tiến, 1985, Làm ruộng | |
| | 9/28/2005 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205010648 | | | | | | |
| **965** | Hồ Hiền Đệ | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Hồ Văn Như, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trịnh Thị Tuyết, 1973, Làm ruộng | |
| | 9/20/2004 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204017256 | | | | | | |
| 966 | Sơn Văn Quy | Làm thuê | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Sơn Ba Em, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Hồng Nhi, 1984, Làm ruộng | |
| | 6/11/2005 | Không | TP.HCM | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205003553 | | | | | | |
| **967** | Tạ Văn Hải | Làm thuê | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Tạ Văn Là, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Tạ Thị Ngoan, 1982, làm ruộng | |
| | 11/14/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205002528 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 968 | Phạm Trọng Hiện | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Trọng Toàn, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nưa, 1982, làm ruộng | |
| | 1/1/2007 | | tỉnh An Giang | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207002031 | | | | | | |
| **969** | Phạm Trọng Thực | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Trọng Toàn, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nưa, 1982, làm ruộng | |
| | 1/1/2007 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207003315 | | | | | | |
| 970 | Trương Minh Khánh | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trương Văn Giang, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Bích Trang, 1975, Làm ruộng | |
| | 10/18/2004 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 74204007662 | | | | | | |
| **971** | Nguyễn Thanh Sơn | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thanh Tùng; 1988, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Bé Tý; 1982, Làm ruộng | |
| | 10/12/2008 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91208016444 | | | | | | |
| 972 | Võ Minh Phụng | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Võ Văn Phong, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Kim Thà, 1976, Làm ruộng | |
| | '08/8/2006 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206009223 | | | | | | |
| **973** | Vũ Thanh Thế | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Vũ Văn Tuấn, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Tuyết Liễu, 1980, Làm ruộng | |
| | 1/22/2004 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204019085 | | | | | | |
| 974 | Huỳnh Chí Dũng | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Tươi, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Cúc Huyên, 1979, Làm ruộng | |
| | 6/6/2003 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203009341 | | | | | | |
| **975** | Nguyễn Thanh Bình | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Phương, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thắm, 1976, Làm ruộng | |
| | 2/15/2003 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203007351 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 976 | Nguyễn Minh Tiến | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Công Khanh,1947,Làm ruộng( ngoại) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Trà, 1946, Làm ruộng (bà ngoại) | |
| | 1/20/2003 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203016710 | | | | | | |
| **977** | Bùi Tuấn Thanh | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Bùi Văn Ruyệt, 1954, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trương Thị Huệ, 1959, Làm ruộng | |
| | 2/21/2002 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202010496 | | | | | | |
| 978 | Huỳnh Văn Quân | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Huỳnh Văn Út, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn thị Nương, 1978, Làm ruộng | |
| | 12/9/2003 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203009734 | | | | | | |
| **979** | Vũ Thanh Thế | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Vũ Văn Tấn, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Tuyết Liễu, 1980, Làm ruộng | |
| | 20/01//2004 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204235689 | | | | | | |
| 980 | Nguyễn Minh Tốt | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Minh Trường, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Gửi, 1975, Làm ruộng | |
| | 16/11/2003 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008500 | | | | | | |
| **981** | Võ Hoàng Duẩn | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Út, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Út, 1979, Làm ruộng | |
| | 1/1/2002 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202007516 | | | | | | |
| 982 | Lê Bình An | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Màu, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hương, 1981, Làm ruộng | |
| | 2/21/2003 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203005893 | | | | | | |
| **983** | Võ Minh Trạng | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Võ Văn Phong, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lý Kim Thà, 1978, Làm ruộng | |
| | 8/2/2004 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204013995 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 984 | Danh Hoài Vân | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Danh Thương, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Lụa, 1973, Làm ruộng | |
| | 3/10/2005 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091205006631 | | | | | | |
| **985** | Trần Chí Nghị | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Chí Nghiệp, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Kiều Oanh, 1977, Làm ruộng | |
| | 9/9/2002 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202005059 | | | | | | |
| 986 | Lê Hoàng Ân | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Cha chết | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phan Thị Nga, 1973, Làm ruộng | |
| | 5/26/2003 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203007697 | | | | | | |
| **987** | Võ Nhật Hào | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Phương Linh, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Hương, 1981, Làm ruộng | |
| | 4/18/2006 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206009552 | | | | | | |
| 988 | Nguyễn Minh Lượng | Làm ruộng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Yên, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Búp, 1987, Làm ruộng | |
| | 6/28/2007 | Không | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207014675 | | | | | | |
| 989 | Nguyễn Văn Quý Anh | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Thật, 1991, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Linh, 1990, Làm ruộng | |
| | 7/1/2006 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001239 | | | | | | |
| **990** | Nguyễn Văn Quý Em | Làm ruộng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Thật, 1991, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Linh, 1990, Làm ruộng | |
| | 7/1/2006 | Không | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206003274 | | | | | | |
| **991** | Chung Bá Tùng | Làm thuê | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Chung Bá Nam, 1972, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | Nhật Bản | ấp Minh Tân , U Minh Thượng | Nông dân | Cao đẳng CNOT | Trần Thị Mai, 1972, Làm ruộng | |
| | 7/4/2003 | Không | Nhật Bản | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203003830 | | | | Đoàn | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 992 | Danh Đà Ra | Du học | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Danh Dân, 1967, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Hàn Quốc | ấp Minh Tân, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Nguyệt, 1976, Làm ruộng | |
| | 8/6/2002 | Không | Hàn Quốc | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091202001178 | | | | | | |
| 993 | Nguyễn Văn Tỷ | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Muôn, 1968, Làm ruộng | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 HĐK kết luận bệnh teo |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thành, 1967, Làm ruộng | |
| | 24/3/2004 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204009807 | | | | | | |
| 994 | Phạm Nhật Anh | Sinh viên | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung Nông | 12/12 | Phạm Minh Dũng, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Thị Nở, 1978, Làm ruộng | |
| | 24/10/2005 | Không | Trường ĐH Tây Đô | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205014171 | | | | | | |
| 995 | Đỗ Anh Khoa | Sinh viên | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung Nông | 12/12 | Đỗ Danh Lập , 1962, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thanh Thắm, 1974, Làm ruộng | |
| | 04/07/2005 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205009440 | | | | | | |
| 996 | Đỗ Trọng Khá | Sinh viên | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung Nông | 12/12 | Đỗ Hữu Thân, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường đại học Nam cần thơ | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Thùy, 1988, Làm ruộng | |
| | 03/02/2007 | Không | Trường đại học Nam cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207000272 | | | | | | |
| 997 | Huỳnh Quý Lộc | Sinh viên | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Văn Nghĩa, 1965, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao Đẳng Công Thương HCM | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Phạm Thị Tự, 1967, Làm ruộng | |
| | 17/03/2007 | Không | Cao Đẳng Công Thương HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207011531 | | | | | | |
| 998 | Nguyễn Trung Kiên | Sinh viên | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Sắc, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường đại học Kiên Giang năm I | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Ngọc Kiều, 1987, Làm ruộng | |
| | 27/09/2007 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207011549 | | | | | | |
| 999 | Huỳnh Đăng Khoa | Học sinh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung Nông | 12/12 | Huỳnh Minh Trí, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | THCS & THPT Minh Thuận | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Học sinh | Không | Đặng Thị Diệu Em, 1981, Làm ruộng | |
| | 26/07/2007 | Không | Trường THCS & THPT Minh Thuận | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207014420 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1000 | Đoàn Minh Nhựt | Sinh viên | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đoàn Văn Yêm; 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH cần Thơ -Bác sỹ Thú y | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đặng Thị Nga; 1969, Làm ruộng | |
| | 27/04/2008 | Không | ĐH cần Thơ -Bác sỹ Thú y | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208018618 | | | | | | |
| 1001 | Phạm Quốc Nguyên | Sinh viên | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Mướp (chết) | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Hống Ánh; 1966, Làm ruộng | |
| | '19/03/2008 | Không | Trường ĐH Trà Vinh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208007207 | | | | | | |
| 1002 | Huỳnh Nhật Duy | Sinh viên | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Thanh Tùng; 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐHKG-Ngành kế toán | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đỗ Hồng Xa; 1988, Làm ruộng | |
| | 12/03/2008 | Không | Trường ĐHKG-Ngành kế toán | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208010058 | | | | | | |
| 1003 | Đặng Hữu Luân | Sinh viên | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Đặng Văn Trường 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học KG | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lê Thị Tím, 1986, Làm ruộng | |
| | 05/02/2008 | Không | Trường Đại học KG | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208012408 | | | | | | |
| 1004 | Đặng Văn Ninh | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Dũng, 1980, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Ngọc Hân, 1983, Làm ruộng | |
| | 02/03/2007 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207000272 | | | | | | |
| 1005 | Nguyễn Khánh An | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Bình, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Đằm, 1977, Làm ruộng | |
| | 01/01/2008 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208009995 | | | | | | |
| 1006 | Trần Hữu Bằng | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Trần Cưu Đen, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lữ Thị Ngọc Nuôi, 1986, Làm ruộng | |
| | 18/11/2007 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207017177 | | | | | | |
| 1007 | Phạm Văn Khánh | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Khởi, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Hà Thị Thúy, 1982, Làm ruộng | |
| | 02/12/2007 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207000147 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1008 | Đoàn Hoài Phúc | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Đoàn Văn Dự, 1980, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Thi, 1980, Làm ruộng | |
| | 06/01/2006 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 372143220 | | | | | | |
| 1009 | Trương Phú Hào | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trương Trung Liệt, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Cưởng, 1984, Làm ruộng | |
| | 27/05/2006 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206005411 | | | | | | |
| 1010 | Thái Văn Vĩnh | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Thái Văn Tỷ, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Vui, 1972, Làm ruộng | |
| | 02/06/2006 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 371161185 | | | | | | |
| 1011 | Võ Thành Phúc | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Võ Thanh Tâm, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Trung Nguyện, 1986, Làm ruộng | |
| | 14/09/2006 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206011346 | | | | | | |
| 1012 | Bùi Huỳnh Thanh Hào | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Bùi Thanh Phong, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Son, 1981, Làm ruộng | |
| | 03/6/2003 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203134568 | | | | | | |
| 1013 | Đặng Minh Duy | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đặng Văn Hiền, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Loan, 1987, Làm ruộng | |
| | 13/08/2006 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206014261 | | | | | | |
| 1014 | Đặng Trọng Trí | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Đặng Văn Tùng, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lâm Thị Lành, 1980, Làm ruộng | |
| | 06/10/2004 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204125689 | | | | | | |
| 1015 | Đỗ Trọng Nhân | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 1/12 | Đỗ Văn Út Nhỏ, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Xương, 1980, Làm ruộng | |
| | 16/04/2004 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204012725 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1016 | Đặng Minh Quy | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Đặng Văn Tửng, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Hồng Thị Lan, 1988, Làm ruộng | |
| | 05/08/2004 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204235689 | | | | | | |
| 1017 | Lâm Thái Kỷ | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lâm Văn Hoài, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Chi, 1975, Làm ruộng | |
| | 03/05/2002 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202006755 | | | | | | |
| 1018 | Trần Văn Trường Giang | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Cọl, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Bé Ba, 1977, Làm ruộng | |
| | 18/05/2002 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202003118 | | | | | | |
| 1019 | Lê Văn Biện | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Quang (chết), 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Ngô Mỹ Chân, 1979, Làm ruộng | |
| | 24/12/2002 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202009711 | | | | | | |
| 1020 | Nguyễn Văn Dương | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Mol, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đào thị Dạng, 1981, Làm ruộng | |
| | 07/01/2003 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002465 | | | | | | |
| 1021 | Nguyễn Văn Nhàn | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lê Văn An, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thắm, 1979, Làm ruộng | |
| | 09/01/2003 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203013929 | | | | | | |
| 1022 | Đỗ Vũ Luân | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Đỗ Thành Phú, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Vẹn, 1985, Làm ruộng | |
| | 14/12/2003 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008181 | | | | | | |
| 1023 | Đặng Minh Tỷ | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Đặng Minh Dương, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Diễm, 1983, Làm ruộng | |
| | 25/02/2003 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203009263 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1024 | Nguyễn Văn Vững | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Chương, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Duyên, 1978, Làm ruộng | |
| | 03/07/2003 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203009672 | | | | | | |
| 1025 | Trần Văn Đành | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Lợi Anh, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Dương Thị Mến, 1980, Làm ruộng | |
| | 17/10/2003 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203451226 | | | | | | |
| 1026 | Đoàn Hoài Thương | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Đoàn Văn Dự, 1980, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Thi, 1980, Làm ruộng | |
| | 26/01/2004 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204125257 | | | | | | |
| 1027 | Trần Thanh Giang | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Trần Thanh Biên, 1966 (chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Dung, 1969, Làm ruộng | |
| | 01/01/2002 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202008272 | | | | | | |
| 1028 | Vũ Đình Khôi | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Vũ Minh Đáng, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Đẹn, 1986, Làm ruộng | |
| | 15/10/2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205006525 | | | | | | |
| 1029 | Châu Trí Hữu | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Châu Tấn Tú, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Khỏe, 1974, Làm ruộng | |
| | 27/02/2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205012909 | | | | | | |
| 1030 | Châu Trí Khang | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Châu Tấn Hùng, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hằng, 1974, Làm ruộng | |
| | 23/04/2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205011078 | | | | | | |
| 1031 | Châu Chí Bảo | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Châu Tấn Hùng, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hằng, 1974, Làm ruộng | |
| | 23/04/2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205009816 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1032 | Phan Ngọc Đủ | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phan Văn Nhàn, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Thắm, 1963, Làm ruộng | |
| | 30/12/2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205008764 | | | | | | |
| 1033 | Phạm Văn Đảm | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Phạm Văn Hờ, 1988, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đỗ Ngọc Diễn, 1983, Làm ruộng | |
| | 16/02/2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205004355 | | | | | | |
| 1034 | Bùi Minh Nhí | Làm Thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Bùi Tấn Phong, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhiều, 1979, Làm ruộng | |
| | 11/10/2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205006991 | | | | | | |
| 1035 | Lê Ngọc Ẩn | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Mộng, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Nhi, 1977, Làm ruộng | |
| | 21/12/2004 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204009290 | | | | | | |
| 1036 | Mai Văn Nhân | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Mai Văn Tâm, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phượng, 1970, Làm ruộng | |
| | 4/10/2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205007285 | | | | | | |
| 1037 | Tạ Quang Dĩ | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Tạ Văn Dẫn, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phượng Em, 1979, Làm ruộng | |
| | 29/01/2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205012227 | | | | | | |
| 1038 | Đặng Chí Thức | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 1/12 | Đặng Bé Ba, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Diệu Em, 1981, Làm ruộng | |
| | 17/03/2004 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204010357 | | | | | | |
| 1039 | Đặng Văn Châu | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Đặng Văn Ke 1976, (Chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Tiện, 1978 , làm ruộng | |
| | 02/8/2004 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204008220 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1040 | Lê Văn Quy | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Khen, 1952 (Nội), Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Văn Thị Nhứt, 1958, Làm ruộng | |
| | 0'7/01/2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205232568 | | | | | | |
| 1041 | Phạm Quốc Nghiêm | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Hữu Thuyền, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lâm Thị Tuyền, 1978, Làm ruộng | |
| | 29/06//2003 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203015690 | | | | | | |
| 1042 | Nguyễn Vũ Duy | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Thật, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Huệ, 1973, Làm ruộng | |
| | 22/11//2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 36205016122 | | | | | | |
| 1043 | Phạm Trường Giang | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Buôl, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thu, 1979, Làm ruộng | |
| | 20/01//2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205008910 | | | | | | |
| 1044 | Trần Minh Tèo | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trần Minh Hiệp (Nội)1949, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Dần (Nội) 1952, Làm ruộng | |
| | 15/03//2003 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203009439 | | | | | | |
| 1045 | Danh Tính | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Danh Linh, 1960, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Sựa, 1961, Làm ruộng | |
| | 10/09/2001 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201013626 | | | | | | |
| 1046 | Nguyễn Văn Nhựt | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Khang, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phượng, 1978, Làm ruộng | |
| | 16/02/2003 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203002462 | | | | | | |
| 1047 | Nguyễn Văn Trạng | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Cò, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đào Thị Chi, 1973, Làm ruộng | |
| | 16/12/2002 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202010336 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1048 | Nguyễn Vũ Ca | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Minh Lũy, 1949, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Hồng, 1955, Làm ruộng | |
| | 10/11/2001 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201005183 | | | | | | |
| 1049 | Phạm Văn Nhân | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Phạm Văn Phèn, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phượng, 1978, Làm ruộng | |
| | 21/01//2004 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204006723 | | | | | | |
| 1050 | Võ Thanh Sang | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Thanh Tùng, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Giáo, 1982, Làm ruộng | |
| | 24/11/2001 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201004798 | | | | | | |
| 1051 | Danh Khánh | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung Nông | 4/12 | Tô Văn Cháp, 1973 (chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Danh Thị Nga, 1970, Làm ruộng | |
| | 29/10/2007 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091207010545 | | | | | | |
| 1052 | Trương Trung Trí | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trương Trung Bền, 1989, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Cẩm Tú, 1990, làm ruộng | |
| | 10/11/2007 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 09120701099 | | | | | | |
| 1053 | Nguyễn Hoàng Huy | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Lao Động, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Đủ, 1982, Làm ruộng | |
| | 13/08/2007 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207008852 | | | | | | |
| 1054 | Đặng Tuấn Bo | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Đặng Văn Hậu, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hương, 1980, Làm ruộng | |
| | 26/10/2007 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207007345 | | | | | | |
| 1055 | Phạm Phú Tài | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung Nông | 5/12 | Phạm Văn Dự, 1990, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Cẩm Linh, 1987, Làm ruộng | |
| | 16/06/2007 | Không | TP.HCM | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091207013107 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1056 | Phan Thanh Trà | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Phan Thanh Phong, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Châu Kim Cương, 1978, Làm ruộng | |
| | 05/03/2006 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001792 | | | | | | |
| 1057 | Phan Chí Nhật | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phan Văn Tèo; 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Thu, 1986, làm ruộng | |
| | 28/12/2008 | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208018405 | | | | | | |
| 1058 | Trần Minh Thừa | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Minh Triều, 1986, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Phương; 1988, Làm ruộng | |
| | 21/04/2008 | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208005285 | | | | | | |
| 1059 | Đặng Khánh Duy | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | '6/12 | Đặng Văn Tùng; 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lâm Thị Lành; 1980, Làm ruộng | |
| | 14/11/2008 | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208018279 | | | | | | |
| 1060 | Phạm Nhật Tân | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Xuyên, 1990, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Hằng; 1992, Làm ruộng | |
| | 07/04/2008 | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208008143 | | | | | | |
| 1061 | Tạ Quang Nhiên | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Tạ Văn Dẫn; 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Phương Em; 1978 (chết) | |
| | 26/11/2008 | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208013765 | | | | | | |
| 1062 | Lê Minh Đẳng | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Bình; 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Xuyên; 1985, Làm ruộng | |
| | 07/06/2008 | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208009967 | | | | | | |
| 1063 | Nguyễn Chí Thanh | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phan Văn Tuấn; 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tuyết Mai, 1988, làm ruộng | |
| | 18/04/2008 | Không | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208018819 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1064 | Hồ Minh Sang | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Hồ Hoàng Khang, 1974, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đỗ Thị Loan, 1975, Làm ruộng | |
| | 26/12/2002 | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202003275 | | | | | | |
| 1065 | Đồng Thanh Hào | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Đồng Thanh Cường, 1975, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Luôl, 1979, Làm ruộng | |
| | 17/11/2005 | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205004359 | | | | | | |
| 1066 | Nguyễn Văn Trọng | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Nguyễn Văn Nguyên, 1984, làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Thu Ngọc, 1985, Làm ruộng | |
| | 19/08/2007 | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 75207024327 | | | | | | |
| 1067 | Danh Ly Nam | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12' | Danh Ly Na, 1978, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Yến Nhi, 1987, Làm ruộng | |
| | 28/07/2006 | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206010830 | | | | | | |
| 1068 | Lê Hải Đăng | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Lê Văn Toàn, 1982, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nguyên, 1983, Làm ruộng | |
| | 15/07/2006 | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206016438 | | | | | | |
| 1069 | Nguyễn Văn Đẳng | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Bình, 1985, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Chúc Linh, 1987, Làm ruộng | |
| | 13/06/2005 | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205008132 | | | | | | |
| 1070 | Huỳnh Hữu Lợi | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 10/12 | Huỳnh Quốc Dũng, 1966, làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hằng, 1981, Làm ruộng | |
| | 13/01/2006 | Không | Thành Phố Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206007714 | | | | | | |
| 1071 | Huỳnh Lê Xuân Hoàng | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Huỳnh Xuân Sơn, 1980, làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê thị Kiều Oanh, 1980, làm ruộng | |
| | 29/05/2007 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207013370 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1072 | Nguyễn Gia Bảo | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Thảo, 1980, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Đẹp, 1980, Làm ruộng | |
| | 08/03/2006 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206007813 | | | | | | |
| 1073 | Trần Hoàng Lấn | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Trần Văn Mức, 1984, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Chen, 1984, Làm ruộng | |
| | 17/06/2005 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205004434 | | | | | | |
| 1074 | Trần Nguyễn Khánh | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Trần Thanh hậu, 1977, làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Thắm, 1977, Làm ruộng | |
| | 04/09/2007 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207009260 | | | | | | |
| 1075 | Trần Khánh Hưng | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Trần Minh Hùng, 1977, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Bích Quýt, 1982, Làm ruộng | |
| | 10/10/2007 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207009935 | | | | | | |
| 1076 | Phạm Nhất Nguyện | Làm thuê | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Vũ, 1984, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | Nhật Bản | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Lê Thị Liễu, 1985 | |
| | 11/10/2003 | Không | Nhật Bản | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204001826 | | | | | | |
| 1077 | Nguyễn Gia Hưng | Làm ruộng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Ly; 1982, Làm ruộng | Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn |
| | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mẫu; 1988, Làm ruộng | |
| | 24/11/2008 | Không | ấp Minh Kiên A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208017947 | | | | | | |
| 1078 | Ngô Phúc Nguyên | Sinh viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Ngô Văn Tào, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nguyễn Tất Thành | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Huỳnh Thị Ngân, 1981, Làm ruộng | |
| | 3/10/2005 | Không | Trường ĐH Nguyễn Tất Thành | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205001152 | | | | | | |
| 1079 | Phạm Long Ril | Sinh viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Minh Hải, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Võ Huỳnh Mai, 1976, Làm ruộng | |
| | 24/1/2006 | Không | Trường ĐH KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206012581 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1080 | Phạm Nhựt Trường | Sinh viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Thanh Trí, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐHKG | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Võ Thị Mỹ Kiều, 1981, Làm ruộng | |
| | 18/5/2005 | Không | Trường ĐHKG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 092205006354 | | | | | | |
| 1081 | Võ Trí Phát | Sinh viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Văn Tài, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trương Thị Kiều, 1980, Làm ruộng | |
| | 28/11/2007 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207015427 | | | | | | |
| 1082 | Danh Vàng | Sinh Viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Danh Vũ Minh, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Đại học Công thương QT Cần thơ | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Phạm Thị Lý, 1987, Làm ruộng | |
| | 27/8/2006 | Không | Đại học Công thương QT Cần thơ | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 0091206012762 | | | | | | |
| 1083 | Phạm Hào Phát | Sinh viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Tuấn, 1973,Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Thắm, 1975,Làm ruộng | |
| | 30/3/2007 | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207001394 | | | | | | |
| 1084 | Nguyễn Văn Hạo | Sinh viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Lơ, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đặng Thị Kiều, 1978, Làm ruộng | |
| | 22/12/2007 | Không | Trường ĐH Tây Đô | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207009204 | | | | | | |
| 1085 | Võ Phú Nhuận | Sinh viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Võ Văn Cường, 1983, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | | Trường đại hoc FPT Cần thơ | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lê Thị Lành, 1987, Làm ruộng | |
| | 27/4/2006 | Không | Trường đại hoc FPT Cần thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206011294 | | | | | | |
| 1086 | Nguyễn Thêm Lộc | Sinh viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Tấn, 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Kiều Ngọc Lam, 1977, Làm ruộng | |
| | 3/7/2004 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204011029 | | | | | | |
| 1087 | Trần Minh Thái | Sinh viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Vũ Phong, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Y tế Cần Thơ | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Sinh viên | | Nguyễn Thu Xương, 1979, làm ruộng | |
| | 04/10/2008 | Không | Trường CĐ Y tế Cần Thơ | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208004011 | | | | Đoàn | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày tháng năm sinh<br>Số căn cước hoặc CCCD | Nghề nghiệp<br>Nơi làm việc<br>Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi thường trú của gia đình, bản thân.<br>Nơi ở hiện nay của bản thân.<br>Nơi làm việc (nếu có) | Thành phần gia đình<br>Thành phần bản thân<br>Dân tộc,Tôn giáo | Trình độ văn hóa,CMKT<br>Ngoại ngữ<br>Đảng Đoàn | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1088 | Trương Văn Duy | Sinh viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trương Văn Chở, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | CĐ KG, Ngành thú y | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Út, 1980, Làm ruộng | |
| | 13/01/2008 | Không | CĐ KG, Ngành thú y | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208014367 | | | | | | |
| 1089 | Phạm Văn Đô | Sinh viên | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Phạm Hoàng Anh, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Võ Thị Lài, 1985, Làm ruộng | |
| | 17/10/2008 | Không | Trường ĐH Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208018436 | | | | | | |
| 1090 | Nguyễn Đức Thành | Làm ruộng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Tiến Trung, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Phạm Thị Còn Em, 1985, Làm ruộng | |
| | 1/1/2006 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206016601 | | | | | | |
| 1091 | Trần Bảo | Làm ruộng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trần Quốc Tuấn, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Thị Em, 1978, Làm ruộng | |
| | 1/1/2006 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | | | | | | | |
| 1092 | Võ Nhật Minh | Làm ruộng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Toàn, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Võ Thị Mẩn, 1982, Làm ruộng | |
| | 5/15/2005 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205015554 | | | | | | |
| 1093 | Mai Lý Tiện | Làm thuê | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Mai Lý Thuận, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Huỳnh Thị Nương, 1982, Làm ruộng | |
| | 5/22/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91003235689 | | | | | | |
| 1094 | Nguyễn Văn Quyết | Làm ruộng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Dững, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Tâm, 1976, Làm ruộng | |
| | 10/4/2001 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201015462 | | | | | | |
| 1095 | Đặng Ngọc Hải | Làm ruộng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 1/12 | Đặng Văn Nhàn, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Thoảng, 1981, Làm ruộng | |
| | 7/1/2001 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201009802 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1096 | Võ Minh Kiên | Làm ruộng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Võ Văn Hiền, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Ngọc Huyền, 1979, Làm ruộng | |
| | 6/1/2001 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201007724 | | | | | | |
| 1097 | Lử Minh Đang | Làm ruộng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Lữ Minh Đúng, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Lê Thị Khoe, 1984, Làm ruộng | |
| | 10/26/2003 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203006954 | | | | | | |
| 1098 | Nguyễn Văn Luân | Làm ruộng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Phước, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Lâm Thị Như, 1971, Làm ruộng | |
| | 2/27/2002 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202011270 | | | | | | |
| 1099 | Phạm Thanh Cần | Làm thuê | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Phạm Tấn Lực, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Võ Thị Bích, 1972, Làm ruộng | |
| | 4/1/2004 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204008866 | | | | | | |
| 1100 | Thái Thành Đạt | Làm ruộng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Thái Văn Nu, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Lương Thị Mận, 1978, Làm ruộng | |
| | 9/25/2003 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203013000'0912 | | | | | | |
| 1101 | Phạm Văn Thái | Làm ruộng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 4/12 | Phạm Văn Đèo, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trương Thị Ly, 1971, Làm ruộng | |
| | 1/1/2007 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207014405 | | | | | | |
| 1102 | Nguyễn Chí Thiên | Làm ruộng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Khánh, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Phương Loan, 1984, Làm ruộng | |
| | 3/26/2007 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207002730 | | | | | | |
| 1103 | Ngô Trung Hiếu | Làm thuê | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Ngô Thanh Tâm, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Hiền, 1983, Làm ruộng | |
| | 6/26/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202013398 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1104 | Phạm Chí Thành | Làm thuê | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Tuấn, 1987, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trương Thị Tuyết Nhung, 1981, Làm ruộng | |
| | 1/13/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 91003689625 | | | | | | |
| 1105 | Võ Minh Khánh | Làm thuê | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Khiển, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Châu Thị Chuyền, 1977, Làm ruộng | |
| | 3/23/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203008808 | | | | | | |
| 1106 | Trương Văn Khiêm | Làm ruộng ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Trương Văn Xuyến, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Diên 1986, Làm ruộng | |
| | 8/11/2007 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 09127002059 | | | | | | |
| 1107 | Trần Văn Đông | Làm ruộng ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Cung, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Son, Làm ruộng | |
| | 20/8/2008 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208006175 | | | | | | |
| 1108 | Thái Hoài Nhật | Làm ruộng ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 3/12 | Nguyễn Văn Sự, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Thái Thị Kim Thao, 1983, Làm ruộng | |
| | 19/10/2008 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208007249 | | | | | | |
| 1109 | Ngô Linh Dương | Làm ruộng ấp Minh Thành, U Minh Thượng | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Ngô Thanh Tâm, 1976, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Nguyễn Thị Hiền, 1983, Làm ruộng | |
| | 23/11/2008 | Không | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208007249 | | | | | | |
| 1110 | Trần Vũ | Làm thuê | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Trung nông | 9/12 | Trần Quốc Tuấn, 1969, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP.HCM | ấp Minh Thành, U Minh Thượng | Phụ thuộc | Không | Trần Thị Em, 1978, Làm ruộng | |
| | 19/10/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091203010292 | | | | | | |
| 1111 | Đặng Nguyễn Khang | Làm ruộng ấp Minh Thành A, U Minh Thượng | ấp Minh Thành A, U Minh Thượng | Trung nông | 08/12 | Đặng Văn Dũng, 1944 (Ông nội) | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 Lao động duy nhất |
| | Không | | ấp Minh Thành A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Võ Thị Mai, 1950 (Bà nội) | |
| | 2/2/2005 | Không | ấp Minh Thành A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205016740 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1112 | Nguyễn Vũ Thái | Học sinh | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12 | Nguyễn Văn Lượng; 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | THCS & THPT Minh Thuận | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Học sinh | Không | Trần Thị Nhơn; 1970, Làm ruộng | |
| | 7/10/2008 | Không | THCS & THPT Minh Thuận | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208002207 | | | | | | |
| 1113 | Lâm Phú Thịnh | Học sinh | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 11/12 | Lâm Hoài Nghi; 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | THPT Vĩnh Thuận | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Học sinh | Không | Trần Thị Nghi; 1987, Làm ruộng | |
| | 20/07/2008 | Không | THPT Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 09128005937 | | | | | | |
| 1114 | Nguyễn Danh Dương | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Ngân;1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ KG | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Huỳnh Thị Thu Gấm; 1984, Làm ruộng | |
| | 01/01/2008 | Không | Trường CĐ KG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208001657 | | | | | | |
| 1115 | Trần An Phú | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Của;1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐKG-Thú y | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Lý Thị Bích Vân; 1980, Làm ruộng | |
| | 17/02/2008 | Không | Trường ĐKG-Thú y | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208005548 | | | | | | |
| 1116 | Nguyễn Quốc Huy | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Điệp;1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam CT - Du lịch | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Đặng Thị Màu;1987, Làm ruộng | |
| | 28/10/2008 | Không | Trường ĐH Nam CT - Du lịch | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208013005 | | | | | | |
| 1117 | Nguyễn Chí Nguyện | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Trần Quốc Cường, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ KG- Dược | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Bích Tiền, 1987, Làm ruộng | |
| | 22/2/2006 | Không | Trường CĐ KG- Dược | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206018847 | | | | | | |
| 1118 | Nguyễn Phú Tân | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Lơi, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG -CNKT Ô TÔ | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Bùi Thị Nhung, 1986, Làm ruộng | |
| | 15/4/2006 | Không | Trường ĐH KG -CNKT Ô TÔ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206008260 | | | | | | |
| 1119 | Nguyễn Vũ Lâm | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Lượng, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Sinh viên | Không | Trần Thị Nhơn, 1970, Làm ruộng | |
| | 24/2/2006 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206012565 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1120 | Lê Đỗ Đăng Khoa | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 12/12 | Lê Hùng Cường, 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH tôn Đức Thăng TP | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Sinh viên | Không | Đỗ Trúc Ly, 1983, Làm ruộng | |
| | 11/2/2005 | Không | Trường ĐH tôn Đức Thăng TP | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205007655 | | | | | | |
| 1121 | Phạm Như Thuần | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Mọi, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG - Công nghệ ô tô | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Do, 1979, Làm ruộng | |
| | 16/11/2005 | Không | Trường ĐH KG - Công nghệ ô tô | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 91205001144 | | | | | | |
| 1122 | Nguyễn Trọng Nguyễn | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Hoàng Anh, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH NCThơ - XN y học | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Bé Loan, 1984, Làm ruộng | |
| | 13/10/2005 | Không | Trường ĐH NCT - XN y học | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205001143 | | | | | | |
| 1123 | Trương Văn Nghị | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 12/12 | Trương Văn Coi, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Nam Cần Thơ -CNKT Ô TÔ | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Thùy, 1986, Làm ruộng | |
| | 29/5/2007 | Không | ĐH Nam Cần Thơ -CNKT Ô TÔ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207010591 | | | | | | |
| 1124 | Huỳnh Gia Bảo | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Vủ Bình, 1986, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KG - Công nghệ ô tô | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Daly, 1989, Làm ruộng | |
| | 29/5/2007 | Không | Trường ĐH KG - Công nghệ ô tô | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207014187 | | | | | | |
| 1125 | Nguyễn Chí Thiện | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Chí Linh, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Tây Đo- Hướng dẫn viên du lịch | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Sinh viên | Không | Nguyễn Thị Liền, 1981, Làm ruộng | |
| | 29/9/2007 | Không | ĐH Tây Đo- Hướng dẫn viên du lịch | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207010732 | | | | | | |
| 1126 | Huỳnh Phương Huỳnh | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 11/12 | Huỳnh Văn Kiệt; 1965, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Sinh viên | Không | Nguyễn Việt Miền; 1975, Làm ruộng | |
| | 08/08/2008 | Không | ĐH Cần Thơ Tài chính ngân hàng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 096208000583 | | | | | | |
| 1127 | Bùi Nhựt Duy | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 12/12 | Bùi Thanh Khang:1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH nông lâm thành phố HCM | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Sinh viên | Không | Mai Mộng Thúy:1985, Làm ruộng | |
| | 8/22/2008 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 096208000384 | | | | | | |

| STT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1128 | Bùi Quang Khang | Sinh viên | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 12/12 | Bùi Quang Tăng, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ FPT Cần Thơ | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Sinh viên | Không | Võ Huyền Trang, 1980, Làm ruộng | |
| | 24/2/2006 | Không | Trường CĐ FPT Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206004767 | | | | | | |
| 1129 | Cao Văn Nhật | Làm thuê | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 6/12 | Cao Thị Bé Bảy; 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Đặng Thị Út; 1987, Làm ruộng | |
| | 1/1/2008 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | | | | | | | |
| 1130 | Nguyễn Văn Đảm | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Bảo, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thọ, 1977, Làm ruộng | |
| | 7/30/2006 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206004563 | | | | | | |
| 1131 | Bùi Văn Hão | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 6/12 | Bùi Anh Ửng, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Lê Thị Sang, 1980, Làm ruộng | |
| | 2/17/2002 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202001199 | | | | | | |
| 1132 | Phạm Thanh Bình | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 5/12 | Phạm Thanh An, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Cao Lan Phương, 1984, Làm ruộng | |
| | 10/6/2005 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205004973 | | | | | | |
| 1133 | Lâm Triệu Vỹ | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 7/12 | Lâm Đại Nghiệp, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Luyến, 1985, Làm ruộng | |
| | 12/14/2005 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205005359 | | | | | | |
| 1134 | Đỗ Hoàng Luân | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 7/12 | Đỗ Hoàng Tẻn, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Phan Thị Linh, 1976, Làm ruộng | |
| | 4/20/2005 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205009903 | | | | | | |
| 1135 | Trương Vũ Linh | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Trung nông | 7/12 | Trương Thanh Sang, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Nông dân | Không | Lê Thị Loan, 1980, Làm ruộng | |
| | 7/1/2001 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thương | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96201010366 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1136 | Trương Hoàng Tây | Làm thuê | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trương Văn Mọng, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Út Phụng, 1984, Làm ruộng | |
| | 11/5/2005 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205005426 | | | | | | |
| 1137 | Nguyễn Quang Vinh | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Nhơn, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Chung, 1982, Làm ruộng | |
| | 11/17/2007 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96207003025 | | | | | | |
| 1138 | Trương Hoàng Pháp | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Trương Văn Mộng, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Út Phụng, 1984, Làm ruộng | |
| | 12/28/2007 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091207002968 | | | | | | |
| 1139 | Nguyễn Hữu Trọng | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Lâm, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Kha;, 1984, Làm ruộng | |
| | 1/1/2008 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 0912080014917 | | | | | | |
| 1140 | Nguyễn Anh Tuấn | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Minh Trí, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị Thúy, 1979, Làm ruộng | |
| | 5/4/2004 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204008349 | | | | | | |
| 1141 | Nguyễn Minh Nhật | Làm thuê | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Được, 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Thị My, 1971, Làm ruộng | |
| | 4/1/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202008024 | | | | | | |
| 1142 | Bùi Chí Nguyện | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Bùi Thanh Tâm, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Thị Vân, 1982, Làm ruộng | |
| | 4/11/2004 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204016786 | | | | | | |
| 1143 | Trương Quốc Khải | Làm thuê | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trương Xuân Cầu, 1962 (chết) | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thủy, 1962 (chết) | |
| | 8/10/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202005084 | | | | | | |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh<br>Họ, chử đệm và tên thường dùng<br>Ngày tháng năm sinh<br>Số căn cước hoặc CCCD | Nghề nghiệp<br>Nơi làm việc<br>Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi thường trú của gia đình, bản thân.<br>Nơi ở hiện nay của bản thân.<br>Nơi làm việc (nếu có) | Thành phần gia đình<br>Thành phần bản thân<br>Dân tộc,Tôn giáo | Trình độ văn hóa,CMKT<br>Ngoại ngữ<br>Đảng Đoàn | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1144 | Phạm Chí Lâm<br>Không<br>3/9/2003<br>091203000430 | Làm ruộng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 7/12<br>Không<br>Không | Phạm Văn Chắc, 1976, Làm ruộng<br>Nguyễn Thị Mỹ Thanh, 1975, Làm ruộng<br>Nguyễn Thị Hạnh, 2003, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| 1145 | Trương Quốc Khanh<br>Không<br>7/10/2002<br>091205000853 | Làm ruộng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 6/12<br>Không<br>Không | Trương Xuân Cầu, 1962 (chết)<br>Nguyễn Thị Thủy, 1962 (chết)<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 1146 | Bùi Hiếu Nghĩa<br>Không<br>7/9/2002<br>091202006545 | Làm ruộng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 7/12<br>Không<br>Không | Bùi Thanh Tâm, 1970, Làm ruộng<br>Thị Vân, 1973, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 1147 | Võ Văn Kha<br>Không<br>6/26/2001<br>091201002268 | Làm ruộng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 4/12<br>Không<br>Không | Võ Văn Tiển, 1982, Làm ruộng<br>Trần Thị kiều Trang, 1987, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 1148 | Nguyễn Chí Thanh<br>Không<br>11/12/2003<br>091203005770 | Làm thuê<br>TP.HCM<br>Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>TP.HCM | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 7/12<br>Không<br>Không | Nguyễn Thanh Phong, 1982, Làm ruộng<br>Nguyễn Kim Thoa, 1982, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 1149 | Nguyễn Văn Đáng<br>Không<br>9/14/2003<br>091203006199 | Làm thuê<br>TP.HCM<br>Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>TP.HCM | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 5/12<br>Không<br>Không | Nguyễn Văn Xứng, 1976, Làm ruộng<br>Nguyễn Thị Cà, 1981, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 1150 | Bùi Thanh Tổng<br>Không<br>1/21/2002<br>091202000301 | Làm ruộng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 6/12<br>Không<br>Không | Bùi Phương Tây, 1982, Làm ruộng<br>Huỳnh Thị Phiến, 1983, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |
| 1151 | Nguyễn Chí Tính<br>Không<br>8/14/2005<br>091205005640 | Làm ruộng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng<br>ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 7/12<br>Không<br>Không | Nguyễn Thanh Phong, 1974, Làm ruộng<br>Nguyễn T. Kim Thoa, 1976, Làm ruộng<br>Không | Trình độ văn hoá thấp |

| STT | Họ, chử đệm và tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình, bản thân. | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa,CMKT | Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chử đệm và tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân. | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ tên mẹ,năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc,Tôn giáo | Đảng Đoàn | Họ tên vợ (chồng),năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số căn cước hoặc CCCD | | | | | | |
| 1152 | Nguyễn Trọng Trí | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Kiệm, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Đặng Thị Nga, 1979, Làm ruộng | |
| | 8/27/2005 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205015711 | | | | | | |
| 1153 | Nguyễn Văn Phục | Làm thuê | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Bùi Thị Cách, 1972, Làm ruộng | |
| | 3/20/2002 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202011670 | | | | | | |
| 1154 | Trần Vũ lâm | Làm thuê | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 6/12 | Trần Thanh Vũ, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Trần Ngọc sương, 1984, Làm ruộng | |
| | 1/7/2003 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 96203010061 | | | | | | |
| 1155 | Lê Hữu Luân | Làm thuê | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Bé, 1964, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | TP.HCM | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Út Lớn, 1965, Làm ruộng | |
| | 7/4/2001 | Không | TP.HCM | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201005620 | | | | | | |
| 1156 | Đỗ Minh Kha | Làm Xe Cuốc | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 7/12 | Đỗ Văn Ca; 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhanh, 1986, Nọi trợ | |
| | 21/02/2008 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208017550 | | | | | | |
| 1157 | Nguyễn Quốc Hào | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Quốc Bảo, 1981, làm ruộng | Trình độ văn hoá thấp |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Mai Bé Hiếu, 1982, Làm ruộng | |
| | 1/1/2007 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Không | Không | |
| | | | | | | | |
| 1158 | Lâm Thành Quy | Làm thuê | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Lâm Thành Nguyên, 1972, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu nước ngoài |
| | Không | Trung Quốc | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Thúy, 1978, Làm ruộng | |
| | 18/9/2005 | Không | Trung Quốc | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205013493 | | | | | | |
| 1159 | Nguyễn Minh Nghĩa | Làm ruộng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Công Nhân, 1978, làm ruộng | Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn |
| | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Nông dân | Không | Võ Thị Hà (Ngoại); 1943, Làm ruộng | |
| | 23/03/2008 | Không | ap Minh Thanh A, U Minh Thượng | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208016524 | | | | | | |